

VÕ HỒNG

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON



Người về đầu non

Võ Hồng

người về đầu non

Võ Hồng

Bìa: *Văn*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

người về đầu non

VÕ HỒNG

VĂN
xuất bản 1968

1

Mỗi lần hướng mắt quay lui nhìn về quá khứ là tôi thấy bóng dáng của ông Bác tôi hiện lên, bao trùm cả một quãng đời thơ ấu của tôi như cây đa cổ thụ vẫn đứng bao trùm cả một vùng đất đá hoang vu, tỏa bóng mát hiền lành xuống một tòa cổ miếu, một mái chùa rêu phong hay những căn lều chợ xơ xác quê mùa. Bác là tượng trưng cho sự làm việc cần mẫn, sự tính toán dự phòng thường trực, sự khôn ngoan

thực tế. Lúc nào tôi cần đến là đã có Bác hiện diện, như mái nhà luôn luôn hiện diện che nắng che mưa. Khi tôi bắt đầu có trí khôn, trí óc ghi nhận được sự hiện hữu của một vũ trụ nhỏ bé quen thuộc quanh mình thì khuôn mặt tôi ghi nhận đầu tiên là khuôn mặt Bác.

Bác không con. Bác gái có sinh một lần, nuôi không được rồi từ đó bắt luôn không sinh nở nữa. Vì thế khi tôi vừa đầy tuổi và mẹ tôi bắt đầu có mang lại thì Bác gái bắt tôi về nuôi, lấy cớ là sợ tôi bú sữa non. Rồi sau đó giữ nuôi luôn không trả lại. Tôi đã sống như thế nào trong những năm lên hai lên ba, tôi không hề biết. Không ai kể lại cho tôi nghe những ngày quá khứ đó. Không có một bức ảnh kỷ niệm để được biết ít nhất cái khuôn mặt của mình. Kỷ niệm lùi xa nhất mà tôi còn giữ lại là những buổi chiều tôi theo Bác

ra vườn tắm. Có lẽ lúc đó tôi lên năm. Bác mặc quần đùi và tôi trần truồng. Bác thả gàu xuống giếng mức nước, lại đứng trên một tảng đá rộng đặt cạnh bụi đình-lăng. Tôi đứng ngang đùi Bác và khi Bác xối gàu nước xuống, nước chảy ào luôn từ đầu đến chân tôi. Tha hồ mà ngộp, mà lật đật lấy hai tay vuốt mặt và đôi chân cứ nháy cốn lên.

Những buổi trưa Bác gọi tôi bỏ chơi để lên vông ngủ. Tôi nằm một đầu vông và Bác nằm ở đầu kia. Bác cầm một cuốn thơ Lục Vân Tiên viết bằng chữ Nôm bìa đã rách, những tờ đầu đen mướt mồ hôi. Bác ngâm nga tiếng rang rang như không phải chỉ cốt để tôi nghe. Có lẽ cả bốn năm nhà lân cận cũng đang lắng tai nghe câu chuyện đang tới thời kỳ hồi hộp:

Trịnh Hâm về tới Hàn giang.

*Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm
ngay.*

Trịnh Hâm bị cá nuốt rày.

Tôi hình dung thấy Trịnh Hâm đi thuyền ở ngay trên khúc sông trước mặt nhà tôi, khúc sông rộng tre mọc rậm hai bên bờ. Bóng hàng tre ngã xuống mặt nước và bờ sông lồi ra lõm vào làm cho lòng sông trông như hẹp bớt lại. Sóng nổi cao hơn những buổi trưa có gió. Con đò vẫn do ông Hy chống, – Hy là tên ông lão chống đò quen thuộc, – và Trịnh Hâm sao mặt giống lão Đấu. Lão Đấu là người ở cách nhà tôi mười thước, dáng dấp to lớn. Lão chuyên môn đánh bạc. Râu trên cằm tua tủa, cái hàm bạnh ra và dáng đi xiêu vẹo, – những tay nghiện cờ bạc ngồi xếp bằng ở sông tháng này qua tháng khác dường như đều mắc tật đi đứng không thẳng, – làm lũ nhỏ chúng tôi mỗi

lần trông thấy lão là sợ hãi bỏ chạy. Được thể, lão rượt theo, cất tiếng ô ô như sấm “ À! Đứa nào đó? Chạy theo bắt!”. Khi đứa nhỏ sợ quá đứng khựng lại thì lão lấy ngón tay quẹt nước miếng, – nước miếng của chính lão, – bôi vào mũi đứa nhỏ. Thật là khủng khiếp. Những người mẹ không hiểu thấu hương vị của thứ nước miếng hôi hám đó nên thường a tòng với lão Đấu ma quái gọi lão tới để hăm dọa con mình khiến lão tin thành thật ở uy tín của nước miếng lão và lão ban phát nó trước khuôn mặt cười rạng rỡ của người mẹ. Vậy đích thực lão Đấu là “ông Kẹ” của lũ nhỏ chúng tôi nên Trịnh Hâm trong óc tôi không thể mang khuôn mặt nào khác hơn là khuôn mặt lão Đấu. Tôi mơ màng nhìn thấy con sóng phủ ào vượt lên và theo con sóng lớn, một con cá chép thật to nhảy vọt lên thuyền ngậm trọn lão Đấu vào miệng.

Sau đó con thuyền mờ đi, sóng nước lao xao ánh nắng và tâm hồn tôi rung rinh trong một giấc ngủ chập chờn. Bên tai tôi văng vẳng tiếng ngâm mỗi lúc một nhỏ, một nhỏ lần:

Thiệt Trời báo ứng lẽ này rất ứng

Thấy vậy nên dừng dừng dừng

Làm người ai nấy thì đừng bất nhân

Cho đến lúc tôi không còn biết gì nữa.

Nhà cha mẹ tôi ở trước mặt nhà Bác, cách một con đường nên tôi vẫn thường chạy về nhà cha mẹ chơi với lũ em. Mỗi lần đi chợ phiên Giã về, mẹ tôi hay mua về một gói trái sim hay trái găng, một gói bánh nậm hay bánh đúc và mẹ con quây quần ăn ở bộ phận nơi nhà ngang. Thỉnh thoảng tôi được nếm một món ăn đặc

biệt của mẹ: đó là bỏ một viên mỡ vào chén cơm nóng, mỡ tan ra trộn vào hạt cơm và chúng tôi ăn với mắm cá thu hay mắm cá nục. Lối ăn đó, cho đến nay tôi chưa thấy ai áp dụng. Người thành thị có kẻ bỏ bơ vào chén cơm nóng ăn cho béo và thơm chứ không thấy ai ăn với mỡ.

Có lần mẹ hỏi:

– Con muốn ở trong Bác hay muốn về với mẹ?

Tôi trả lời ngay:

– Muốn về với mẹ.

Mẹ ngó quanh quất xem có ai nghe không rồi vỗ vào đầu tôi, nói nhỏ:

– Đừng nói đại. Ở trong Bác sướng hơn.

Nhà Bác giàu hơn nhà cha mẹ tôi mà

trẻ con lại chỉ có một mình tôi nên mỗi mùa măng cầu, mùa xoài, mùa cam tôi ăn thả cửa. Trong khi đó, có hôm tôi thấy hai đứa em tôi giành nhau một trái măng cầu chưa kịp chín.

Tôi quen miệng kêu “Mẹ” và không biết kêu “Cha”. Cha tôi, tôi gọi là “Anh Tám”. Chắc là bắt chước cách xưng hô của chú Ba, người chú họ ở giúp việc cho hai Bác. Nhưng sao chú Ba gọi mẹ tôi bằng “Chị Tám” mà tôi lại không bắt chước. Khi vào học lớp Đồng-ấu, tôi gặp hai thằng bạn cũng ở một trường hợp tương tự, đó là hai anh em thằng Chức và thằng Mão. Hai đứa theo ở với bà Ngoại từ nhỏ và gọi cha mẹ tụi nó bằng “Tám anh” và “Tám chị”. Gọi như vậy, dù sao cũng còn dễ nghe hơn là gọi bằng “Anh Tám”, tôi nghĩ. Tôi biết xấu hổ từ đó, - bảy tuổi, - nên tôi hay tránh mặt

cha tôi. Cũng trong dịp tiếp xúc của tuổi Đồng-ấu tôi mới biết rằng có nhiều đứa gọi cha mẹ chúng bằng những cách xưng hô lạ. Thằng Đới, – tên ở nhà là Đái, – thì gọi mẹ bằng “”Vú». Thằng Trình kêu cha nó bằng “Chú”. Cái vũ trụ nhỏ bé đã lần lần rộng mở ra cho tôi nhờ những đứa bạn học. Thằng Dương Đạt dẫn đứa em nó tới lớp xin thầy ghi tên em nó vào sổ. (Hồi đó đi học không cần làm đơn, không cần hồ sơ vì chẳng đứa nào có giấy khai sinh hết. Người ta cứ tự do sinh con khỏi phải khai báo).

Thầy mở sổ, chấm bút vào lọ mực rồi ngừng đầu hỏi:

- Nó tên gì?
- Dạ thưa thầy, tên là Nguyễn Huệ.
- Em ruột mày phải không?

– Dạ.

– Sao em ruột mà mày họ Dương còn nó họ Nguyễn?

– Dạ... Dạ...

Thầy biết Dương Đạt u mê tưởng những chữ Dương, Trần, Lê, Nguyễn... là những chữ ai muốn dùng cũng được, ai thấy thuận tai thì cứ dùng nên thầy tự tiện biên tên Dương Hượt vào sổ không cần giải thích, không sợ phản đối. Trong những ngày luật lệ lỏng lẻo đó, người ta tha hồ đặt họ đặt tên và đặt ngày sanh. Người cha ngơ ngác dẫn đứa con tới trường, tụt bỏ đôi guốc từ ngoài bực thêm, gãi tai lí nhí không ra lời:

– Dạ thưa thầy... dạ... dạ...

Thầy hỏi:

- Thằng con ông tên gì?
- Dạ tên là thằng Cút.
- Tên gì lại Cút? Đặt lại cho nó là...
Đức.
- Dạ.
- Còn họ?
- Dạ...

Người cha này ở mãi trên kệt núi Hòn Ông, xa lắc xa lơ không có tên trong một cuốn sổ bộ nào hết nên không biết mình họ gì. đành phải ú ớ:

– Dạ... dạ... Thầy biên cho họ Nguyễn cũng được.

Thế là đứa nhỏ được cái tên Nguyễn Đức, trong khi ở nhà vẫn gọi là thằng Cút cho tới ngày lấy vợ. Sau khi sinh con

sẽ được gọi theo tên con. Biên đến ngày sinh thì thôi loạn xạ. Đa số cha mẹ chỉ nhớ năm sinh: tuổi Dần tuổi Tí... Có vị nhớ tháng ngày thì toàn ngày tháng An Nam. Thôi thì mặc sức cho thầy chuyển qua ngày Tây, thầy cứ nhắm chừng sinh tháng Tám thì đổi thành tháng Juin hay Juillet cũng được, sinh tháng Năm thì biên là Mars hay Janvier cũng chẳng ai cấm. Muốn tìm năm sinh thì cứ lấy năm hiện, tại trừ số tuổi khiến đứa nào cũng phải lãnh oan một tuổi. Đó là bởi tục “chịu oan một tuổi trong bụng mẹ”. Trong khi đó thì có anh tuổi nhà mười tám mười chín mà khai mười một mười hai. Phải đồn tuổi như vậy trường mới nhận cho và thầy dặn trước là hễ có Thanh tra tới thì phải lui ra khỏi lớp, nhảy lên núi làm kẻ hái củi, chăn bò.

Năm tôi lên sáu, mỗi lần đi chơi ở Sông Cầu hay Qui Nhơn. Bác thường dẫn tôi theo. Xe hàng lúc đó ngồi toàn bằng bằng gỗ. Ngoài trừ hai dãy ghế đầu xếp nhìn ra trước mặt, còn thì bốn băng sau xếp dọc theo thân xe, cứ hai băng nhìn mặt nhau. Ấn tượng đầu tiên mà thành phố ghi lại trong trí nhớ của tôi là những con đường quá rộng chạy thẳng băng, những ngôi nhà xếp ngay hàng, sáng rõ trong ánh nắng và tro bụi. Nhà nào cũng giống nhau nên mỗi lần bước ra khỏi cửa là tôi đã lộn phương hướng không còn biết phía nào là “ở trên”, phía nào “ở dưới” như ở nhà quê chúng tôi vẫn phân biệt. Những chỗ Bác ghé lại thường là người Trung Hoa, tôi nghe gọi là ông Bang Chín, ông Bang Xí nị, tôi nhớ có lần ngồi trên xe ở dãy ghế nhì, gió thổi lạnh, Bác lấy cái khăn nhiễu trắng của Bác choàng qua đầu tôi rồi quần quanh

cổ. Cái khăn nhiễu quần như vậy làm tôi có cảm tưởng khuôn mặt tôi giống như người lớn nên khi nhìn qua cửa kính xe thấy ở đằng trước có lũ chăn bò đứng chơi, tôi vội nghiêm nét mặt lại. Xe chạy vụt qua và tôi sung sướng thấy chúng đứng giạt một bên sợ hãi nhìn theo. Sự sung sướng kéo dài được vài mươi cây số thì tới một chặng kia có hai đứa chăn bò thay vì đứng kính cẩn nhìn lên, lại cầm roi dài nhảy nhót rồi xĩa ngọn roi về hướng mặt tôi mà la lên:

– Ê! Thằng nhỏ kia! Thằng nhỏ kia!

Tiếng “kia” tạt ngang qua hông xe đánh “sạt” một cái và tôi buồn tháo trả cái khăn nhiễu lại cho Bác.

Vào Tuy Hòa, Bác dẫn tôi ghé lại tiệm ông Đục. Người Hoa kiều này dường như suốt ngày nằm cạnh bàn hút.

Trong ánh đèn dầu lạc lò mờ tôi thấy đôi kính trắng của ông sáng chói lên và đôi bàn tay gầy trắng lúc nào cũng đang cầm một cái gì: que tiêm, dọc tẩu, cái kéo, tách trà... Cứ chừng năm mười phút là ông gọi «Ngưu ơi» hoặc «Đầu ơi». Hai cô con gái béo trắng, mặt tròn và chừa tóc mai phủ xuống trán trông như ở trong tranh vẽ. Ở chơi vài ngày là tôi đã thấy bức bối. Không có đất để cho đôi chân đi, không có lá để cho đôi mắt nhìn. Cả ngày cứ thấy bàn ghế, giày dép, lọ chóa và mặt người. Bữa ăn trang trọng và âm thầm. Mọi người như chỉ sống có một nửa, nhai rón rén và gắp thức ăn rụt rè. ông Đức có sự tỉ mỉ của một người đàn bà nên ba người đàn bà kia, – bà Đức và hai cô con gái, – không còn biết nên âm thầm thế nào cho hơn nữa. Có ở chơi thành phố mới thấy nhà quê của mình là dễ chịu. Có lá cây làm mát con mắt và có

đất rộng để đôi chân tha hồ bước.

Những buổi chiều theo Bác xuống bờ sông nơi cái bến của vườn nhà, tôi nhìn những chiếc xe ô-tô chạy im lặng qua cầu Phường Lụa. Ở xa, cái xe sơn xanh trông nhỏ lại, xinh xắn và lướt nhẹ nhàng. Tôi hỏi:

– Máy cái xe kia màu đẹp quá hở Bác?

– Bữa trước mình đi Qui Nhơn, Sông Cầu bằng mấy cái xe đó.

Tôi ngạc nhiên. Những cái xe tôi đã đi đều ồn ào, bắn thủ, chạy rầm rầm vừa xóc lên xóc xuống mà. Mình ngồi nhìn mãi mà có thấy nó màu xanh đâu?

– Mấy cái xe bữa trước mình đi đâu có đẹp?

– Cũng vậy.

Bác trả lời lơ đãng, mắt đang xăm soi nhìn vào những mọt mặng đang nhú trong bụi tre, miệng chặc:

– Mấy cái mọt mặng! Phải che lại! Mấy thằng đi sông câu bơi qua ngó thấy, lũ nó cắt trộm hết.

Tôi thì đang thắc mắc rằng những chiếc xe bữa trước mình đi không thể là những chiếc xe này. Nhưng tôi không dám hỏi nữa. Phải mãi sau này tôi mới tự giải thích cho mình rằng cái xe chạy im lặng là bởi tôi thấy nó ở xa và những cái xe tôi ngồi đều không có màu xanh bởi vì màu xanh chỉ sơn ở mặt ngoài. Tôi hỏi:

– Cái xe đó kêu là xe gì vậy Bác?

Bác nói:

– Xe cam-nhông.

Tôi nghĩ liền đến trái cam. Chắc vì nó có màu xanh như da trái cam.

2

Năm lên bảy, bác giao cho cha tôi dẫn đi học. Cha tôi sắp đặt suốt mấy tháng để chuẩn bị ngày tôi nhập trường. Trước hết là không cạo đầu để chừa trái đào nữa mà dưỡng cho tóc ra đều để cúp ca-rê. Có hai ông thợ cắt tóc dạo cứ dăm ngày là rảo qua xóm một lần. Thợ Liễu cúp giá rẻ hơn, nhưng cúp vụng, hớt ca-rê mà như chụp cái nồi lên đầu. Ông ta kiêm luôn nghề thợ may nhưng làm thợ may cũng vụng như làm

thợ cúp, cắt áo quần cho người ta thì hoặc quá ngắn hoặc quá chật cứ phải đền vải đền tiền cho thân chủ. Những khi cắt quá dài hay quá rộng thì ít bị than phiền hơn. Có người không bắt sửa lại vì tin rằng mặc rộng thì lâu rách và có hi vọng mặc cho tới lớn. Người ta nghĩ rằng thợ may bị lỗ vào khoản vải may dư đó và người ta vui lòng.

Thợ Thừa cắt đẹp hơn, cạo không phạm, chỉ bậy là hà tiện mài dao nên cạo rát da. Người lớn thích giao phó cái đầu cho thợ Thừa vì ông cúp chặm chạp. Ít nhất cũng bảo đảm rằng ông không ăn gian thì giờ, còn đầu mình cúp đẹp nhiều hay ít thì chỉ có người khác mới biết. Thợ Thừa có cái mặt to và một hàm râu quai nón. Đôi vai rộng. Tướng mạo đó không cân xứng với các thứ dụng cụ ông sử dụng trên tay. Cái tông-đơ cái kéo, cái

lược, cái dao... đều quá nhỏ nhắn nhu mì. Nhất là cái bình xịt nước hoa có đính quả bóng cao su. Địa bàn hoạt động lại chỉ thu hẹp ở một cái đầu người không lớn hơn một trái dừa lửa. Tôi nghĩ rằng ông đáng phải cầm một cái cày, lật trở những tảng đất lớn hay quất bò cho sải giữa một cánh đồng rộng.

Thợ Thừa mở tráp thân trọng bày những dụng cụ ra: bàn chải, lược, gương soi... Cái dao cạo ông rút trên túi áo trước ngực. A! mãi đến bây giờ tôi mới để ý rằng cái áo có đến ba túi. Bình thường người nhà quê thời đó chỉ may một túi đủ để bỏ đồ vật. May hai túi thì trông đẹp để cân phân nhưng sợ tốn vải. Nhiều cái áo trơn tuột không có nổi một cái túi nào.

Lũ trẻ nhỏ đánh hơi thật mau, chạy tới đứng thành vòng tròn. Người lớn cũng

rải rác tụ họp lại. Khi tấm vải choàng vừa quàng vào cổ tôi thì đã có một bàn tay nào đó sờ mó vào cái bóng cao-su rồi bất ngờ bóp xịt ra một vòi nước. Thợ Thừa la lên:

– Ê! Đừng có rờ phá chó bà con. Để cho người ta làm ăn chó.

Người bị bắt quả tang cười hì hì. Một người lục lọi loảng xoảng bộ đồ nghề của ông rồi hỏi:

– Sao không thấy cái dao cạo hờ ông thợ? Cho mình mượn cạo đỡ bộ râu.

Thợ Thừa dằng hắng giả bộ không nghe, chăm chú bóp tông-đơ rào rào bên tai tôi.

Cha tôi ngồi canh chừng một bên. Ông luôn miệng nhắc:

– Ủi phía này thêm một đường nữa...
Coi chừng, có cái chớn đó... Tóc trên mỗ
ác để dày một chút. Thằng này lớn mà
đầu còn cụt trâu.

Khi thợ Thừa lấy kéo vành đường
tóc trước trán thì cha tôi ngăn lại:

– Đưa kéo đây tôi vành cho. Phải đi
cho đúng vành bán nguyệt.

Sau mái tóc “vành bán nguyệt”, cha
tôi lo chọn một cái tên cho tôi. Tôi không
biết gì về sự chọn lựa âm thanh đó, chỉ
mãi sau này khi tôi khá lớn ông mới kể
lại cho tôi nghe:

– Tao phải lật máy cuốn sách. Lựa
hoài mà không vừa ý. Dem bàn với Bác
mày thì ông cứ nói trót, đặt tên gì cũng
được. Tao đem bàn với ông Trợ Phương.
Ông Trợ Phương bày: Đừng lựa tên trong

sử xưa mà nên lấy tên danh nhân thời nay. Ý đó cũng hay. Tao mở cuốn Lịch sử Cách mạng Tân Hợi lựa cái tên tốt cho mày.

À, ra khó khăn thế ! Hèn chi khi cha tôi khai báo gì đó với thầy giáo xong cúi chào ra về, thầy nhìn tôi nói:

– Phan Tử Văn, lại ngồi bàn đầu.

Thì tôi cứ mở to mắt đứng yên tưởng thấy sai bảo trò nào. Ở nhà, tôi là thằng Chỉnh mà. Xóm tôi có đến bốn đứa tên Chỉnh. Ai lười tìm tên thì cứ đặt bừa là Bé, là Chỉnh, – chút chỉnh, đồng nghĩa với bé, – là Cút, là Đái, là Chó con hoặc lấy tuổi Tý, Ngọ, Thìn, Tỵ mà đặt cho con. Ý hản cha tôi hăm mộ ông Tôn Văn hay ông Tống Tử Văn, tôi nghĩ vậy. Hú vía! Nếu không có ông Trợ Phương làm cố vấn, cha tôi sẽ cứ loay hoay giữa

rừng danh nhân thời cổ và biết đâu nếu nổi hứng ông chọn nhầm tên Tào Tháo chẳng hạn thì thật phiền cho tôi suốt đời.

Sau việc đặt tên và dẫn tới trường, cha tôi giao trách nhiệm lại cho Bác, lặng lẽ rút lui. Bác dạy đánh vần, Bác tập cầm viết.

Hôm ông bán sách dạo gánh hai bồ sách to tướng đi nghênh ngang rao trong xóm Bác kêu lại lựa mua một cuốn sách vỡ lòng. Độ ấy, hàng năm cứ vào quãng tháng Bảy tháng Tám là có hai ba người nói giọng trọ trẹ mặc quần nâu, đi giày bố trắng răng đen, gánh mỗi người một đôi bồ trong đựng toàn sách. Đi khắp cả xóm họa mới có vài nhà kêu lại, bắt tháo ra đưa coi đủ mặt sách: Kim cổ kỳ quan, Nhị độ mai, Tuyết hồng lệ sử... Có nhà mua một cuốn, có nhà hỏi chơi rồi thôi. Còn bao nhiêu nhà khác thì xầm xì chỉ

trở mỗi khi họ đi qua:

– Nghệ An, Hà Tĩnh gì đó. Bận cái quần gì rộng huých.

– Mấy chả đi buôn bán mà mang giày nữa chớ.

– Ngó ngon không? Vai gánh rao mà tay cầm quạt giấy quạt phạch phạch. Y như ông Khổng Minh!

Một trong hai ba ông hàng sách phiêu lưu đó đã để lại cho tôi một cuốn sách vỡ lòng mỏng chừng mười tờ giấy. Văn xuôi xếp đầu ba trang và văn ngược cũng gần như thế. Phần sau là những bài dạy luân lý viết theo thể thơ lục bát. Phần này thú vị nhất. Sau mười phút đọc ngọng nghịu những âm kỳ quái như Oach, Oanh, Uyên, Uyêt... tôi lật sang phần luân lý oai oái đọc thuộc lòng

Ta sinh ra ở trên đời

Trời cho tai mắt khác loài vô tri

Lọt lòng xưa chưa biết gì

Nay ta đã lớn phải suy cho rành

Nhờ ai nay mới có mình

Mẹ cha đôi đức công trình xiết bao...

Khi vào học trường nhà nước, chúng tôi phải mua mỗi đứa một cuốn “Quốc văn giáo khoa thư”. Sách dày, những trang đầu mỗi trang chỉ dạy có ba chữ kèm thêm hình vẽ. Bác nói:

– Bày tốn giấy vô ích.

Tôi không dám cãi lại nhưng mà thấy thích những hình cái mo, con cá rô, ông sư đội mũ, trái măng cầu. Cố nhiên là tôi chỉ thích cái hình ông già đội mũ chứ

không biết ông sư là ông gì. Con ve cũng vậy, tôi chỉ biết con ve chó chứ chưa thấy con ve sâu. Nhưng có hề chi? Tôi cứ đọc và trong óc tự làm một bài dịch: NGH con Nghê là con Kỳ lân... A quả Na là trái măng cầu... I cây Si là cây da... O quả Mơ là trái gì tròn tròn...

Tôi học không siêng lắm. Mỗi buổi mai hễ thấy lũ chăn bò lừa bò đi qua con đường trước ngõ, tay xách cái lông chằm đơn sơ bằng mo tre hay mo cau trong đó có con sáo con nhồng hả cái mỏ viền vàng kêu lên chet chet vừa run rẩy đôi cánh là tôi hết muốn đi học. Lũ nhỏ thông thả ngồi cười nói trên lưng bò, lát nữa tha hồ đánh đáo đánh trống trên cánh đồng cỏ, tha hồ bắt cào cào cho chim ăn, tha hồ nhảy xuống sông tắm lội, sục sạo trong bụi hái ổi hái sim. Còn tôi thì phải ôm vở tới trường. Tôi chần chừ, đi lên nhà

trên, bước xuống nhà dưới. Tiếng trống trường đánh bùm bùm chậm rãi ở bên kia sông. Bác hỏi sao chưa đi học. Cần gì phải nghe giải thích, cứ thấy cái mặt sù ra là khắc biết liền. Bác loay hoay không biết nên giải quyết sao thì cha tôi hiện ra với một cái roi và một đoạn dây dừa. Cột hai khuỷu tay ra sau lưng, ông cầm một đầu dây dắt tôi ra bến đò. Chú Ba đi theo sau, tay ôm cặp sách tay cầm roi. Chú biết bệnh mê chăn bò của tôi nên thấy có ai đi ngược lại thì chú nhip roi vào đít tôi rồi nói:

– Thá dọ... Dí dọ... Coi, cái con bò này trái chúng dữ.

Bác ra đứng ở cổng ngõ bụi ngùi nhìn theo. Khi tôi lầm lũi, Bác găm hét dữ dội nhưng không mấy khi đánh đòn. Hễ tôi bỏ nhà đi bắt chuồn chuồn buổi trưa thì Bác kêu về cột chân đóng trần

vào xà nhà. Tôi ngồi bệt dưới đất, một chân giơ hồng lên. Gió thổi hiu hiu, tôi ngồi gục xuống một lát rồi nằm ngả lăn quay đánh một giấc.

Sự học của tôi cũng khá gian nan, phải mày mò tìm học lấy một mình không ai giúp đỡ. Bài toán chia làm tôi khổ sở nhiều nhất. Thầy giáo không hề dạy. Thấy một mình phụ trách tới hai lớp, Đồng-ấu và Dự-bị, nhưng tuy nói hai lớp mà có đến mười trình độ khác nhau. Đứa này vào học ngày này, đứa kia vào học ngày kia, kiến thức so le và thầy không có cách nào tiện cắt cho nó bằng nhau. Tôi làm sai liên miên những bài toán chia và thầy cứ đánh bệt liên miên một đường gạch xéo, ngoáy một con số không rồi thản nhiên ném vở trả lại, làm như bao nhiêu củ chỉ đó đủ soi sáng trí não cho tôi. Tôi nhìn bài toán làm đúng

của thằng Nguyễn Chu, bị mê hoặc bởi cách sắp xếp kỳ diệu theo hình tam giác của những hàng số bên dãy số thừa và tôi đau đớn ngấm ngấm. Những con số hơn hở trong sự thành công của chúng, chắc nịch trong thứ tự sắp xếp không thể lay chuyển đó. Nguyễn Chu đang mỉm cười, cái môi thâm đen làm cho hàm răng thêm trắng.

Bằng cách nào mà sau vài tháng thất bại liên tiếp như thế tôi tìm ra được bí quyết để làm đúng bài toán chia, tôi không còn nhớ nữa. Những đứa bạn của tôi thì còn đau khổ hơn. Ngoài dầm dĩa xuất sắc, số còn lại tha hồ bơi lội trong sự dốt nát mù mịt của chúng. Thật may mắn lắm tôi mới vượt qua được những vũng lầy nguy hiểm đó.

Tôi học hết lớp Năm rồi lên lớp Tư. Để tưởng thưởng thành tích, Bác thay cái

mũ kaki vàng bằng cái mũ điêng điêng trắng. Đó là thứ mũ xứng đáng để được ao ước. Những người sang trọng mới được đội mũ điêng điêng đánh phấn trắng. Lấy ngón tay ấn vào vành mũ, trái mũ thì nó lún xuống rồi bật trở ra y nguyên. Tôi áp dụng lối thử để hãnh diện vì cái mũ của mình và để cái mũ hãnh diện. Trái mũ lún xuống theo ngón tay ấn của tôi và khi ngón tay thả ra thì, ngạc nhiên chưa, nó vẫn cứ nằm lún mãi đó không chịu bật lên. Thì ra điêng điêng giả. Đã thế, vành mũ lại bọc da nên dầu đánh phấn trắng cái mũ vẫn không đẹp nổi với cái vành của nó. Bác tôi tính vốn kiệm ước nên đã chọn được một cái vành mũ “khó lòng mà sờn, dùng mãi không rách” đó. Tính kiệm ước làm Bác bị hiểu lầm, bị chê là hà tiện. Không biết xài phí không hay cho tiền ai nhưng đồng thời cũng không hề gian tham của ai. Bác là tượng

trưng cho sự công bình, sự sòng phẳng thật thà. Tôi tưởng đó đã là một nhân cách tốt rồi. Tôi thấy nhiều người ăn tiêu rộng rãi, rộng rãi bằng tiền của mình thì ít mà bằng tiền của người khác thì nhiều hơn, và khi túng thiếu thì họ sẵn sàng vay mượn rồi ỳ không trả. Nhưng họ vẫn lớn tiếng phê bình người bị họ lường gạt là hà tiện.

Bác nhận chịu tính từ hà tiện ngay từ miệng những người trong họ của mình nữa, dù rằng trong họ hàng hễ ai gặp khó khăn về tài chánh là đều cầu cứu nơi Bác. Bác không bao giờ từ chối sự cho mượn miễn là bảo đảm việc trả lại. Hồi trẻ Bác làm việc cần mẫn mới tạo nên cái cơ nghiệp ngày nay, không nhận được ân huệ từ đâu đến, mỗi đồng bạc là kết tinh của những giọt mồ hôi thì sự coi

quí đồng tiền của mình không có gì khó hiểu.

Những ngày mưa dầm vắng khách khứa, Bác hay ngồi một mình trước bàn chậm rãi xếp những tờ giấy bạc theo từng loại đếm đi đếm lại nhiều lần rồi lấy dây buộc, rồi lại đếm, lại buộc. Tiếng cánh cửa tủ mở đánh kệt, tiếng học bàn kéo ra đẩy vào, tiếng chiếc chìa khóa quay lách cách trong ổ khóa... những tiếng đó vang trong tâm hồn thơ ấu của tôi, tượng trưng cho sự giàu có, sự an ổn bình lặng. Càng, về sau này tôi càng không gặp cái cảm tưởng đó nữa. Những người bạn, người quen của tôi mở tủ khóa tủ trong đó chồng chất những đồng giấy bạc những bó vàng lá nhưng tôi chưa tìm thấy được trên khuôn mặt của họ cái ánh sáng rực rỡ bình yên mà tôi đã nhìn thấy trên khuôn mặt Bác tôi ngày xưa.

Cái cơ nghiệp của Bác mỗi đều do bàn tay Bác làm ra, không một mảnh nhỏ nào là không in dấu vết của sự chăm chút, trù mẫn, âu lo của Bác. Đám ruộng này mua của chủ Xường Páo làm giấy chống tiền ngày hai mươi tháng mười năm Dậu. Mưa như cầm chĩnh mà đổ, nước lụt ngập phả vườn. Thằng Cửa lập tờ đoạn mãi. Tiệc đám ruộng tốt mà phải mua, chớ mua chi đám ruộng đã gặt rồi nằm trơ rạ, không ăn được mùa huê. Đám ruộng có hai chỗ lở bờ, bùn nhệt như vũng trâu nằm. Đám Gò Dài mua của Hương Quy, chậm chừng hai giờ đồng hồ thì mua hụt. Phó Lựu ở tận Đồng Nghệ bọc xuống bốn mươi lăm đồng bạc, thứ bạc đồng hai mươi bảy gờ-ram lận trong cái ruột tượng cột ngang thắt lưng. Phó Lựu phi ngựa xuống tới nhà Hương Quy thì đúng lúc Hương Quy đã “tự ký”, vợ Hương Quy đã điểm chỉ vào

tờ tín chỉ màu vàng nghệ có in hình nổi “bà Đầm” và hình chìm chữ Indochine. Phó Lựu bút đầu bút tai đồ tại con ngựa bữa nay sa dái. Đám ruộng Đá Hàn từ ngày nhà nước đắp đường xe lửa cứ qua một cơn lụt là cát bồi phía góc, năm nào cũng phải phụ với nhà rẽ ba gạ lúa để nó cào cát.

Khi tôi lên tám, chín tuổi, nhằm những ngày nghỉ học và đúng giữa ngày mùa, Bác hay dắt đi coi gặt. Vào ngày mùa, trong suốt cả tháng Bác phải huy động hết cả bà con đi coi gặt giùm, cứ hai người coi cho một đám. Khi gặt rộ quá thiếu người thì mỗi người coi một đám. Mờ sáng, bàn ăn đầy người ngồi. Chú Ba dọn cơm và dọn cháo, sắp đầy cả bàn như ngày giỗ. Ăn cháo thì được kèm với mực khô nướng. Mỗi lần coi gặt Bác cầm cái ba-toong đi trước, gặt những

đầu lúa nằm phủ lên bờ ruộng. Tôi thì thích giẫm lên đầu lúa cho êm chân, bởi vì đi mãi trên những con đường ruộng mấp mô lồi lõm chán lắm. Đã thế, khi qua những chỗ lội, tôi đã phải lật đật nhảy thật mau vì sợ địa bắm. Cứ nhảy đại, dưới đó là bùn hay là chà bồi, là que con hay là gai cũng mặc kệ. Bước được lên bờ là vội xoay bàn chân kiểm tra đủ mặt. Khi tới ruộng nhà, Bác bỏ tá điền thợ gặt đứng đó, đi rảo quanh ruộng một vòng. Việc đi như vậy không phải là không khó khăn phiền phức vì bờ ruộng hẹp mà người gặt người mót chia nhau ngồi đứng choán hết. Bác giảng cho tôi nghe rằng đi một vòng như vậy để coi có chỗ nào bị gặt trộm không. Khi lúa chín, tá điền phải hàng đêm đi rảo canh chừng đám ruộng của mình phòng ngừa người gặt trộm, mặc dù để làm việc đó đã có ban Tuần đồng cho mỗi cánh đồng. Sau

này tôi nghĩ thêm rằng ngoài việc thanh sát, Bác còn đi tìm cái thú thưởng thức quyền năng của mình. Không có ai sung sướng và đau khổ bởi riêng mình. Sướng và khổ đều do sự so sánh với những người xung quanh.

Nhờ theo Bác đi coi gặt, tôi quen những người tá điền và trong khối óc ngây thơ của tôi mỗi người làm tôi liên tưởng đến một vật hay một con vật. Sự liên tưởng đó giúp tôi phân biệt được người này với người khác và dường như nhờ đó mà tôi có cảm tình với họ hơn. Anh Học ở Đồng Hòa-chiếu, mũi đỏ và dài, khuôn mặt dài, làm đàn ông mà trên đầu có búi tóc bới như đàn bà. Miệng nhai trầu không ngớt, có cả cục thuốc nhét cộm ở dưới môi phía bên mặt. Không hiểu sao hễ nhìn thấy anh là tôi tưởng thấy một cái gì giống hình cái ve rệu.

Mỗi lần anh lên mời Bác tôi đi coi gặt, anh đem theo cái ve rượu bằng sứ cột trong khăn gói, nhờ tôi lấy cho mượn cái ly và cái khay. Anh mời Bác tôi ngồi lại, rót rượu rồi mới thưa ngày gặt. Bác tôi nhận lời, đổ rượu trả vào ve, không uống. Anh Học có đến hai vợ. Lũ con của người vợ cả giống khuôn mặt anh, con của người vợ lẽ thì giống mẹ. Mẹ anh đã già, gầy và đen, lúc nào cũng ngồi trấn ở ngay cửa nhà ngang để ngoáy trâu, để đuổi gà và để ngăn không cho người thợ gặt xông xộc bước vào nhà. Mẹ vợ của anh thì tóc bạc, khổ người thấp nhỏ như một đứa trẻ con, đi lại không ngớt ở ngoài sân, hết quét xoẹt xoẹt đến phân phát rổ sảo, thúng, nia và thu hồi rổ sảo, thúng, nia.

Ông Sách làm đám ruộng Bầu Nga, mặt tròn, có hai chòm râu mép và một chòm ở cằm. Khi ông cười, – tính ông

hay cười, bà nói gì cũng cười, – tôi thấy ông giống như ông Thổ Địa người ta vẫn vẽ treo ở bàn thờ.

Mỗi lần nhìn bà Truyền tôi nghĩ đến một củ khoai môn luộc. Sau này lớn lên tôi tự giải thích: có lẽ màu da của bà làm tôi liên tưởng đến màu da của một củ khoai môn luộc chẳng? Da bà đen dòn pha màu tím. Có thể thêm một lý do: trước nhà bà có đến ba, bốn con mương nước dài trồng toàn khoai môn nên tôi càng thêm dễ liên tưởng chẳng?

Ông Chúc Nồi ở đồng Đá Hàn nhắc tôi nhớ đến con vịt. Có nét gì đó nơi miệng của ông làm tôi nghĩ đến cái miệng con vịt.

Những người tá điền đều hiền lành tử tế, tôi thương yêu như những người bạn lớn của tôi. Nhà của họ làm tôi say

mê bởi vì dù nghèo đến đâu họ cũng có nhiều cây và nhiều con vật. Nhà nào cũng có chuối, cau, đu đủ, khoai môn, khoai sắn, rãnh rau. Nhiều nhà có mít, xoài, cam, bưởi, khế. Có gà trống đi cạnh gà mái và gà con, có từng đàn vịt lớn và vịt con líp chíp hơi lội dưới mương, có cào cào châu chấu ngay ở trong sân. Nước chảy róc rách ở cạnh nhà, xung quanh nhà.

Ốc bám từng chùm vào bẹ môn, cua rạm nhả bọt nước trắng xóa. Buổi chiều ếch ương kêu ran cả đồng. Cò trắng đứng từng bày bên cạnh tôi, bên cạnh con trâu, bên cạnh người cuốc người cày như đứng với những người bạn, không biết sợ, trong khi ở nhà tôi, tôi chỉ thấy chúng bay lướt rất mau, rất cao trên lưng chừng trời. Sáo đen đậu trên lưng trâu, đậu trên sừng trâu, véo von trò chuyện.

Khi người tá điền ra lệnh khởi công thì những người thợ gặt ào ạt nhào xuống ruộng vùng liềm vùng hái, nắm từng bó lúa lớn cắt xoạt một tiếng gọn rồi lại vùng liềm đi tới. Lũ con mót cũng lao nhao, chụp bên này bứt bên kia và những ngọn roi của tá điền, của tuần đồng tha hồ bổ xuống tron trót. Tôi đứng đó cho có vị, say mê nhìn những thân người vạm vỡ cúi xuống ngẩng dậy cắt lúa rào rào, hoặc ngắt những cọng rạ đặt vào miệng thổi, cảm nghe mùi thơm mát của nhựa cây. Tôi thích ngắm những bụi rau chóc đơm bông tím mà Bác ghét bởi vì nó choán chỗ của lúa. Tôi đứng nhìn những trổ nước chảy nơi đó có con rệp cây bám mình vào một cọng cỏ. Mùi thơm của lúa, mùi nồng của bùn làm tôi say sưa, cái cảm giác say sưa bắt đầu có từ hồi sáng khi ngồi ở nhà tá điền ngửi mùi phân bò trộn với nước trét sân. Buổi

gặt thường kéo dài đến trưa và khi thợ gặt bắt đầu bỏ lúa đem chất lên bờ thì là lúc Bác bận rộn hơn hết. Phải nhìn bên này ngó bên kia, chỉ trở la lối bởi vì đây là lúc mà con mót hoạt động hơn hết. Họ tìm mọi cách để ăn cắp lúa bó, hoặc là lén ôm rơm trái lên, hoặc là giậm cho bó lúa ngập xuống nước, hoặc là xách luôn một bó cắt phăng dây rồi bỏ gọn vào thúng. Đợt lúa gánh về sân đầu tiên, tôi có bốn phen đi theo, còn Bác thì đi về với gánh lúa chót.

Nhà tá điền dọn cơm cho ăn vào khoảng hai, ba giờ chiều. Tôi thường để ý thấy rằng ông tá điền nào cũng thích ăn thịt mỡ, từng miếng mỡ dày dòn tan dưới răng chảy ướt láng môi. Lúa đập xong, -sáo cho sạch rơm, đóng công thợ rồi bắt đầu hạo. Có bữa công việc xong xuôi thì trời đã tối mịt. Mùa lúa tháng

Tám sân gặt bị mưa, có khi đến khuya mới về tới nhà. Tá điền tử tế thì đốt đuốc bã mía cầm đưa chúng tôi đi. Tôi nghe người ta nói rắn hổ hay bò theo những tàn bã mía chảy rơi xuống đất nên nhìn ở hai bên đường đen mò thấy chỗ nào như cũng có đầu rắn hổ. Có khi thì chúng tôi đi theo những người thợ gặt phải về mãi tận Bình Hòa hay Mỹ Long. Gặp trời mưa đêm xối xả mà phải cõng quần áo lò dò lội qua sông, đi trong đêm tối không đèn cứ phải giậm bừa trước mặt bất kể là gai tre, là đồng phân trâu hay là con rắn đang nằm khoanh, những nỗi cực nhọc đó Bác không hề than thở. Quả thật là mỗi mảnh nhỏ cơ nghiệp cũng đều do công lao của Bác. Phá nhà cũ xây nhà mới, phải đi tận mãi Củng-sơn chọn mua gỗ kiến kiến. Nạp thuế kiểm lâm rồi chuyên chở từng cây súc lớn về bằng đường ô-tô. Câu chuyện gặp Tây kiểm lâm ngồi ăn bánh

chả ngón từng búng rau ghém ngon lành y như người An Nam mình, cho đến hồi già thỉnh thoảng có dịp là Bác kể:

– Ai cũng nói Tây nó kén ăn. Hồi đi làm thuế Kiểm-lâm, tao thấy tận mắt thằng Tây kiểm lâm...

Những khúc súc to đó, Bác kêu thợ mộc đóng trại cửa sả ngày này qua ngày khác. Đòn tay, rui, mè, ván rầm... cứ lần lượt do lưỡi cửa dài chậm rãi cửa ra, nằm sấp từng đồng cao. Tiếng lưỡi cửa sèn sẹt cả ngày, rồi sau đó là tiếng dùi đục đập chan chát. Thợ nề kế tiếp theo thợ mộc, giã vôi trộn hồ. Chú Ba đi chặt gánh về từng gánh dây tơ hồng giã ra lấy nhựa pha với nước đường trộn hồ cho chắc. Đào móng xây tường, làm giàn, chuyên gạch, tưới gạch... thợ làm tới tấp và Bác hiện diện khắp nơi, bắt phá một đoạn tường xây nghiêng, bắt sửa một khung

cửa đặt lệch. Tiếng nói của Bác vừa inh ỏi ở góc này thì đã thấy chân Bác bước huỳnh huých ở góc kia, đầu đội một cái mũ kaki vành sụp xuống tai.

Cuối năm lớp Tư, tôi đi thi Sơ-học Yếu-lược. Thầy giáo chuẩn bị cho học sinh phó thí, tôi tưởng không thể nào chu đáo hơn. Thầy đặt cả vinh dự, cả tương lai thầy trong kỳ xuất- quân đầu tiên này nên thầy bắt làm toán “chết thôi”. Ngày nào cũng hai bài toán đố. Nộp bài lên mà thấy thầy bệt cho hai gạch rồi vẽ một vòng tròn là cú lạng lẽ lên nằm sấp ở chân bảng đen đợi. Khi đĩa chót đã nộp bài rồi thì khoảng trống đã đầy những thân học trò nằm dài. Đứa làm đúng hai bài phải chạy lên núi bẻ roi. Mỗi kỳ làm toán như vậy thầy tiêu thụ vào khoảng mười cái roi nhưng thầy sai bẻ “vài chục”. Tôi nhiều lần được lãnh nhiệm vụ bẻ roi nên

tôi biết rõ rằng đó là một công tác không phải nhẹ. Phải đưa mắt thật nhanh để chọn cành nào vừa cỡ, phải dùng hai bàn tay để trì để kéo để vận cho đứt chứ không có dao rựa giúp sức. Phải chọn thứ cành dẻo mình để chịu đựng được sức dày dò bởi lẽ nếu thấy mới giáng xuống một phát mà đã vội gãy tiện thì tội lỗi trở về người bẻ. Tôi đã bị gai châm chảy máu tay, bị vấp đá chảy máu chân chỉ vì sự thành công về Toán ở trong lớp còn đòi hỏi những gian lao ở chỏm núi như vậy.

Khi roi đem về nộp đủ, thầy tuyên bố mỗi đứa làm sai chịu phạt năm mươi roi. Những roi đầu thông thả nghiêm trang nhưng đánh qua đứa thứ hai thì tay bắt đầu mỏi mà số người nằm đòi hỏi thì quá nhiều nên thầy lạnh trí tuyên bố:

– Tao đập một lần mười cái roi. Quất năm lần là đủ năm mươi roi. Bay

nghe ra chưa?

Cứ “Dạ” vung lên. Chỉ tội nghiệp cho hai thằng đầu. Càng lùi về sau, cường độ của bắp thịt càng giảm đi và đứa thứ hăm lăm coi như chỉ được phủ bụi. Bởi vì cái nền trường trát vôi, – hồi đó xi măng hiếm lắm, chỉ cầu cống mới được dùng tới xi măng, – học trò đi chân đất mà đã lủng lở cùng khắp nên bàn băng kê cứ gập gềnh và hễ nằm xuống đứng dậy là quần áo đen biến thành quần áo mốc.

Mỗi lần được bẻ roi, tôi về khoe với Bác, nhưng kiêu ước cả trong lời khen, Bác chỉ nghe rồi thôi. Bác gái thì thưởng bằng bốn đồng tiền điều trái đất trái say hay trái trâm. Sung sướng nhất là khi lên nghe Bác đem khoe với các bà bạn.

Tết xong, thầy dẫn học sinh đi thi thử. Ba trường ước hẹn, trường Trung-

lương, trường Ngân-sơn đi xuống Hội-phú thi với trường Tiên-châu. Y như ba đạo quân của thời kỳ Đông-Châu liệt-quốc phó hội ăn thề. Riêng trường Trung- lương chịu thiệt hơn hết: phải đi bộ trên mười cây số. Kỳ lão Tiên-châu chịu thiệt thứ nhì: phải dọn cơm trưa cho cả hai đạo binh.

Một đoàn chừng bốn mươi học sinh tuổi trung bình mười một mười hai, mặc áo dài đen đội mũ, tay ôm giấy bút mực, đi sắp hàng đôi đi suốt năm hay mười cây số để tới trường thi, cảnh ấy làm ngạc nhiên những người đi lại trên đường. Họ đứng lại trầm trồ chỉ trỏ và tôi chắc trong thâm tâm nhiều người muốn một đứa con như chúng tôi. Tách chúng tôi ra từng đứa thì có đứa thô xấu vụng về nhưng để cạnh nhau, chúng tôi chung hưởng cái Đẹp của toàn khối.

Như những quả chuối trong toàn thể buồng chuối, những người lính trong toàn thể một đoàn quân. Sự hãnh diện làm chúng tôi đi không biết mệt. Và lại, đối với đa số, đây là dịp đầu tiên được thấy những cảnh lạ. Cái nhà thờ Măng Lãng đó, đứa nào cũng ngước mắt lên nhìn gác chuông cao, mãi ngó đến quên bước và bị đứa sau đạp nhằm gót, bị đẩy ào tới, chụp vào đứa trước, ngã lộn hàng ngũ. Dãy cây dứa mọc dọc con mương nước chảy bằng ngang cánh đồng Diêm-diên mang những trái màu đỏ hình thù kỳ quái. Những bầy vịt đông vô kể đứng cạnh nhau tràn cả một bãi sông, hiếng mắt lên nhìn chúng tôi, miệng la cạp cạp. Chúng nó giống nhau như một sự bắt chước cố ý để đùa nghịch.

Ba ông thầy gặp nhau, khoe nhau những đứa học trò giỏi của mình như lái

gà khoe gà đá. Học trò kính cẩn và tò mò nhìn mặt hai ông thầy của hai trường kia. Ngẫu nhiên mà có hai ông mắt lé : thầy Tư lé của trường Trung - lương và thầy Châu lé của trường Tiên-châu.

Thí sinh thi ba môn. Đủ để mà hồi hộp và lo sợ. Bởi vì kết quả tốt không hẳn đã được thưởng trong khi kết quả xấu thì chắc chắn có một bó roi còn dư dựng ở góc lớp để dành sẵn đó.

Thi xong thì mặt trời còn ngang cây sào, học trò lật đật sắp hàng lên đường trở về. Lần này hàng ngũ không còn ngay ngắn như trước. Nhiều cặp chân kéo lết, tung bụi mù sau lưng. Buổi chia tay không được vui vì thằng Bích con ông thầy Tiên-châu làm sai tuốt cả hai bài Toán bị cha nó nện cho hai bạt tai thật lực, khóc bù lu bù loa. Thầy Trung-lương và thầy Ngân-sơn lật đật can gián, và cô

giáo phải kéo con mình chạy ra sau bếp. Thật khác xa với lúc mới tới, hai thầy cho gọi “cháu Bích đầu ra chào hai bác” và vuốt ve nựng nịu khen “cháu mặt mũi sáng sủa thông minh” khiến chúng tôi thèm thuồng số phận của nó. Toán đố thật là một môn học tai ác. Giá đem bài Luận ra phẩm bình thì “hai bác” có thể rộng rãi lời khen, bởi văn chương không có tiêu chuẩn nhất định. Ý tứ ngò ngách thì có thể khen là hồn nhiên, khô như bã mía thì có thể gọi là giản dị. Đằng này những bài Toán đố lại đòi hỏi những lời giải không-thể-gia-giảm-được. “Anh tài Toán đố” của trường Trung-lương là một người tên gọi Nguyễn thị Nhung. Tiếng đồn không sai, quả thật nàng trúng cả hai bài Toán đố. Nhưng khi tò mò chạy tìm coi mặt, chúng tôi thất vọng: người đẹp có cặp mắt lé như ông thầy của nàng.

Có một việc làm chúng tôi bàn tán cả mấy ngày: đó là hôm ông thợ Ngôn mang máy đến trường để chụp hình làm căn cước cho chúng tôi. Đứa nào cũng bận áo dài đen và lần lượt ra ngồi ở cái băng kê giữa sân. Ông thợ chui vào tấm vải đen phủ trên cái máy có ba chân cao. Tiếng nói vọng ra từ trong tấm vải:

– Ngược mặt lên... Mở to con mắt ra...
Đừng! Đừng! Đừng nhúc nhích chớ. Coi chừng! Ngó lên cái ống kính này... Mấy trò bốn phía đừng cười. Hư cái hình của người ta. Coi chừng! Ngậm miệng! Nghe tôi nói: Một... Hai... Ba. Rồi!

Hôm thi, Bác dẫn tôi đi. Học sinh toàn Tỉnh phải về thi tại tỉnh lỵ. Buổi chiều trước hôm thi, tôi điếng người nhận thấy rằng mình bỏ quên căn cước ở nhà. Bác phải thuê riêng một chuyến ô-tô về lấy. May kỳ thi đó tôi đỗ nên Bác

không xuýt xoa vì số tiền thuê ô-tô quá cao.

Một cậu học trò mười một tuổi ở từ nhà quê ra, nhút nhát rụt rè, tay cầm thẻ căn cước đi vào phòng này đến phòng khác để qua hết kỳ thi vấn đáp, chịu sự tra vấn của các giám khảo bộ vệ uy nghi, thật là một cực hình cho tinh thần của nó. Cái không khí nghiêm khắc lạnh lùng đó như đe dọa nó, ngôi trường trở thành một thứ tu viện thiêng liêng đóng kín cửa không muốn cho nó bước vào. Bao nhiêu những kiến thức nhồi thuộc lòng trong óc cứ lẫn lộn quay cuồng, ông Mai-hắc-đế và Bố Cái đại-vương kể với sự bài tiết và phát huyết quản hồi huyết quản, nghề ruộng muối ở Lệ-uyên Tuyết-diêm nghề trồng thuốc lá ở Sơn-hòa chập chờn hư ảo bên cạnh bài “đọc thêm” địa lý âm điệu du dương “Sông

cầu là bà già lão luyện, Tuy-hòa là thiếu nữ xuân xanh, Sông-cầu là chốn thừa lương, Tuy-hòa là nơi buôn bán...” Ngày chót của niên học, thầy giáo tuyên bố phát phần thưởng. Thầy ôm một chồng sách đặt lên bàn rồi cầm từng cuốn nhìn xuống lũ học trò, lựa đứa nào học giỏi, – hay là đứa nào thầy có cảm tình – kêu tên đứng dậy phát cho. Không theo bảng vị- thứ, không sắp đặt trước đứa nào sẽ được cuốn nào. Tôi chú ý nhìn một cuốn có lưng bìa xanh. Hôm trước một thằng bạn có cho tôi xem một quyển sách bìa xanh như vậy trong có in nhiều bài tập đọc lý thú. Truyện ông Lý Tịch sắc thuốc cho chị uống bị cháy râu. Bài thơ đi chợ đem theo một quan tiền mua đủ gà, nếp, trầu cau, chè, rượu. Những hình vẽ làm tôi say mê hơn. Hình vẽ ông Tô Hiến Thành mang hia đội mào, hình vẽ một đoàn người đang hò hực đẩy một tảng

đá to, hình vẽ một thẳng đứng giữa chia hai vỏ búa cho hai thẳng đứng hai bên. Những đứa học trò trong hình vẽ đều mặc áo dài và mang giày đi học. Người lớn thì đa số đội khăn xếp đen. Lối lẽ trao đổi đều dài dòng uyển chuyển, thật là một xã hội đẹp đẽ sang trọng khác xa hẳn xã hội tôi tiếp xúc hàng ngày. Tên cuốn sách là Quốc-văn giáo-khoa-thư lớp Sơ-đẳng. Vì lòng say mê ham muốn đó mà khi thấy cầm tới cuốn sách có lưng bìa xanh, tôi dần lòng không nổi, nhích người chồm lại coi. Thấy trao cho tôi luôn. Tôi mừng quá cầm lấy. Nhưng vừa nhìn lên bìa sách, bao nhiêu mừng rỡ tiêu tán: không phải Quốc-văn giáo-khoa-thư mà là Hán-văn tân-giáo-khoa thư. Lật vào trang trong thì thấy chữ Nho nằm cả dãy như kiến đen. Sách Hán-văn cũng có vẽ hình nhưng mà các bài đọc thì không thể nào nhàm hơn. Cứ những

câu làm nhảm loại:

Chó giữ cửa

Ra theo cửa

Vào theo cửa

Cửa để ra vào vậy.

Lông chó bỏ mất cũng được,

Lông cừu không nên bỏ mất vậy.

Một người mắc bệnh mất ngủ tưởng có thể tìm lại được giấc ngủ ngon lành nếu cứ chịu khó đọc mãi những bài tập kiểu đó.

Đã có lần tôi nhờ một người bạn hay đi chợ Phủ ghé xuống trường Phủ mua giùm cuốn sách Quốc-văn giáo-khoa-thư lớp Sơ-đẳng mà tôi thèm muốn, nhưng nó đem về cuốn Sử-ký. Nó giải thích:

– Tại mày nói cuốn sách trong có vẽ những đồng tiền. Tao giở cuốn này thấy có vẽ mấy cái vòng tròn tròn, tưởng là đồng tiền mày nói nên tao mua liền. Thôi, trả đủ vốn lại cho tao, tao không lấy lời.

Thằng bạn này có óc lý tài đặc biệt, ai nhờ mua sách thì nó xuất tiền ra mua rồi đem về bán lại lấy lời. Lần này nó làm ăn không ra gì bởi đã hấp tấp nhìn mấy cái mộc hình tròn của lũ giặc Nam-chiếu chống quân Cao Biền mà lầm tưởng là đồng tiền. Thưở bấy giờ sách học không có bày bán bởi vì cả ở tỉnh lỵ cũng không có hiệu bán sách. Sách học thì nhà nước gửi về các trường bán lại cho học sinh. Báo chí nhà báo gửi thẳng cho người mua.

Sau năm lớp Tư, tôi bơ vơ không biết nên làm gì, nên học gì. Lũ bạn ở gần thì

có đứa thi rớt, có đứa cha mẹ bắt ở nhà làm nghề. Cha tôi hồi nhỏ được cho ăn học mãi tận trường Tỉnh nhưng ham coi hát bội làm chay mà học hành chẳng ra chi. Có thể vì thế mà Bác mất lòng tin ở thiện chí và khả năng của người đi trọ học xa nhà. Vả lại đồ được cái bằng-Sơ-học yếu-lược rồi tức là đã hơn nhiều người rồi. Mấy ông mấy bà trong xóm nói đến chữ “đồ Yếu-lược” một cách trầm trồ như thời nay nói “đồ cử-nhân”. Thăng Triều rủ tôi lên Phong-hậu học một ông thầy chùa nào đó chữ nghĩa giỏi lắm, dạy làm toán Frắc-xông và toán Tàu Hàn Tín điểm binh nữa. Thăng Bái thì rủ đi học chữ Nho.

Thăng Bái lớn hơn tôi đến ba bốn tuổi. Nó bắt đầu cuộc đời học sinh bằng cách ôm vở đi học một ông thầy đồ dạy chữ Nho trong làng. Thầy phóng cho hai

chữ “Túc, Đa” và dạy nó “Túc là đủ, Đa là nhiều”. Nó ôm vở ngồi xếp bằng ở một góc chiếu học ra rả như cuốc kê. Đến chiều dò bài thì Túc không còn là đủ nữa, Đa không còn là nhiều nữa mà nó đã trộn lộn tung phèo với những chữ “Thiên trời, Địa đất, Cử cất, Tồn còn” gì đó của những đứa bạn ngồi cạnh. Thấy đồ phải trao cho nó một cây thước gỗ bắt nó gõ nhịp như người tụng kinh, cứ đọc lên một liếng là gõ xuống một cái. Cu cậu thú vị làm theo, đọc và gõ đều đặn lên ngưỡng cửa. Sau một hồi ngồi mỏi chân, cu cậu xoay người, sẵn cái ống nhổ thấy đặt ở góc tường gần đó cu cậu vừa đọc vừa gõ vào miệng ống nhổ. Nhà thầy đồ nghèo, ống nhổ làm bằng đất sét nung nên sau một hồi nhắm mắt ê a vừa tụng vừa gõ, cái miệng ống nhổ cứ mẻ lần bề lần, cuối cùng trụi lủi. Chiều lại thầy dò bài. Lần này thì Túc đủ Đa nhiều lộn với

“ Tử con, Tôn cháu, Lục sáu, Tam ba”. Lại thấy cái ống nhổ trụi cả miệng mồm, tác phẩm bất ngờ của Bái, thầy giận quá nạt học trò bắt đề Bái nằm dài xuống chiếu. Bái không chịu nằm, đứng gân cổ cãi (Cha của Bái làm lý trưởng nhà giàu nên Bái được nuông chiều, sinh ra tính cứng đầu):

– Thầy đánh học trò mà sao bắt căng nọc nằm đánh như đánh bọm vậy?

Thầy giận quá vụt một roi mây ngang lưng Bái. Bái nhảy thót ra giữa sân, đứng quay mặt lại:

– Đ... mẹ. Đánh cái gì mà đánh đau dữ vậy? Tao không thèm học nữa.

Vừa nói vừa chạy tuốt về nhà, bỏ vớ bỏ nón không thèm trở lại lấy. Nhằm lúc đó trường nhà nước mở, cha nó cho đi học quốc-ngữ.

Đầu mùa lúa tháng Tám năm đó đang vụ nghỉ Hè, tôi lại theo Bác đi coi gặt. Đến nhà tá điền, Bác gặp bạn, ông Chánh Năm. Câu chuyện giữa người lớn thường con nít không ưa nghe nên tôi để mặc Bác và ông Chánh nói, tôi cứ say sưa nhìn ra cái vườn quá nhiều cây trái, cây chuối đứng chen với cây bưởi, cây cau soi bóng xuống con mương nước. Đến một lúc nào đó, hình như câu chuyện đang đề cập đến tôi bởi tôi nghe lỏng bỗng những tiếng: trường giáo... thi đỗ... học... Chợt ông Chánh nói to lên:

– Nè, bữa nào qua ở bên tao học nghe không? Tao có thằng con cũng bằng tuổi mày, năm nay lên lớp Ba. Qua ở bên tao, hai đứa đi học có bạn.

Tôi sống cuộc đời học sinh ở trọ từ mùa khai giảng năm đó.

3

Nhà ông chánh nằm ở ngoại vi của Phủ lý nên có vườn cây, có đất thổ trồng bắp, có bờ tre, có ao, có ruộng lúa. Những buổi chiều nghe tiếng ếch nhái kêu, nhớ nhà vô cùng, cả ngày chỉ vồn vện ba bữa ăn, không được quà này bánh nọ, tôi có cảm tưởng những đứa con nít ở đây đã trở thành người lớn hết. Êm đềm hơn cả là những đêm xúm xít ngồi nghe thằng Gân, – người ở của ông Chánh, – kể chuyện ma và chuyện đi

cắm câu, đi gài bẫy. Nó bắt được nhiều thú chim; từ con chào mào đỏ đít đến con két lòng xanh, con nào cũng vặt lông mổ ruột ướp nước mắm hành tiêu rồi kẹp vào kẹp tre đem nướng. Kể cả bìm bịp và quạ. Ở trên chái bếp nó gác đủ thứ bẫy. Bẫy chim quanh quách thì chỗ này cắm trái mành bát chín màu đỏ, chỗ kia chim đậu và nó thò cái cổ qua khoảng trống này. Bẫy cuốc thì chỗ này cột con châu chấu cho nằm ngửa mặt lên trời cựa quậy râu, càng để con cuốc trông thấy mà nhảy lại. Mổ xuống một cái là sợi dây đã thông lọng ngang cổ. Bẫy kia thì phải khoét lỗ xuống đất, rải lúa vào và dọn một con đường cho sạch để dụ dỗ con chim đi.

Thằng Gân nhà nghèo, cha mẹ cho đi ở thuê chăn bò cho người ta từ nhỏ, không có được một ngày ôm vớ tới

trường. Lề lối sinh hoạt của nó trung thành với đồng quê nơi nó sống, mang bản sắc của ruộng lúa, soi bắp, đám mía. Nó làm việc như tổ tiên nó đã làm việc, cũng cái giở cỏ như thế và cái liềm cắt cỏ không thay đổi. Tôi chưa gặp ai có điệu nói quê mùa chân thực mà hấp dẫn kỳ diệu như nó. Mỗi buổi tối khi nó ngồi kể chuyện ma hay chuyện gài bẫy bả nà là chúng tôi quây quần xúm xít xung quanh lắng tai nghe, đứa nào cũng dành ngồi sát lại cho gần nó hơn, đôi mắt và cái miệng như treo lên. Nó mím môi, nheo mắt, giơ ngón tay lên, khoác bàn tay qua, ngồi chồm tới... mỗi lần câu chuyện đến hồi gay cấn:

– Có lần một con cuốc đít vàng, mập trời ơi là mập từ bụi tre xăm xúi chạy ra. “Nó” thấy con châu chấu của tao rồi mà. Sáu cái cẳng chống lên trời múa kiểu đó

thì cuộc nào mà chịu nổi. Nhưng bắt đầu nó đứng khựng lại. Ngó bốn phía. Tao ngồi rình trong bụi cò ke, nín thở. Mà ngu chưa, tao sợ nó thấy tao, tao lại nhắm con mắt lại. Trời ơi, ngu ơi là ngu...

Những lúc nó kể lại cách nấu xôi cuộc mới tài tình. Nó nói làm sao mà tôi cứ tưởng như đang thấy nó nhổ lông, thấy nó cầm trên tay con cuộc trắng mập, thấy nó chặt sả ra từng miếng. Rồi như nghe rõ tiếng dao của nó băm thịt trên thớt, tiếng mỡ sôi trong chảo, mùi củ hành hạt tiêu nước mắm bốc lên từ những miếng thịt đang chín lần trong chảo. Rồi cho xôi trộn vào, rồi mỡ làm mượt những hạt xôi, rồi mùi thơm mùi thơm mùi thơm... Đứa nào cũng nuốt nước miếng ừng ực và thẳng Gân cười ồ ồ chỉ vào cổ của mỗi đứa:

– Đó ! Bay thấy không? Tao mới nói mà bay đã lật đật nuốt nước miếng rồi. Huống chi mà có xôi cuộc thiệt ở đây. Thôi để bữa nào tao gáng bắt cho được một con. Ở bụi tre ông Câu Diễn có hai con cú “tu qua tu qua cuốc cuốc” hoai, tao nghe ngứa lỗ tai quá mà bắt chưa được.

Ngoài những câu chuyện của thằng Gân, cái thú của tôi là chạy theo thằng Hưng, – con ông Chánh, – qua nhà bà Tú là cô nó thượng lên cây ổi hái ăn tùy thích. Bà Tú mắt kém nên có nhiều khi đi qua đi lại dưới chân cây ổi mà không hề biết có hai đứa tôi ngồi im thín thít trên đó. Có bữa Hưng lén ăn cặp bánh bột đậu hay chuối khô bà Tú bày phơi giữa sân rồi thót lên cây ổi chia cho tôi một phần. Bà Tú già mà không con nên bà có dư thì giờ để nắn những cái bánh

bột đậu thành hình củ tỏi, thành hình con sâu có khắc có rãnh trên mình. Nếu cái bánh nhu mì một chút, nhũn nhặn mang hình một cái khuôn tròn hay chữ nhật thông thường thì tôi chắc sự tàn phá của chúng tôi sẽ ít quyết liệt hơn. Đảng này chúng làm đom một cách ồn ào dễ ghét và chúng tôi có bốn phận phải trị tội cho đáng với sự khiêu khích đó. Nhưng sợ bà Tú thấy mất dấu, Hưng sắp xếp lại những cái bánh còn sống sót, che lấp khoảng trống của cái bánh vừa vắng mặt. Mỗi lần ăn cặp chuối khô, sự dàn xếp ít công phu hơn. Nia chuối thì to, số miếng chuối thì nhiều nên cứ nhón lấy chỗ này một miếng chỗ kia một miếng rồi xê xích chút ít mấy miếng ở gần là có thể coi như tạm ổn. Đôi khi sự cầu thả đó khiến cho lũ quạ bị nghi oan:

– Mồ tổ cha mày, mấy con quạ quí.

Tao mới nghe “qua qua”, lật đật chạy ra liền mà cũng không kịp. Mày bay qua xốt hết mấy miếng chuối khô của tao phơi. Coi chừng có bữa tao xáng đá gãy cánh. Mồ tổ cha bay.

Hưng và tôi ngồi im trên chạng cây ổi, rứt cổ vừa ôm bụng nín cười. Đôi khi ở từ nơi sào huyết đó, chúng tôi bất ngờ được nghe bà Tú van vái cầu khẩn hay nói chuyện tay đôi với một nhân vật khuất mặt nào, tay cầm đôi đũa gấp trở những miếng chuối hay miếng mít, ở ngay dưới chân của chúng tôi:

– Lạy Thánh Thần Trời Phật ở trên đầu trên cổ... cho kỳ bông này đừng có sâu sia... Con mẹ Hương Bản mượn năm giạ lúa hôm tháng Ba... bây giờ cũng chưa trả... Nó muốn gặt luôn... ai cũng nói vậy... Chó đâu chó sữa lỗ không... Chẳng thằng ăn trộm cũng ông ăn mày...

Khi cùng ăn với Hưng, tôi thấy những trái ổi, những miếng chuối ngon lành lạ. Hàm răng cắn vào cái chỏm xanh bóng mơn mớn đó, tan dòn và nước ổi rịn ra vừa chua vừa ngọt vừa thơm. Tôi nghĩ rằng chính có nhìn Hưng cắn ngon lành và say mê những miếng ổi mà tôi thấy ngon thêm. Những cây ổi ! Đó là niềm vui bất tận của trẻ con, lúc nào cũng dành cho trẻ con những sự lục lọi, khám phá, cũng cho chúng những sự bất ngờ dù nhỏ mọn. Những loại trái cây khác đều đòi hỏi điều kiện: buồng chuối quá cao, trái mít, trái đu đủ quá lớn, trái măng cầu trái xa-cu-chê phải giú mới ăn được, trái cam quá sang trọng... Chỉ có trái ổi là vừa tầm của đứa trẻ. Trái mọc chi chít, quanh năm gần như chẳng mấy khi vắng trái, trái chia nhau chín ngày nào cũng có trái ăn được, những trái mọc dưới thấp mặc sức mà nhận những vết móng tay

bấm dọc bấm ngang, nhiều khi chưa kịp chua đã bị một bàn tay thiếu kiên nhẫn ngắt mất. Thân ổi mình dẻo chịu đựng cho trẻ con chuyền qua nín lại. Da ổi sạch nhẵn trơn tru, trẻ con thích leo lên ngồi để tưởng tượng mình là những con chim lớn. Mùi lá ổi thơm, khi nào buồn tay có thể ngắt một lá vò trong ngón tay để lên mũi ngửi. Những cây ổi thật đã làm vui những ngày đầu tiên xa nhà và tôi cảm ơn Hưng đã cho tôi cái thú vị thưởng thức cuộc sống.

Mùa Đông năm đó mẹ tôi đau nặng. Nhằm kỳ chủ nhật tôi ở nhà trọ về rồi tiếp theo lụt to không đi học được. Một buổi chiều Bác gái chạy kêu kiếm tôi rồi dắt tôi đi rón rén lại gần giường mẹ tôi nằm. Trong ánh sáng mờ mờ, tôi nghe tiếng nói nhỏ của mẹ:

– Con ơi, lại đây!

Tôi “Dạ”, lại gần. Bàn tay mẹ vuốt lên đầu tôi nhiều lần:

– Con ở lại với Bác... Gắng học hành...

Tiếng mẹ khóc nức. Sau đó mẹ quay sang Bác gái:

– Chị! Nhờ chị thương giùm cháu. Em chắc...

Bác gái rầy:

– Cứ nói tầm bậy. Uống thuốc đi.

– Em biết trong mình của em mà.

Khuya hôm đó mẹ tôi mất.

Trong đời tôi chỉ có một dịp tôi được tỏ lòng thương mẹ. Nguyên làng tôi có một con sông chảy qua và theo lời truyền miệng của người trong xóm thì những

đêm mưa to gió lớn, “Ma da”, – linh hồn những người chết đuối, – hay kêu khóc trong canh khuya. Có người nói rằng đã gặp Ma-da mình tròn trùng trọc da đen thui và nhợt. Có người nói Ma ngồi từng đống trên bãi cát, có người nói Ma leo lên sông rồi nhảy xuống nước chum chum. Lòng tin nơi má quái được thúc đẩy bởi sự chứng kiến những xác chết thỉnh thoảng trôi lênh bênh trên dòng sông. Nhất là vào mùa mưa lụt nước nguồn chảy ào ạt từ miệt Cà Lố chảy băng băng tràn khắp xóm khắp đồng, kéo theo nhà cửa cây cối. Vào lúc đó xác chết bị nước cuốn đi trôi thẳng ra cửa biển không mấy ai được thấy. Phải chừng ba bốn ngày sau, khi gió mưa đã tạnh nắng to trở lại, mực nước rớt xuống thì những xác người bị trôi tấp ở bờ tre bãi sậy ven sông được người ta phát giác ra, bị đẩy ra giữa dòng sông để trôi phiêu lưu theo dòng nước.

Nhiều lần đi trên đò ra giữa sông, tôi được thấy những xác chương sinh trôi lều bều, ở xa tưởng là xác con bò vì mình vàng cháy và no tròn. Khi xác trôi lại gần, những người ngồi trên đò la rú lên vừa bịt mũi: không phải là xác bò mà là xác người nằm sấp xuống, tóc trên đầu xõa đen một mảng. Tiếng la có xác chết trôi làm cho những nhà hai bên bờ sông vội vã cầm sào ra đứng chực ở hai bên bờ phòng khi xác có tấp vào bờ tre hay bến nước của mình thì vội vã đẩy ra cho xuôi theo dòng nước. Ngoài những xác chết xa lạ đó, còn có những người trong xóm hoặc đi tắm hoặc chèo sông bị lật úp chết đuối. Người ta truyền rằng nếu Ma-da tìm cách dim chết đuối được một người thì ma sẽ được đi đầu thai vì có người kia thế chân. Một hôm thằng Cựơc con ông lái đò tới mét giữa lớp:

– Hồi khuya Ma-da hiện. Cha tao nằm canh dò nghe tụi nó hát:

Họ Lê. Họ Nguyễn, họ Bùi

Ba họ chụm lại, anh Hai lên bờ.

Câu hát ngụ ý nói sẽ có người họ Lê, họ Nguyễn, họ Bùi bị nhận chết nay mai và Ma (tự xưng là anh Hai) sẽ được lên bờ đi đầu thai.

Tôi suy nghĩ về câu hát và cứ lo lắng bồn chồn ngày này qua ngày khác. Mẹ họ Lê và cứ năm ngày là mẹ phải xuôi dò dọc đi chợ Đồng Dài. Tôi sợ Ma-da gây trận dò chìm và dìm chết mẹ tôi. Đêm đêm nghe tiếng gọi dò tôi giật mình nhìn ra khoảng tối ngoài sân, tưởng rằng trên bãi sông vắng ẩm ướt sương đêm những con ma đang tụ họp nhau lại, rét run vì lạnh vừa bàn tính cách dìm chết người.

Những buổi chiều phiên chợ Đồng Dài tan, dò dọc trở về tiếng tù và tu tu trên bến sông, lòng tôi mừng rỡ rộn ràng vì mẹ sắp về, mẹ đã thoát nạn. Khi nhìn dáng mẹ manh mãnh đi vào trong sân, tôi muốn chạy lại ôm mẹ mà nói:

– Mẹ ơi, con mừng vì mẹ còn sống trở về.

Mẹ tôi mất đã ghi những nét buồn sâu đậm trên tâm hồn tôi. Mẹ là cái cầu nối liền gia đình tôi với gia đình bên ngoại. Cha tôi thường không thích về bên nhà vợ vì ông ngoại là một nhà Nho nghiêm khắc ra vào lễ nghĩa mà tính cha tôi thì ham vui ưa đàn địch xướng ca. Cha tôi học đàn cò đàn nguyệt và khi có gánh hát bội hay cải lương về trình diễn thì dù trường hát ở xa bao nhiêu ông cũng đi coi cho được. Khó có thể tưởng tượng được rằng ông đã đi xe ô-tô ba mươi cây

số để coi một gánh cải lương rồi vẫn hát mười hai giờ khuya lại thuê xe về.

Sau này có lần cha tôi nói:

– Ông, – chỉ ông ngoại tôi, – đối với vợ con mà cách biệt quan liêu như quan đối với dân. Lúc nào cũng phải thưa phải trình, phải đi nhẹ, phải vòng tay. Có lần tao về mừng tuổi ngày Tết với mẹ mày, cái áo dài tao bận lật đặt quên gài nút cổ. Ông chỉ cái cổ áo, hỏi tao:

– Cái cổ của mày có phết vàng bạc hay sao mà phải để hở cho người ta ngó thấy?

Cung, cách đó tao làm sao chịu nổi? Mấy thằng cậu của mày cũng ớn luôn.

Tôi không nghĩ vậy. Tôi thấy cậu Sáu, cậu Tám, dì Bảy cho dù khi lâm vào cảnh làm ăn thất bại túng thiếu nhất cũng vẫn

còn giữ cái cốt cách lễ nghĩa.

Nhà ông ngoại là cả một dinh cơ rộng lớn, nhà trên, nhà ngang, nhà cầu, lẫm lúa, nhà dưới, nhà bếp, chuồng bò, chuồng ngựa... Liên tiếp có nhiều khoảng sân rộng để nối những ngôi nhà với nhau. Nhiều cây mít, cây xoài thả bóng mát sau dãy hàng rào dài. Những bụi bóng trang, cây trắc bách diệp, cây tùng đứng sắp hàng trước sân. Có hòn giả sơn, có chậu lớn thả bèo, có hồ trồng sen.

Nhưng khi tôi lớn lên thì nhằm lúc gia đình ông ngoại bị nhiều biến cố. Cậu Sáu thông minh học giỏi ông ngoại đặt hết cả hy vọng thì bỗng nhiên bị bạn bè rủ rê bỏ học đam mê cờ bạc. Ông ngoại lật đật cưới vợ cho cậu. Bên suôi là một nhà giàu và vợ cậu có nhan sắc. Thế là cậu vừa mê vợ vừa mê cờ bạc. Đánh mãi,

thua mãi, vay nợ, ăn cắp đồ đạc đem bán, rớt cuộc bên vợ xin ly dị. Cậu lẫn mình vào cờ bạc trốn vện hơn. Ông ngoại tha hồ trả nợ. Ông ngoại buồn, thất vọng sinh bệnh rồi từ trần. Đám ma không long trọng bằng đám ma của bà ngoại bởi vì khi ông ngoại vừa nằm xuống thì các người chủ nợ lật đật uà tới bắt cậu viết giấy thực ruộng hay đoạn mãi ruộng đất.

Ông ngoại mất thì quyền bán ruộng đương nhiên lọt vào tay cậu và những người chủ nợ tranh nhau đến sớm để chọn những miếng ruộng tốt. Ngày trước đám ma bà ngoại, tôi nhớ có giết bò và âm công tập ngày này qua ngày khác ở trong sân. Những người âm công đầu chít khăn tang trắng, lưng thắt đai trắng theo khẩu lệnh của người chỉ huy đi đứng lui tới nhịp nhàng như một đội binh.

Anh em của bà ngoại ở tận Đồng Hội đi xuống thăm, ngồi trên lưng những con ngựa ô ngựa đốm có vòng lục lạc reo nơi cổ, có lá phủ thêu màu xanh đỏ phủ lên lưng dưới bộ yên da. Nón lông chụp bạc lóng lánh trên đầu và quai nón bằng lụa màu xanh màu hồng thả tua dưới cằm. Đàn ngựa năm sáu con buộc ở bờ rào, lông đuôi dài muốt nhai cỏ rào rào, chân thỉnh thoảng đập lộp bộp xuống mặt đá. Cả xóm tụ hội lại xem, xem ngựa và xem người. Họ Tạ của bà ngoại là một họ giàu có thế lực ở Đồng Hội.

Ông ngoại mất, cậu Sáu chỉ còn nể nang có mẹ thôi bởi mẹ tôi là chị thứ Tư. Dì Năm lấy chồng ở mãi tận Phong Thái xa xôi nên khó có dịp ngăn giữ bàn tay vung phá của cậu. Nhưng kịp đến lúc mẹ tôi mất thì cậu như điều gặp gió. Bán sạch đồ đạc trong nhà, cạy ván rầm nạy

cánh cửa ra bán, rồi bán luôn nhà, luôn đất. Cái dinh cơ uy nghi ngày xưa đó bị dỡ xuống lần hồi. Rồi lần hồi những ngôi nhà nhỏ xúm xít mọc lên, tiếng người nói ồn ào, tiếng trẻ khóc và tiếng cãi nhau, tiếng gáo nước va vào thành chum, tiếng heo và tiếng gà, những thứ tiếng eo xèo cơ cực đó cắt vụn cái không gian trầm mặc uy nghi ngày xưa. Từng khoảnh sân hẹp méo mó, những hàng bắp, những giàn bí giàn mướp tạm bợ đã chia nhau cắt xén cái vuông sân rộng rãi ngày xưa. Tôi bị cắt hết một nửa không gian sinh hoạt tinh thần của mình. Ngày còn mẹ, mẹ là cái dây buộc mỏng mảnh nối liền hai khung trời bảo bọc của tôi là bên nội và bên ngoại. Mẹ mất đi, cái dây buộc không còn nữa và một khung trời cũng vỡ tan liền sau đó.

4

Ở lớp sơ-đẳng tôi tiếp xúc với mấy người bạn con quan, con các thầy Thông Nhất, Thông Nhì, Lại mục... Giọng Huế ngọt dịu êm đềm. Thằng Lê Học Hải có ba nó làm tri huyện ở Quảng-ngãi nhưng theo ở với ông bà nội nên cùng học lớp tôi. Một hôm thầy giáo đẩy cái cánh cửa không ngờ có Hải đứng sau, cánh cửa xước vào chân nó làm bật cái móng chân cái máu chảy ràn rụa. Hải lò cò xin về nhà và một lát sau bà nội nó

dẫn nó tới đứng trước cửa lớp to tiếng sỉ vả thầy sao không cẩn thận để làm cháu bà bị thương. Tiếng la lối ồn ào thật xa lạ đối với cái khung cảnh hiền hòa của một ngôi trường có nhiều bóng cây cao che chở bao quanh. Thầy lí nhí xin lỗi nhưng người đàn bà không ngừng tiếng nói. Khi đã mõi mệt bà bỏ ra về, tôi thấy thầy lấy khăn lau nước mắt.

Thầy Xước dạy Hán tự không có cái lễ độ dịu dàng đó. Thầy ăn mặc lôi thôi, áo the rộng thùng thình và quần cháo lòng. Miệng nói ồn ào, phun nước miếng vào vở những đứa ngồi ở bàn đầu. Đời sống có vẻ túng thiếu. Đang ngồi dạy học mà muốn hút thuốc, thầy phải nhờ học trò chạy đi xin lửa:

– Ê ! Đứa mô chạy đi xin cho thầy tí lửa bay.

Những ngày đầu học trò giành nhau chạy đi bởi vì được bỏ lớp nhảy ra ngoài sân nhảy vào trong xóm thì còn gì thông thả sung sướng bằng. Nhưng sau khi chạy tìm bếp nhà nào cũng lạnh tanh nguội ngắt, đi rảo năm bảy nhà cũng cùng một trường hợp, sau khi bị chó nhà người ta ủa ra sủa có con găm gù nhảy lại đớp phải la quát lên vừa ngồi bệt xuống hai tay chụp xuống đất thủ thế, sau những nỗi niềm cơ cực đó, lũ học trò chẳng đứa nào chịu hưởng ứng lời kêu gọi của thầy nữa. Tuy gọi là phố Phủ nhưng nhà cửa nghèo nàn, người ta dùng chà tre đun bếp nên nấu nướng xong là lửa tàn ngay. Nếu bất ngờ có một gốc củi gốc nào đó giữ được lửa thì không dễ mà xin người ta cho tách một than lửa đỏ. Có khi may vớ được một chà củi tre có đốm lửa đỏ ở đầu, ba chân bốn cẳng chạy về trường vừa thôi cho ngọn lửa bén thêm nhưng

càng thổi đống lửa càng sụp mặt xuống và khi đến hiên trường thì vừa tắt ngấm. Không ai còn thích chạy rong tìm lửa nữa.

Kêu gọi năm lần bảy lượt mà đứa nào cũng làm tai ngơ, thầy nói:

– Đứa mô kiếm cho tí lửa, tao cho ba boong. [trois points: ba điểm]

Có hứa hẹn hối lộ, mấy đứa học kém tranh nhau lãnh công tác. Hí hửng chạy về nộp lửa cho thầy, thầy quần vội điều thuốc châm vào đầu lửa bập lầy bập để. Sau khi hít dài được hơi khói đầu tiên, thầy hỏi tên người học sinh có công rồi mở sổ viết con số 3 vào đó. Phải đôi ba lần như vậy những người chiến sĩ hữu công đó mới nhận ra rằng lối thưởng ba điểm kiểu của thầy rất có hại cho người thụ hưởng. Và thế là không còn ai muốn

được thầy hối lộ nữa. Thầy cứ kêu gọi và học sinh cứ làm ngơ. Chắc cho đến bây giờ thầy cũng không hiểu vì sao mà lũ học trò lại liêm khiết đến thế.

Phổ Phủ tập nập tổng lý, ngày nào đi học tôi cũng gặp từng đoàn lý trưởng, chánh tổng, hào mục khăn đen áo dài đi tới Phủ đường hầu việc. Trên tay họ thường có một cái đơn cuốn tròn lại. Sau đó họ tụ tập ăn uống ở các quán trọ. Những người đàn bà có việc kiện cáo thì vừa đi vừa chạy te tái theo các vị tổng lý. Cái áo dài quanh năm xếp để trong rương nay mới lấy ra mặc, còn mang y nguyên những lần xếp ngang dọc. Phổ Phủ tuy gọi là nghèo nàn nhưng đã đủ sức hoa lệ để bắt họ vừa bước vừa nhìn, họ là những người quanh năm chỉ biết có nổi cám heo, cái cối đá, cái rửa cái cuốc và những thân cây mù cua, cây bồ

lời đứng vững chãi bao vây tầm mắt. Lũ lính lệ thì bằng nhặng đi lại, chân bước thoăn thoắt như lúc nào cũng có công tác hệ trọng.

Sau lớp Sơ-đẳng, tôi ra trường Tỉnh học lớp Nhì. Một số bạn không có phương tiện, bỏ học về nhà giúp đỡ cha mẹ. Năm sau nhà nước xây trường lớp Nhì ở Ngân-sơn và lũ bạn lại bỏ việc nhà theo học lại. Cô bạn tôi tên là Nhiệm con ông Tri phủ vì học kém phải ở lại một năm nên khi lên lớp Nhì thì được học trường Ngân Sơn. Ngày ngày có xe kéo nhà đưa từ phố Phủ lên trường Ngân Sơn học. Đường xa hơn bốn cây số, buổi trưa cô và người em trai ở lại trường. Lũ bạn, – đầu tên là thằng Đại, thằng Chúc, thằng Thi, – cảm mến người đẹp nên ra công chọc ghẹo. Trong các trò chơi có môn chụp hình. Lấy quyển vở cuốn tròn

lại làm ống kính, phủ cái áo dài đen lên rồi đứng ở cửa sổ gọi tên người đẹp cho ngược mắt nhìn lên rồi la to:

– Chụp hình! Chụp hình được rồi!

Người đẹp về mách với bố và hôm sau có một tên lính lệ cầm giấy lên thầy Hiệu trưởng. Ba chú đầu râu theo gót người lính lệ đi bộ xuống Phủ đường, được quan Phủ bắt quì một buổi.

Do anh Tân dẫn dắt, tôi cùng anh ở trọ nhà ông Tám Nhi, một hiệu buôn bán, sửa chữa và cho thuê xe đạp. Ông Tám to lớn vạm vỡ, tóc cắt ngắn chừa một vạt dài ở trước trán chải quật ra sau. Mái tóc đỏ, hàm răng vàng bóng ngời đỏ, đôi cánh tay xạm trở những hình con rồng phun nước con cạp nhe nanh đỏ, giọng nói oang oang đỏ đúng là khí phách của một tay hảo hán giang hồ. Mỗi câu nói

đều được báo hiệu trước bằng một tiếng “Đù mẹ”. Bà vợ gầy nhom xanh mướt, nói gần như không ra tiếng. Thế mà tôi nhớ có lần ông ghen với lão “chủ thầu cơm nhà thương” đánh bà ta một trận bệnh nằm cả tháng. Lão chủ thầu thì xấu xí mà bà vợ ông thì thiếu máu rõ rệt; khó lòng mà có ngọn lửa ái tình phụt lên cháy nổi. Ông đổ tội cho thằng chủ thầu cứ đi xe đạp qua nhà và vợ ông ngồi trong nhà cười ra.

– Đù mẹ... Mày mê thằng Sập cầu, – ông chủ thầu có cái mũi gãy làm hai đoạn nên bị ông cưỡng bức tặng cho cái biệt hiệu đó, – tao giết mày có ngày, còn thằng Sập cầu nữa, tao cũng giết nó có ngày.

Khách hàng không ai dám đến mua xe đạp hiệu ông. Có ba cái xe dựng mãi đó, tháng này qua tháng khác, cứ phải

lau đi lau lại hoài. Cũng chẳng ai đem xe hư lại sửa. Bởi vì hễ nói chậm, nói nhỏ, trả giá cò kè là ông nộ khí xung thiên quát liến. Chỉ có mấy đứa nhỏ thỉnh thoảng ghé lại thuê xe đạp để tập, thuê nửa giờ hoặc một giờ. Khách hàng vắng vẻ, ông dùng thì giờ để uống rượu ăn gỏi cá sống và “Đù mẹ” với người nào đứng lảng quáng gần đó. Cả ông chủ phố mỗi đầu tháng đến đòi tiền thuê nhà cũng chỉ nhận được một mớ “Đù mẹ” rồi ra về không, có những uẩn khúc, trong sự liên hệ giữa gia đình ông Tám, tôi nghĩ vậy căn cứ vào sự thù nghịch ông dùng để đối đãi với hai người con mà tôi nghi là con riêng của bà Tám. Hai đứa đó, thằng Minh và con Mẫn trạc bằng tuổi tôi, thường được ông bạt tai và cốc những khuỷu ngón tay vào đầu. Chúng nó vừa sợ vừa ghét ông. Thằng Minh phản ứng lại bằng cách nhảy nhót cười chế nhạo

mỗi khi ông đi vắng, còn con Mẫn thì chuyên môn bậm miệng nhúu mày, hai hàng lông mày rậm đen, mỗi khi ông sa sả mắng chửi. Thằng Tân cũng bị ông ghét lây. Dường như nó có quen lớn bà con gì đó với bà Tám, và cùng đi đạo, mỗi tối nó xúm xít quây quần đọc kinh tối với bà và lũ thằng Minh con Mẫn. Ông Tám thì cứ nằm tỉnh trong giường hút thuốc thả khói lơ mơ hay chăm chú đọc một tờ nhật báo. Trong tình trạng cô đơn tinh thần đó, ông chọn tôi làm người bạn vong niên và trong bữa rượu ông hay gọi tôi lại ngồi cạnh, gắp cho tôi những miếng gỏi cá. Tôi nhận sự đãi ngộ đó với rất nhiều dè dặt bởi vì tôi không thể không để ý đến những cặp mắt hằn học lườm lườm nhìn ông và dù ông hết sức dịu dàng đối với tôi, cái mái tóc lật ngược, những hình xăm trổ trên đôi cánh tay và khuôn mặt đỏ hừng hực khô-

ng khiến tôi được yên tâm thoải mái.

Căn phố bên cạnh chúng tôi là một hiệu cắt tóc. Anh thợ lên là Danh có đôi con mắt cận thị mỗi lần nhìn ai là nhúu cả lông mày lông mi lại. Anh mặc quần thật dài kéo lết xuống sàn nhà nên gấu quần xác xơ. Lúc nào cũng than thở những câu vọng cổ “Gió Bắc lạnh lùng, trên con đường ba sanh thấy hoa rụng rồi trên mặt đất...” hoặc ảo não hơn: “Văng vẳng tiếng chuông chùa, giọng chuông công phu...”. Anh dường như thất tình thường xuyên. Lúc nào cũng thấy anh viết thư tình và mỗi lần viết như vậy là anh lục lọi trong mấy cuốn tiểu thuyết “Châu về Hiệp phố”, “Cay đắng mùi đời” rồi trích biên những đoạn lâm li như loại phòng loan gối chiếc, cánh nhận bên trời, tương tư giọt lệ. Rồi anh chọn biệt hiệu cho mình: Hoàng ngọc Ẩn. Dưới

bức thư có ghi đủ: Trần công Danh dit Hoàng ngọc Ấn. Những biệt hiệu còn dư, anh đem tặng cho bạn: anh thợ bạc kê bên được chữ Tuấn Dũng, anh đốt lò bánh mì được chữ Minh Châu. Đôi khi nghĩ thắm thía thế nào đó, anh đòi lại cái biệt hiệu đã đem tặng. Và cuối bức thư tình lần này thấy đề: Trần công Danh dit Minh Châu. Trò chơi “chọn biệt hiệu” lỗ lãng đó đã hấp dẫn tôi và chính tôi đã rủ hai người bạn thân, thằng Thôn và thằng Ngật cùng chọn ba biệt hiệu gán gửi nhau: Thanh Vân, Thanh Sơn, Thanh Hà. Ba chàng “Thanh” này cứ chừng sáu giờ rưỡi chiều sau khi ăn xong là đi bách bộ ra khỏi thành phố đi hướng về cầu Tam giang. Câu chuyện trao đổi xoay quanh những nhân vật của Hoàng-giang nữ-hiệp, Giang-hồ kỳ hiệp và Hỏa-thiên Hồng-liên-tự. Thằng Thôn mặc nhiên lãnh nhiệm vụ thuyết trình viên thường

trực bởi vì nó có dư tiền để thuê truyện đọc liên miên. Nó giàu nhất trong ba đứa chúng tôi. Sau khi cha nó mất, má nó làm lẽ một ông Bang trưởng Hoa-kieu giàu. Liên hệ gia đình này làm nó xấu hổ nên khuôn mặt lúc nào cũng đăm chiêu. Thỉnh thoảng có một đứa bạn ác ý nhắc đến nỗi khổ tâm của nó bằng những câu viết trên bảng:

Chẳng thà ăn cá liệt xuôi

Còn hơn ứng Chệt mọc đuôi trên đầu

Do mặc cảm thua sút đó mà Thôn ít giao thiệp với bạn bè. Nó làm bạn với Ngọc Cẩm Kiếm Thu và tôi dám quả quyết rằng những người Trung Hoa này đã an ủi nó nhiều lắm bởi vì họ đều xinh đẹp và đều võ nghệ cao cường. Bảo đảm là họ không để mọc một cái đuôi sam xấu

xí trên đầu như mấy đứa bạn độc miệng vẫn chế giễu. Sự giao du hạn hẹp có lợi cho Thanh Vân và Thanh Sơn lắm bởi vì cứ vài ngày là được tiếp tế, hoặc là khô mực nướng hoặc là tôm khô nướng. Đi lai rai dọc đường có gió nhẹ thổi mát, có hương thơm của hoa cau hoa lúa, có mực nướng hay tôm nướng ngọt ngào trong miệng lại được nghe kể chuyện Kiếm Thu bế Ngọc Cẩm nhảy thoát vòng vây của lũ ăn cướp đội lốt đàn đà thì tưởng không còn gì thú vị bằng. Người Trung-hoa thật có tài trong việc dự trữ thức ăn. Hầu như món gì đến tay họ cũng được họ phơi khô để dành. Hồng tàu, táo tàu, Lạp xưởng, củ cải, thịt bò, thịt nai...

Một hôm Thôn khoe với chúng tôi là vừa mua cái giấy xổ số giá một đồng. Nó bắt chúng tôi học thuộc lòng: 227563.

Nó đi cầu ở hai ba cái am linh thiêng ở ngoại ô thành phố. Nó hứa sẽ mua quà tặng chúng tôi:

– Nếu số của tao trúng thì tao sẽ không quên hai đứa bay. Vậy hai đứa phải siêng cầu khẩn với tao.

Tội thân cho thằng Thôn, thời đó giấy số hàng tháng mới xổ một lần nên nó phí rất nhiều thì giờ để mà cầu khẩn. Nó nằm chiêm bao thấy trúng số liên miên, cứ vài đêm là trúng độc đắc một lần. Tha hồ mà mua ô-tô và cưới vợ.

Lần đầu tiên tôi thấy tận mắt một người ngủ dậy trưa là anh Danh. Từ nhỏ đến giờ quả tình là tôi chưa hề thấy một người nào như vậy. Ở nhà tôi ai cũng dậy sớm. Khi tôi giật mình mở mắt lồm cồm ngồi dậy tiếng chổi đã kéo xoèn xoẹt ngoài sân, tiếng nước đã chảy ào ào vào

chum. Trên con đường trước nhà, từng đoàn bò giậm chân lộp cộp đi qua, từng đoàn thợ cấy thợ cấy nói chuyện cười đùa ồn ào. Tôi nhìn khuôn mặt của anh Danh lừ đừ ngủ dậy khi nắng đã rọi nóng nơi cánh cửa, đồng hồ đã đổ tám tiếng. Tóc anh rối bù lật rơi xuống tới miệng, chụp phủ xuống tai. Áo quần nhàu nát, chiếu xô lệch, gối rớt xuống giường. Anh ngồi thừ rồi vươn vai ngáp dài rồi nhỏ đánh toẹt vào một góc nhà. Giọng anh rồ rồ ngâm lên:

– Mộng Lan em ơi, sao em nở ra đi để cho anh thui thui tắm thân nơi đất khách quê người....

Rồi mò tay xuống đầu giường tìm gói thuốc lá Đại Nam con Rồng móc một điếu châm hút. Sự uể oải, sự bừa bãi, thật là lần đầu tiên tôi mới chứng kiến và tôi thấy kinh dị. Sau đó quả tình là

anh có rửa mặt, có rải thứ nước rửa mặt đó xuống sàn nhà rồi quét bằng cái chổi đó đốt nhỏ những đồng tóc, những mẫu thuốc lá, mẫu que diêm, anh có lau bàn lau mặt kính và treo tấm vải trên viết chữ “Coiffeur” dưới vẽ hình cái tông đơ, cái dao, cái lược, cái kéo, tiệm cúp của anh sạch sẽ trở lại, sáng sủa và xinh xắn thật, nhưng sao tôi vẫn có một sự ngờ ngợ không tin nào. Tôi mừng tượng thấy một cái gì giả dối, một sự tạm bợ bất ổn. Có thể sống bấp bênh mơ hồ như vậy sao? Tôi thấy anh hay hẹn nợ, thấy anh nhiều khi đợi cho khách hàng vừa bước ra khỏi tiệm là đã vội bốc vào mắt đồng xu vừa nhận được, gọi mụ hàng xôi tới ngồi ăn.

Có những bữa thềm thuốc lá anh ngồi ngáp dài đợi người khách mang cái đầu tóc dài tới như con cóc đang ngồi

đội lũ kiến lũ mối bò qua. Nhưng mấy ai biết? Lúc nào đầu anh cũng chải bi-ăng-tin láng mượt, nước hoa Pompéia xịt thơm áo sơ-mi và khi cô tinh nhân của anh ghé tiệm thì anh gắn thêm một điều thuốc lá trên môi. Người con gái tha hồ mà tin tưởng vào người tình phong nhã của mình. Có hôm tôi thấy cô ta mang biếu anh đôi quả xoài, vài quả cam quả mận hoặc khi đi chợ về thì ghé trao mấy cái bánh ít, một gói kẹo. Anh tâm sự với tôi:

– Cô ta thương anh dữ lắm. Bà mẹ ép gả cho thằng Nghĩnh, bếp khố xanh nhưng “cô” không chịu. Con bà Hương Bảy ở bên chợ Xổm. Nhà giàu lắm. Cổ với anh đã thể non hẹn biển nếu không lấy nhau được thì quyết tự tử.

Tôi có cảm tình với anh, điều đó tôi không phủ nhận, nhưng tôi vẫn không

muốn rằng người con gái đó sẽ tự tử vì anh. Tôi không muốn cô lấy một người chồng có đời sống bấp bênh như anh, tiêu ngay đồng tiền mình vừa nhận được và ngồi đợi chờ đồng tiền như con thần lẩn nằm chờ con muỗi. Ở nhà, tôi quen với nếp sống có phòng bị có dự trữ nên tôi thật khó quan niệm rằng sao người ta lại có thể sống may rủi vậy được. Tôi có cảm tưởng anh là một loài cây không có rễ bám sâu vào đất như loại rong loại bèo nổi trôi trên mặt nước, lang thang phiêu bạt, không có phương tiện để dự liệu cho những bất trắc, để chống chọi với những bất trắc. Và tôi càng tăng thêm niềm thương kính đối với Bác tôi bởi vì chính Bác là cây đa cây đề, bám rễ hút nhựa thật sâu để bảo bọc tôi, để tôi có thể vững lòng tin cậy.

Ngày nghỉ lễ, Tân rủ tôi và thằng

Phước đi bộ về quê thăm nhà. Đường dài hai mươi một cây số khiến tôi sợ nhưng Tân giảng giải:

– Hăm một cây số là đường ô-tô. Ô-tô chạy vòng quanh tránh núi tránh non, còn mình đi bộ, cứ theo đường đèo mà băng ngang. Gần lắm, chỉ còn chừng mười sáu cây. Tao đi bộ hoài mà.

Thằng Phước có kinh nghiệm đi bộ nên đề cập vấn đề với tính cách chuyên môn chính xác hơn tôi:

– Qua đèo Dốc Quít thì băng ngang lợi được vài cây số, qua đèo Gành Đỏ thì mình bỏ con đường ô-tô ngay từ chỗ Phương-lưu. Lên đầu đèo tụi mình nghỉ ăn bánh rồi xỏ dốc. Bọc qua Bình chánh đi tới cầu ông Bi...

Tân gạt ngang:

– Qua cầu ông Bi chi cho xa? Đâm ngang qua Soi Giũa, đi gặp miếng trâu là tới Cây Da chết. Nó đi thẳng Lầm Bình-hòa, qua đò Cây Dừa là tới nhà.

– Uở nếu không đi ngõ đó thì nó thọc qua Long-xuyên với tụi mình, nó tách xuống ngã Đò Gạch rồi theo ngã Bình-phú. Tới miếu Cây Tài là tới nhà.

Con đường nào cũng «tới nhà» một cách dễ dàng mau chóng nhờ những “xổ dốc, băng qua, đâm ngang qua, thọc qua...” Thật là khỏe. Lại có mục “lên đầu đèo tụi mình nghỉ ăn bánh”. Tôi tưởng tượng ngay một mẹt bánh xèo, một chồng bánh tráng và đĩa nước mắm có vài trái ớt tươi vừa bứt ở cây thả vào. Còn lý do gì để lưỡng lự nữa?

Tối đó thằng Phước ôm cặp quần áo qua nhà chúng tôi ngủ. Dự định “gà gáy

bốn lần” thì đi cho mát. Nhà ông Tám không có đồng hồ reo nên dặn nhau phải nửa ngủ nửa thức, ngủ cho đã sẽ thức. Đang ngủ ngon lành chợt giật mình.

– Dậy đi bay ! Dậy đi bay ! Sáng rồi.

Nhìn ra cửa sổ thấy trời mờ mờ sáng. Rửa mặt qua loa rồi ôm xách lên đường.

Đêm mát và yên lặng. Tân biết tôi mạo hiểm lần này là lần đầu nên nó thối thêm tin tưởng cho tôi:

– Đường này tao đi như đi chợ. Cứ cách vài tháng cha Sở Lò-giấy sai tao đem giấy tờ ra cha Sở Sông Cầu. Rồi mày coi, ngó vậy chớ có xa bao lắm.

Phước tiếp lời:

– Con đường đèo Xuân Đài mà tụi mình sẽ leo tắt chính thị là con đường

cái quan hồi thời Vua Gia Long đó, ông nội tôi nói vậy. Người đi buôn đi theo ngả đó, lính khiêng cổng cũng đi ngả đó. Họ khiêng cáng và gánh hàng nặng mà còn leo được huống chi tụi mình đi hai tay không.

Tôi không có ý kiến gì, cứ lầm lũi bước theo.

Đường trường vượt qua rồi đến đường dốc. Bỏ con đường lớn, đi len lỏi giữa một con đường hẹp, rồi nhảy qua những tảng đá, rồi trở lại gặp con đường lớn. Cứ liên tiếp như thế, hết đèo này đến dốc kia, qua truông qua hố mà không hề gặp một ai trên đường. Những ngôi nhà vẫn ngủ im lìm ở các thôn xóm xa, và tiếng gà gáy rời rạc từng hồi rồi im hẳn.

Chợt một lúc nào đó Tần đứng lại:

– Chết rồi bay ơi! Trời mới có khuya, bay ơi! Tao thấy trăng sáng mà tưởng lầm là đã mờ đất. Chỗ này ngó bộ...

Chúng tôi quay nhìn ra xung quanh. Đèo dốc chập chùng. Những bụi cây mù mang những hình thù quái dị. Những ngôi mộ sơn vôi trắng nằm rải rác ở sườn dốc. Tôi lạnh mình. Thằng Phước đứng kể lại gần tôi. Giá có đứa nào la lên một tiếng “Ma” thì nhất định cả ba đều sải chân chạy. Nhưng Tân quả có kinh nghiệm về đường trường. Nó nói:

– Tụi mình đi trệt lạt. Xuống cái xóm lúc này, chun vô cái xích hậu ở kế bên đường đó nằm ngủ. Hồi này đi qua tao thấy cái sạp tre trong xích hậu còn tốt lắm. Đợi có đoàn người nào đi chợ sớm thì mình đi theo.

Tôi không ngờ lần đi bộ đó có thể

dẫn tôi về đến nhà được. Con đường thì quá dài, những cái dốc thì quá cao trong khi bước chân của tôi cứ càng lâu càng ngắn lại. Mà tiết kiệm được bao nhiêu?
– Một cắc.

Bác thấy tôi về mặt mũi đỏ gay, rầy la không cho lặp lại một cuộc phiêu lưu như vậy nữa.

Qua năm sau tôi ở nhà trọ khác. Và tình cờ mà nơi đây tôi biết được tin chị Dầu đã lấy chồng, một người thanh niên Hoa-kiều nhà giàu ở xế trước mặt. Người thanh niên Hoa-kiều đó mê cô con gái của bà chủ trọ tôi, chị Oanh. Anh hiện ở Sài-gòn để tập sự nơi một công ty lớn và trong những bức thư viết cho chị Oanh anh kể lể rằng anh ghét vợ anh lắm, rằng anh chỉ thương có Oanh, rằng vợ anh quê mùa lắm viết thư cho anh mà gọi là “phu quân” và xưng “thiếp” y như Phàn

lê Huê đời Tống đời Đường. Cố nhiên là chị Oanh thích lắm nên chị kể lại cho tôi nghe và để biểu lộ tràn trề sự sung sướng, chị còn đưa những đoạn thư đó cho tôi đọc nữa. Tôi thương thâm cho chị Đẩu như thương một người bà con xấu số của mình. Tôi để ý nhìn xem chị lớn lên thay đổi thế nào nhưng nhà phố Trung-hoa thật kín cổng cao tường lại thêm mẽ chai cấm tua tủa. Chị ở mãi sâu trong một hậu cung thâm nghiêm nào đó, nơi để dành cho những người đàn bà bó chân nhỏ tựa búp sen. Có một lần tôi thoáng thấy chị đi đâu về, nép theo bờ thành rồi lọt vào cửa lớn, đi thẳng vào sân trong, làm như ngôi nhà to lớn âm thầm kia có sức hút. Quả đúng là chị, thân hình đầy đặn, da trắng mặt tròn. Một năm sau tôi nghe tin người chồng xin ly dị và chị trở về ở với cha mẹ. Tự đó, bất tin luôn. Chắc chắn là chị sẽ không sung sướng,

với một sự bắt đầu trở ngại như vậy.

Sau này tôi có nghe loáng thoáng là ông Đức chết, ngôi phố bán đi và tôi tưởng tượng rằng hai chị em đều phải lam lũ so với những ngày êm ấm ngày xưa. Cuộc đời thường hay kết thúc đen tối bi thảm như vậy. Những ngôi nhà đổi chủ, những cửa hiệu xóa đi, lớp người lớn ngã xuống và lớp người nhỏ phân tán ra khắp nẻo. Con người nhẫn nại trong ý thức cam chịu, cuộc sống bắt rễ mong manh như lớp vảy trên da thạch sùng. Chính Bác tôi báo tin chú Đức chết, tôi không nhớ rõ vào dịp nào, chỉ nhớ chắc là báo với một vẻ thản nhiên đến độ lạnh lùng. Tôi hỏi:

– Chị Ngươi, chị Đầu vẫn còn ở tại nhà cũ hờ Bác?

– Cái nhà bán rồi. Nợ nần nhiều quá,

bán để trả nợ. Ăn ở không lại mang tật hút xách.

Bác không nói một lời thương xót, than thở, trù mến kèm theo và điều đó làm tôi không vui. Tôi nghĩ rằng những người đó không làm hại ai và tôi cứ muốn cho họ sung sướng. Những người lớn đều vô tình, sau này tôi mới biết như vậy. Khi đã chứng kiến nhiều cái chết, nhiều sự suy sụp, con người quen đi, lì đi, không còn biết cảm xúc nữa.

Lúc bảy giờ con đường xe lửa bỏ từ Bắc đến Tourane thì ngừng lại, bỏ từ Nam đến Nha-trang thì bỏ hết nổi. Đoạn đường Nha Trang – Tourane đi toàn bằng ô-tô. Xe chở thư từ mà dân chúng gọi là xe thơ, lúc đầu là xe hãng STACA màu xám, sau là xe hãng Bourbon màu vàng. Xe thơ vì phải chạy đúng giờ nên dân chúng ở hai bên đường thường mượn nó

làm đồng hồ. Người ta bảo nhau, chẳng hạn:

– Đi bắt cơm đi ! Xe thơ ra rồi.

hoặc:

– Ngồi nán chơi một lát nữa ! Xe thơ chưa vô mà. Còn sớm.

Xe thơ ở Qui Nhơn vô mỗi ngày có chở theo bốn bao nước đá dành cho bốn người Pháp cai trị tỉnh này: ông Chánh sứ, ông Phó sứ, ông Lục lộ và ông Giám binh. Nước đá đựng trong bao tải, có bọc trấu xung quanh. Thời nay nước đá phổ thông ngang tầm với thịt bò và rau cải, phổ thông đến mức người lịch sự không cho chủ quán bỏ đá vào ly bia mà bắt ngâm chai bia giữa những tảng nước đá. Những người trung lưu đa số có tủ lạnh. Khoa học tiến những bước vượt bậc

cung cấp những tiện nghi mà các ông quan cai trị người Pháp thời đó không có được. Thời đó bánh mì đã là một xa xỉ phẩm. Cả tỉnh lỵ chỉ có một hiệu làm bánh mì, một cái bánh giá năm xu chỉ từ ông Phán ông Thông trở lên mới ăn tới. Gần dịp Tết, ngoài hồng, táo, nho, chà là, kim châm, củ cải, các hiệu Hoa-kiều bày bán vài chục ký khoai tây và hành tây, treo bán bảy tám cái bắp sú. Nhà giàu mua được vài cái bắp sú, một ký hành tây là đã sang lắm.

Vào năm tôi học lớp Nhất, một người bán phở đầu tiên, một người Bắc, đến thành phố này. Ông ta gánh thứ gánh phở cổ điển vuông vức như hai cái thùng gỗ, với cái đèn leo lét trong đêm. Tiếng rao «phở» lạnh lót, tiếng lóc cóc của một thanh gỗ gõ vào lóng tre khiến sự hiện diện của ông ồn ào khác hẳn với

sự im lặng của những người bán hàng khác. Sự tranh thương quyết liệt và kiên nhẫn của đồng bào miền Bắc vào Nam được báo trước bằng tiếng rao tự tin đó, như tiếng gáy hùng dũng của con gà báo hiệu ánh sáng và sự tranh sống sắp bắt đầu. Quả vậy, sau gánh phở, những hiệu tạp hóa, – trên bảng hiệu thường ghi là Bazar Tonkinois, – lần lượt mọc lên, ban đầu khiêm tốn e dè, lần lần nói rộng ra, cao thêm, dài thêm, rục rĩ thêm. Những tấm bảng hiệu lòe loẹt nhiều màu mang tên hiệu tươi vui với những Phúc Lai, Thịnh Quang, Tiến Mỹ... làm mờ hẳn những tên hiệu khô cứng bất biến của người Hoa-kiều: Toàn Phát, Hiệp Hưng, Vĩnh An Lợi... Cửa hiệu sáng rục nhiều màu với gương với lược, bánh xà-phòng, khăn, áo... với cô bán hàng đứng sau quầy vắn tóc trần và đôi mắt bò câu.

Những xe chở hành khách vô ra đều phải đậu lại bót Cảnh-sát để kiểm soát giấy thuế thân.. Đi ra xứ ngoài, – xứ Bắc-kỳ và xứ Nam-kỳ – thì mới cần có thể căn cước. Người nào không có giấy thuế thân thì Cảnh-sát bắt xuống xe đem nhốt vào bót Cảnh-sát. Có người chui núp trên mui xe giữa những đồng hành lý và trên có phủ vải bố xanh, nhưng cảnh-sát cũng leo lên bắt phụ ết mở tấm bố rồi lấy roi gân bò quất túi bụi vào người nấp.

Những ngày đầu ở trọ, đêm nào đúng tám giờ tối tôi cũng bỏ học ra hai anh lính thổi kèn. Đó là hai người lính khố xanh bấp đùi vắn xà- cạp, chân đi đất. Cả hai lảng lảng đi từ đồn khố xanh ra đầu cầu Thị Thạc. Họ đứng đối diện nhau, trương kèn lên thổi một bản kèn dài. Tiếng kèn bay theo làn gió đưa vang tận mãi trên Thành, vang xa tận khu phố

nhà thương. Xong bản hợp tấu đó, họ quay mặt hướng về đồn khố xanh tiến bước nhịp nhàng, người này thổi một đoạn rồi tiếp đến người kia, thay nhau thổi cho đến cửa đồn. Sau bài kèn tám giờ có biểu diễn thịnh soạn, những hồi kèn chín giờ, mười giờ đều ngắn hơn và chỉ thổi ở trong đồn. Riêng hồi kèn mười giờ được chấm dứt bởi những âm thanh kéo dài ra buồn lê thê như dỗ người ta vào giấc ngủ.

Trong một năm học, ngoài ba tháng Hè, còn thi cử đến ngày lễ lớn là tôi đi ô-tô về nhà chơi đôi ba ngày. Nhằm mùa lụt, chú Ba đi câu lươn đem về rộng trong chum đợi ngày tôi về. Có khi rộng đến mười ngày nửa tháng, đến hồi bắt ra con lươn gầy nhom. Hỏi:

– Chú cho nó ăn cái gì để nó sống tới ngày nay?

Chú trả lời:

- Tao bỏ đất sét vô trong chum.
- Con lươn ăn đất sét mà sống được?
- Chớ nó ở dưới ruộng không ăn đất sét thì ăn cái gì?

Thế mà tôi cũng có thể tin được! Giá bây giờ thì tôi sẽ hỏi lại:

- Chú nói nó ăn đất sét sao chú lại đào trùn mà câu nó? Rõ ràng là nó thấy con trùn quo que nó mới tấp.

Nhưng tôi lại nghĩ rằng giá tôi có hỏi thế thì chú sẽ trả lời lại chẳng hạn:

- Tại nó thấy con trùn, nó ghét nó tấp.

Chú hay mau miệng giải thích mọi việc cho tôi nghe, giải thích theo ý chú

chứ không căn cứ theo một kiến thức chân xác nào.

Những con lươn đó, chú bắt thả trên nền đất, lấy lá chuối và tro và cát chà cho mình nó hết trơn nhớt, cho màu da trắng bệch. Chú chạy xuống vườn chọn một cây chuối hột còn non cắt đem về, xắt mỏng ra mà um với lươn. Rất nhiều gia vị: nghệ, ớt, sả, lá gừng, lá é. Um lươn hay um cá tràu thì phải chặt một thân chuối, điều này đã thành công thức trong óc chú Ba nên khi những bụi chuối hột trong vườn không nảy ra thân chuối con nào vừa lứa thì chú xăm xăm lên vườn ông Lạc chọn xin một cây. Ở quê, sự tương trợ được coi là thông thường cần thiết bởi lẽ không ai có đủ những món nó cần. Làm sao mà có đủ thuốc đau bụng, thuốc cầm máu, thuốc nhức răng..., đủ cối lớn cối nhỏ, khuôn bánh, nồi bung? Lắm khi

còn phải chạy đi mượn một chén dầu, một nồi trà, đợi hôm sau đi chợ phiên mua về trả. Mượn thì ít mà xin thì nhiều hơn, nhất là những loại gia vị trồng được trong vườn. Cây chuối con được chú Ba liệt vào hạng gia vị xin- khởi-phải-trả-lại. Đó là một sự cưỡng ép, tôi nghĩ. Ông Thủ Lạc tính tình hiền lành ít oi nên cái vườn rộng của ông chỗ góc nào có mọc cây gì, người trong xóm không ai không biết. Cây khế lạt ở trước sân gần bụi thêm, cây khế chua gần bờ giếng, cây nhàu gần chuồng heo, cây chùm kết ngoài hàng rào, cây me xế chái bếp... Lá ngải cứu vò uống ho, lá ổi phụng chưng uống tháo dạ, lá é, lá cữu, tía tô, bạc hà, mỗi thứ một ít chia nhau làm rậm cái không gian sinh hoạt gần gũi của ông.

Mùa Đông rảnh rang công việc, chú Ba còn gánh lờ đi xuống đồng Hà-yến,

đồng Xóm Làng đặt ở mấy trổ nước bờ ruộng. Chú bắt được nhiều cá rô cá sặt đem về rọng trong chum. Cùng với chú, những người thanh niên ở miệt Phường Lụa, Long-hòa cũng mỗi sáng rủ nhau từng đoàn gánh lờ đi tản về các cánh đồng để chận bắt cá. Những con cá rô lớn bằng bàn tay đem nướng lên, dầm vào nước nắm ớt tỏi, vừa bén vừa thơm.

Ngoài việc câu lươn bắt cá, chú đào lỗ trồng những dây mướp, dây bầu, dây dưa leo. Tôi yêu mến nhìn những dây mướp bỏ ngọn mỗi ngày bỏ một dài thêm, bỏ trái rọng ra khắp giàn, lá xanh che mát một vùng và những cái vòi cong manh mãnh ngo ngoe như râu của con tôm hùm, con châu chấu rập rình linh động. Sau này lớn lên; hể mỗi lần nhìn một dây bầu dây mướp bắt vòi ra lá là y như tâm hồn tôi vắng lặng trở lại, tôi

tự tách rời ra khỏi khung cảnh sinh hoạt hiện tại để đắm hồn mình về những ngày thơ ấu. Tôi thấy làng mình êm ả vô cùng, thời gian ngưng đọng lại và tôi vẫn còn là cậu bé khờ dại ngày xưa. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng bao nhiêu màu xanh của lá màu vàng của hoa làm tươi mát tuổi ấu thơ tôi đều do một bàn tay của chú vun quén trồng nên, chú đã tạo cho tôi những kỷ niệm, chú đã làm giàu quăng đời bé bỏng của tôi.

Người ta thường ca ngợi mùa Xuân, cho mùa Xuân là đẹp nhất nhưng riêng tôi thì mùa Đông mới ghi lại những nét êm đềm. Khi những cơn mưa dầm tuôn ào ào lên mái ngói cắt đứt mọi liên lạc với mọi người xung quanh biến căn nhà của mình thành một ốc đảo lẻ loi, tôi cảm thấy sự ấm áp của một căn phòng, của một ngọn lửa trọng bếp, của những

mảng bóng tối lẫn quất nơi kẹt cửa, nơi gầm bàn, nơi góc tủ. Đêm nằm nghe mưa rơi rào rào trên lá, nghe nước đổ từ sườn núi tuôn ầm ầm xuống cái hồ cạnh nhà, sáng ra nhìn mặt đường biến đổi bởi bao nhiêu hòn đá lớn nhỏ từ sườn núi lăn xuống được cuộn cuộn trôi theo dòng nước bỏ nằm rải rác đó đây. Nước sông đục ngầu dâng cao tràn vào mép vườn, tràn lên ngập vườn và lũ nhỏ chúng tôi đứng quanh quần ở bờ nước, cầm cây đo mực nước, trông cho nước mau lên cao nữa. Mặt nước trong lòng giếng cũng dâng cao, cầm cái gáo có thể múc được và điều đó làm say mê chúng tôi.

Gió lớn ào ào trong đêm làm gãy những cành cây, làm rụng lá tươi bởi trái khắp mặt đường khiến phong cảnh trở nên trắng sáng sữa. Mưa to rồi tạnh và nước cứ dâng thêm, nước tràn menh mông, con

đò bơi đậu ngay giữa xóm. Sông câu chi Khiên ghim đậu trước cửa ngõ, chi bùng rổ thịt heo vào nhà mời Bác gái mua. Tiếp tới, tiếng giã đập lộp bộp vào be sông của bà Gặp mang mắm đi rao bán từng nhà cũng bằng sông câu. Những người trong xóm từ nhà ông Hương Hai ở đầu mút xóm trên đến nhà bà Tiềm ở đầu mút xóm dưới đều khăn trùm cổ hay quấn kín đầu, tay thọc vào bụng hay vào sau lưng quần lò dò đi tìm gặp nhau đứng tụ từng nhóm nói chuyện vãn vơ về thời tiết. Mùa Đông mưa gió ai cũng nghỉ ngơi, ai cũng chỉ cần nhớ đến giờ chạy xuống bếp bắc nồi cơm hay lò mò về nhà ăn cơm. Hết đứng ở đầu ngõ nói chuyện, họ tụ hội vào nhà nói chuyện, đốt hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, ngồi quanh bếp lửa hay quanh một lò than nóng đỏ. Cuộc đời thật thông thả nhàn hạ, người ta bày rang bắp để nhá

cho đỡ buồn rồi lôi những chuyện Tiểu lâm, những chuyện ma cũ rích từ năm ngoái năm kia ra kể lại.

Để chuẩn bị cho mùa mưa lụt, tháng Bảy nắng ráo Bác gái mua trái thơm phơi khô rộng mắt và đem muối trứng vịt. Khi cơn mưa đầu mùa đổ xuống, Bác lật đật đem mấy món dự trữ ra nhưng hình như chẳng ai thấy chúng là cần thiết. Bởi lẽ thịt heo, cá đồng, bánh chả, giữa cơn lụt lớn người ta vẫn bơi sông đem đến bán từng nhà, và thơm rộng nước mắt không phải là một món ăn ngon. Nhiều hôm tôi thấy rõ ràng là Bác gái bị mếch lòng bởi món ăn Bác phí nhiều công lao chăm sóc đó không được ai chiều cố hết. Bác ngồi im lặng không chuyện trò và cứ độc gắp một món thơm rộng mắt của Bác cho đến hết bữa ăn. Mùa Đông có cái thú ăn đu đủ luộc. Cây đu đủ sức yếu

thường bị gió thổi ngã, nếu không thì bị ngập nước bạc sớm muộn gì cũng bị thúi rữa mà chết. Bao nhiêu trái đu đủ từ già đến non đều phải lợi dụng hết.

Mùa mưa lụt nước tràn khắp đồng, mưa gió từng hồi ào ạt mà thấy tôi phải đi học là Bác lại lên tiếng chê trách Nha Học-chính:

– Đáng lẽ nhà nước phải cho học trò nghỉ mưa mới phải. Mùa nắng đi học sung sướng mà lại cho học trò nghỉ nắng!

Ngày Tết học trò thường được nghỉ đến hết mồng Bảy tháng Giêng là ngày hạ nêu, mồng Tám đi học lại, nhưng năm nào Bác cũng bắt ở nhà ăn xong lễ cúng Tiên-sư ngày mồng chín rồi mới đi. Tôi sợ thầy phạt nhưng lòng ham nghỉ vẫn mạnh hơn lòng sợ thầy cho nên sau vài hồi được kéo nài, tôi sẵn sàng nghe theo

lời Bác. Lễ cúng Tiên-sư có ba con gà giò và sáu đĩa xôi là mục chính còn những xào nấu là phụ. Ăn xong rồi cũng phải ra đón ô-tô. Xung quanh tôi mọi người hoạt động tíu tít tấp nập. Những người đàn bà ôm từng trái dưa hấu lớn chào mời khách. Người khác cầm giỏ những gói bánh cốm chìa vào trong xe.

– Cốm đây ! Cốm dễ đây ! Mời ông mua giùm một gói... Dạ, ngọt lắm... Dễ lắm... Dạ ông cầm coi, gói cốm nặng trĩch.

– Dưa hấu! Mời bà mua trái dưa ! Dạ, dưa hấu Lỗ Sấu mà, ngon có tiếng. Dạ, bà cứ coi cái chêm đây thì thấy. Dưa đỏ ruột, mỏng vỏ, cát nó to mà dòn.

Mấy quán cơm băm thịt, chiên xào túi bụi. Tài xế, «ết» xe quay máy, rò máy, bóp còi toe toe rộn rã. Tranh nhau giành

cướp những người hành khách đi ngơ ngác trên đường.

– Ra Sông Cầu hả? Lại đây! Lại đây! Xe chạy liền. Bỏ giỏ xách lên mui mau!

Người hành khách quê mùa bỡ ngỡ không biết mình phải đi xe nào. Bởi vì cái giỏ bị anh ết này giật, cây dù bị anh ết kia kéo còn đứa nhỏ dắt theo thì bị một anh ết khác dẫn đi miết lại một cái xe thứ ba. Cứ ngó qua ngó lại ngó trước ngó sau, hai chân quính quáng và miệng líu ríu không biết nói sao một lượt cho cả ba người ết cùng nghe.

Thật sung sướng là những người làm việc có mục đích, làm việc tự do thông thả làm việc trong phạm vi hạn của mình. Tôi ngồi đó đưa mắt lạc lõng nhìn xung quanh. Thấy giáo lớp nào cũng dữ đòn. Thấy Tiễn gầy ốm có bàn

tay xương xẩu nên cái tát của thầy có giá trị của những đoạn roi ngắn cộng lại. Thấy Lương quất học trò với cái roi cá đuối lờm chớm gai nhỏ. Ngọn roi đánh vút một cái, cuộn tròn theo lưng của nạn nhân và thầy nhắm tít đôi mắt lại như cũng ghê sợ không dám nhìn sự tàn bạo của mình. Thầy Huy đập đầu người học trò lười vào bảng đen và sau hai ba cái đập đầu như vậy, mặt người học trò trắng bệch bụi phấn. Mỗi lần viết bài chánh tả Pháp-văn, thầy lò dò đi xuống từng bàn đưa mắt nhìn những chữ sai và cái roi bất ngờ bổ xuống từ trước mặt hay từ sau lưng không biết trước được. Dáng thầy Cao so với dãy bàn thấp lè tè và tôi có cảm tưởng học sinh là bầy cá con bị một con cò đi lững thững rình mò, chốc chốc mổ vọt xuống một phát gấp trợn con cá con giữa mổ.

Tôi thấy mỗi nơi xương bả vai của mình. Tôi nhìn qua cửa xe, nhìn về chỏm núi của xóm tôi ở bên kia sông. Mấy hòn đá lớn nằm cao chót vót, mảnh rừng cấm um tùm giữa hai triền núi trọc mọc thưa thớt những bụi cò ke, bụi móc ó, bụi găng. Dưới chân núi là thôn Quảng-sức của tôi nằm nấp sau bờ tre. Con đò lặng lẽ chở khách qua sông, cái bến của vườn tôi kia, ngôi nhà của tôi ngói đỏ lấp giữa màu lá xanh ngắt. Tất cả mọi vật hiền hòa trầm lặng, cuộc sống thông thả dễ dàng, đêm tiếp theo ngày ai nấy cũng vừa làm vừa chơi, cũng gắng sức trong một mức độ vừa phải. Chỉ có riêng tôi bơ vơ lạc lõng, một thân nhỏ chịu bao nhiêu sức ép của xã hội học đường: thầy giáo, thầy Đốc, ông Kiểm-học... cho đến Cai Bảy Cai Năm, như cành hoa dại mọc đơn côi trên chỏm núi đá bị gió giật liên hồi mưa xối tới tấp. Tôi tự nguyện: lần sau nhất

định không ở nhà ăn cúng Tiên-sư nữa. Nhưng hình như ba trăm sáu mươi ngày có đủ sức dài để xóa mất những lo âu của năm trước nên năm nào rồi tôi cũng lặp lại sự đại đột và sự ân hận.

Cuối năm lớp Nhất chúng tôi thi Tiểu-học. Bài thi làm toàn bằng tiếng Pháp và trong khi tôi tả xung hữu đột một mình xoay sở giữa trường thi thì ở nhà quê ông Thông Nhẫn tới thăm Bác. Thông Nhẫn nguyên là một thừa phái bị bãi chức vì tội ăn hối lộ phải theo về ở nơi quê vợ. Ông ta giữ một nề nếp sinh hoạt nặng nề hình thức cốt để che giấu sự túng thiếu của mình. Áo quần luôn luôn tiêm tất và trong câu chuyện kể cho người xung quanh nghe, ông hiện ra là một người học giỏi, có đạo đức, dòng họ trâm anh thế phiệt. Đi đến đâu người ta

cũng tranh nhau tiếp đãi ông trọng hậu để được làm quen, người ta mời mọc, người ta nài nỉ. Nhưng ông quân tử, chỉ giao du với người quân tử. Bác tôi hẳn là được ông xếp vào hàng quân tử nên ông thường ghé nhà, có lúc thì mượn hai cắc trả tiền xe kéo rồi quên luôn không trả lại, có lúc thì khen nếp ở nhà này nấu xôi dẻo và sẵn sàng mua một gia, hôm sau trả tiền. Trí nhớ của ông ngắn, Bác tôi đã có kinh nghiệm nên coi như biểu ông gia nếp đó. Lợi tức của Thông Nhẫn là những ông xã ông tổng có việc phải làm đơn lên quan, là những người thưa kiện và những người bị kiện. Đơn trưng giấy tờ, xui nguyên giục bị, ông là một loại ngư ông có kế hoạch không chịu nhận nài đợi cho trai cò mổ nhau mà thường phải bày cho cò mổ trai và trai kẹp cò.

Sau những câu hỏi thăm thường lệ, Thông Nhẫn hỏi tin tức về sự học của tôi.

– Nó học thì khá, Bác trả lời lơ mơ như vậy.

– Nhưng đi thi mà không lo lót thì không thể nào đỗ nổi. Anh liệu coi. Cũng nên lo lót cho cháu nó chắc đỗ.

Bác ậm ừ, không trả lời dứt khoát. Lo lót là một nề nếp sinh hoạt không làm người dân Việt-nam nào ngạc nhiên. Từ việc lớn đến việc nhỏ, từ hình thức công khai lộ liễu đến hình thức khéo léo tinh vi, người ta đòi hối lộ, nộp và nhận hối lộ. Không có anh lý trưởng nào, chánh phó tổng nào, hương sư nào là khỏi phải nạp hối lộ cho cấp có quyền hành.

Thông Nhẫn chậm rãi tiếp:

– Anh với tôi là chỗ anh em, cháu anh cũng như cháu tôi. Tôi có bà con với mấy giám khảo. Anh đưa tiền để tôi lo cho.

– ...

– Không bao nhiêu đâu. Chỗ giám khảo bà con, tôi lo chừng bốn lăm, năm chục đồng thì bảo đảm. Người khác thì phải hàng trăm bạc. Mà chưa chắc đã xong. Lo cho giám khảo cho yên đi, rồi còn chỗ tôi với anh... anh em mình mà.

Những con số! Năm chục đồng. Trị giá của bốn lượng vàng. Rồi còn chỗ anh em nữa. Nghe nó nói nó học khá...

Thông Nhẫn không nài nỉ thêm mà cáo biệt vội vàng lấy cớ có nhiều việc đang bận. Đó cũng là một nước cờ cao. Chúng có là Bác đã mấy lần ngồi gói bạc,

rồi lại ngân ngừ suy nghĩ, rồi lại gói bạc cầm dù ra đi, rồi lại lấy một cố nhỏ nhặt nào đó trở lộn về. Cho đến khi tôi xuống xe chạy ù về nhà la lên: «Đậu rồi! Con đậu rồi!» thì gói bạc và cái dù, vẫn còn đặt cạnh nhau. Chắc hẳn nỗi mừng vì cháu thi đậu không lớn hơn bao nhiêu so với nỗi mừng vừa cứu thoát năm mươi đồng bạc. Bởi đã biết khá nhiều về ông Thông Nhẫn nên Bác tôi đã có thái độ của Tư-mã Ý dùng dằng không biết nên tiến hay nên thoái, không biết Khổng Minh chết thật hay giả chết, nên cuối cùng gói bạc mới còn nằm kề cái dù.

Kỳ thi đó có hai người đậu đầu ngang điểm nhau, trong đó có tôi. Hội đồng không dự trù một trường hợp bất thường như vậy nên hôm tuyên bố kết quả chỉ có một quyển tự điển Larousse để tặng cho một người. Thằng Trương xuân Chánh,

tên bắt đầu bằng chữ C được lãnh. Hội đồng hứa với tôi: “Sẽ mua thưởng cho trò sau”. “Sau” đồng nghĩa với “không bao giờ hết”. Tôi không nỡ đem điều đáng phàn nàn đó về kể cho cha tôi nghe để bắt ông hối hận. Không phải cứ lấy tên ông Tôn Văn ra đặt cho tôi là tức khắc tôi sẽ làm Tổng-thống. Mà kết quả rõ ràng trước mắt là vì tên tôi là Văn nên tôi mất quyền tự điển Larousse.

5

Sau khi đỗ tiểu học, tôi thi vào Trung-học. Những bạn của tôi ở từ các tỉnh tới, nói nhiều giọng khác nhau: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Bình Thuận, Ban Mê Thuột... Sau mỗi kỳ nghỉ Tết, mỗi kỳ nghỉ Hè, lũ bạn đi học mang theo quà địa phương của mình. Bạn Quảng Nam mang theo khoai lang khô và bánh tổ, bạn Quảng Ngãi mang theo đường phối, bạn Phan Thiết mang theo nước mắm nhĩ, còn rim mít,

kẹo mè, bánh in bánh cốm thì gần như không ai không có. Ký túc xá nhà trường lúc đó bận rộn khác thường. Ngày nào cũng có đũa la lối giậm chân phui tay tới tấp vì lũ kiến đen đánh hơi đường ngọt sắp hàng đi cả đoàn vào viếng thăm học tử và va-li. Ngoài những học sinh người kinh, ký túc xá còn nhận những học sinh người Rhadé, những Y Bliêng, Y Phơm, Y Bih, Ròm Rock, Nay Phin... Họ đồng phục kaki vàng và trao đổi chuyện trò với chúng tôi bằng tiếng Pháp.

Những buổi chiều đi lại trong sân trường, Y Phơm hay biểu diễn môn bắn ná cho chúng tôi xem và anh mách rằng:

– Thằng Y Bliêng đó, nó giàu lắm. Nhà nó có năm con voi và nhiều con trâu. Và, – điều này nhớ đừng mét lại cho nó nghe, nghe không, – nó có vợ rồi.

Cố nhiên là chẳng ai đủ kín miệng để giữ nổi một tin tức ly kỳ như vậy cho nên sau ba ngày là Y Bliêng đã rượt đánh Y Phơm và cả hai vật nhau giữa sân cỏ. May mà họ không dùng ná và mũi tên tẩm thuốc độc.

Ở trường Trung-học, hiệu trưởng và một số lớn giáo sư là người Pháp. Điều này hẳn làm cho Bác tôi bằng lòng, không thể nghi ngờ gì được bởi vì lúc bấy giờ người ta khen một anh học trò căn cứ vào tiêu chuẩn “nó có nói chuyện được với Tây không”.

Làng tôi nguyên có nghề dệt gấm nổi tiếng suốt cả Trung-Việt, sản phẩm đem đấu xảo tận bên Pháp nên các quan Tỉnh thường ghé lại thăm, kể cả các ông quan người Pháp. Ngoài các viên chức cao cấp đó, thỉnh thoảng có một viên Đội Thương-chánh đi sục vào làng tìm

bắt thuốc lá lậu thuế và rượu lậu. Vào mùa thuốc lá, nhiều người đi mua thuốc từ mạn Sơn Hòa, Trà Kê gánh đi bằng rừng về lợt xuống miền xuôi, trốn khỏi mấy đồn Thương Chánh. Do sự tâu báo của những người điếm chỉ mà đôi lúc những viên đội Thương Chánh đi thẳng vào làng, tìm đúng nhà và đúng ngay chỗ cất giấu tang vật. Mỗi lần có một người Pháp như vậy nghênh ngang vào làng là mọi người nhốn nháo, người có tiền thì lo lắng sợ bị vạ lây, người nghèo thì thông thả, tò mò chạy theo coi.

Một hôm Bác đi đâu về trễ, cởi áo rồi lấy quạt quạt phạch phạch, vừa bảo tôi:

– Hôm nay có thằng Tây Thương Chánh đi bắt thuốc. Nó gặp thằng Quảng hỏi đường và thằng Quảng trả lời lại bằng tiếng Tây. Cả xóm ai cũng khen. Thằng Quảng là bạn học của mày đó. Còn như

mày, mày gặp Tây có nói chuyện được không?

Tôi lúng túng không biết trả lời sao. Tôi chưa nói chuyện với Tây lần nào thì làm sao mà biết được? Tôi nói rụt rè:

– Hồi giờ chưa nói chuyện thử ...

– Thử cái gì? Hể học thì phải nói được.

Sự cẩn thận chuẩn xác của tôi đã làm Bác nổi giận, đã chặt đi những đôi cánh tin tưởng hào hứng nơi Bác. Tôi có nghe truyền miệng những lời khoe của vài phụ huynh khoe con mình có khả năng nói chuyện với Tây. Từ sự thật đến lời rao truyền khoảng cách thường xa lắm. Không chắc đứa con của đương sự đã dám có một lời quả quyết. Lại không chắc người cha đã có một câu khẳng định. Nhưng

lời truyền miệng cứ luân lưu, thêm bớt tùy sáng kiến của những trạm thu phát.

Phải công nhận là sự bất bình của Bác làm tôi áy náy nhiều ngày. Nó khiến tôi lo lắng nữa bởi vì lúc nào cũng tưởng tượng những sự bối rối lúng túng khi mình sẽ đối thoại với một người Pháp thật. Sau này càng có kinh nghiệm ở đời tôi càng thấy rằng những người cha lạc quan kia quả là những người sung sướng. Họ đơn giản hóa mọi việc, như người làm vườn thô lỗ cắt trụi những chồi nhỏ đâm ngang đâm dọc của một cành cây. Họ không đủ tinh vi để hiểu ý nghĩa thực của một câu nói, ý nghĩa nằm trong những hư tự mà họ coi thường như sẽ, có lẽ, nếu... Tiếng Việt không có điều-kiện-cách và tiếp-tục-cách. Và người điếc thì không hề biết sợ sùng còn người thính

tai lo lắng cả đến những tiếng chuột rúc dưới gầm giường.

Tôi nhớ năm 1940 khi quân đội Nhật tràn vào Đông-dương, có nhiều người lật đật viết những cuốn sách dạy tiếng Nhật. Có người vừa in sách vừa mở lớp dạy tiếng Nhật. Tôi đã có dịp gặp một ông thầy, như vậy, đang giờ học thì có một sĩ quan Nhật bước vào và có một người học trò của ông phải làm thông ngôn giùm cho thầy. Vả lại dầu đã nói chuyện được với Tây nhưng lại còn có nhiều cách nói. Hồi đó Tổng-giám-thị của trường là một giáo sư thực thụ đã từng dạy nhiều năm. Lệ nhà trường khi trống trường đánh một hồi, học sinh được vào lớp cất sách vở nhưng phải ra đứng ở sân chơi. Nhiều học sinh sẵn dịp hay ngồi luôn trong lớp nên ông Tổng-giám-thị phải đi đi lại lại trên hành lang,

đuổi những học sinh “sợ nắng sợ gió” đó ra sân. Ông thường dùng chữ

– Sortez au dehors! Sortez au dehors¹!

Luôn mấy năm như vậy, chúng tôi quen với tiếng dép lạch chạch của ông trên nền xi-măng, cái điệu sừng trên môi, khuôn mặt hơi nghếch lên và câu nói không thay đổi “Sortez au dehors!”

Năm đệ Tam niên, chợt một hôm hiệu trưởng dẫn vào lớp một cậu Tây con, cao gầy một thước tám. Giáo sư chọn cho hắn một chỗ ngồi ở cuối lớp. Liên chiều hôm đó chúng tôi được biết hắn là con ông chủ sự Bưu-điện. Hắn hoang đàng, xa bố thì chuyên môn làm bậy nên bố không cho lên Lycée Yersin Dalat nữa mà bắt học ở Collège này để

¹ Đi ra ngoài! Đi ra ngoài!

bố dễ kiểm soát. Jacques Grappe, - tên hẳn,- cố nhiên là coi thường mọi giáo sư người Việt.

Một hôm Jacques ngồi trong lớp đang ba hoa với chúng tôi thì ông Tổng-giám-thị tới.

– Sortez au dehors !

Chúng tôi nhảy thót ra hết, theo mọi thung lũng của dãy bàn băng kê song song nhau. Jacques ngồi lì đó. Ông Tổng-giám-thị lặp lại:

– Sortez au dehors !

Jacques miễn cưỡng đứng dậy. Ông bố nó chắc dữ đòn lắm nên nó mới phải nể nang một ông thầy giáo da vàng như vậy. Và chắc ông bố nó có hứa hẹn thể thốt hết lời nên ông Tổng-giám-thị mới đủ mạnh dạn ra lệnh cho một thước tám

xương thịt mẫu quốc đó phải ra sân. Khi Jacques nhập bọn với lũ tôi ngoài sân, nó nhún vai trề môi về phía ông Tổng, nói nhại:

– Sortez au dehors! Sortez au dehors! Mais ça c'est certain. On ne peut pas sortir au dedans².

Ở ký túc xá ăn, học, ngủ đều đúng giờ giấc nhưng khi thích chúng tôi vẫn lén nhảy rào hay chun rào ra phố xem xi-nê. Dù đứa nào cũng đã mười sáu, mười bảy tuổi nhưng đi xi-nê đều mua giấy hạng bét, ngồi băng chứ không có ghế dựa. Chúng tôi không có cảm nghĩ xấu hổ. Tuổi trẻ hồi đó hồn nhiên hơn thời nay. Nhiều đứa trong chúng tôi chỉ còn năm sáu tháng nữa là thi đỗ trung-học, thi đỗ thư ký tòa Sứ, thư ký Bưu-điện

² Đi ra ngoài! Đi ra ngoài! Điều đó nhất định rồi. Người ta đâu có thể đi ra trong. (Ý Jacques muốn nói chữ au dehors dùng dư).

hay thừa phái và nó sẽ ngồi coi xi-nê ở hàng ghế sau. Bây giờ thì cứ ngồi xúm xít nhau ở hàng băng này, cười đùa tự nhiên thông thả.

Giấy hạng bét không có ghi số chỗ ngồi nên thằng Quynh lập mưu làm giấy giả. Lệ vào cửa rạp thì đưa vé cho người giữ cửa xé một miếng nhỏ vắt xuống đất, mình cầm mảnh còn lại. Quynh nhặt những miếng vắt xuống đất về chắp với những mảnh còn giữ lại, ủi thật sát, cắt kỹ đó để dùng lần. Đôi lúc tặng bạn một vài vé. Cho đến ngày người Pháp bại trận về nước, tôi chưa nghe rạp xi-nê Mon-rin này khám phá được vụ đi xi-nê lậu vé kiểu đó.

Năm đệ Nhị niên, tôi nghe bạn rủ, không ở ký túc xá mà ra ở nhà trọ với mấy đứa, thằng Tùng gầy và cao, liến láu nhất bọn, thằng Ngô Khán thấp, mập,

khuôn mặt tròn và hai vòng kính cận thị tròn làm mặt nó giống mặt ông Tôn Khoa, anh Phò học trên tôi một lớp, đứng đắn nghiêm trang. Ông chủ trọ hơn năm mươi tuổi, làm Hương-bộ, không biết chữ Quốc ngữ. Mỗi lần có người đến khai sinh khai tử, ông kêu một đứa, trong chúng tôi bắt viết lời khai vào sổ. Lập tờ khai như vậy ông được lãnh lệ phí nên ngày nào có thân chủ là ông mua bánh ít hay kẹo đậu phộng chia cho. Thành ra cứ đôi ngày là nghe khê khà những danh từ « Cấm-thượng đệ tứ phường... Hương bộ Trần Tiến tự ký... con trai... con gái... người chứng thứ nhất... người chứng thứ nhì...» Giọng nói đầy trang nghiêm của thầy Hương-bộ:

– Phải khai cho đúng tên đúng-họ
— Chuyện nhà nước chớ không phải chuyện chơi. Muốn ở tù thì muốn ... Có

chữ lót không? ... Ờ, có lót, chữ Đình thì phải biên đủ chữ Đình. Biên dùm cho nó. Nguyễn đình Nhỏ... Đứa nào cũng Nhỏ. Tụi bay tới nhà hương bộ mới đặt tên con mà, tao biết hết. Không sợ nhà nước phạt thì đời nào tụi bay chịu khai?... Hả? Mà khai nó chết vì con sát bấu hả? Mà muốn chết. Không được. Cứ khai là bệnh cảm. Con sát bấu, Tây nó kêu là «Cu-lê-ra», hể có Cu-lê-ra [Cu-lê-ra = choléra: bệnh thổ tả.] thì. phải báo với nhà nước, giải tử thi xuống nhà thương, nghe chưa? Tụi bay để tới năm sáu đứa con rồi mà ngu vẫn còn ngu...

Một hôm không biết do ai giới thiệu, có một người thanh niên trạc hai mươi tuổi đến ở trọ nhà thầy hương hộ. Anh ta ít nói chuyện với chúng tôi, cả ngày nằm ngủ nhiều hơn thức. Chị Dân con thầy hương bộ ngày ngày phải chải đầu

với nhiều dầu dứa hơn trước. Chúng tôi nhìn người lạ với ít cảm tình. Bắt đầu là cái tên viết nắn nót bằng chữ in dán trên va-li: Ông Thiện Tài.

Ông Thiện Tài hay ngồi hé mở va-li lục lọi tìm kiếm xếp đặt gì đó. Hễ có ai đi gần thì vội vã đẩy kín lại. Sự che giấu làm Ngô Khán để tâm dòm ngó. Rồi nó bảo tôi:

- Sao thấy có trứng gà trong đó.
- Chắc hẳn mua để dành ăn lần.
- Có mấy lá cờ nữa.
- Lá cờ?

Thằng Tùng nghe tôi hỏi to, lật đật chạy lại. Rồi đến anh Phò. Và cuối cùng cả thầy hương bộ nữa.

– Tôi thấy rõ có mấy lá cờ mà, Ngô Khán nói.

– To nhỏ?

– Không rõ. Mình đứng ở xa xa và hẳn chỉ mở he hé.

– Màu gì?

– Thấy thoáng thoáng có màu đỏ.

– Nguy rồi!

Mọi người giật mình chong mắt nhìn về thằng Tùng. Mặt nó nghiêm trang.

– Nguy thật! Thằng cha này chắc làm quốc sự.

Thầy Hương bộ nghe đến chữ quốc sự thì há hốc miệng. Cái rang nah rưng ở hàm dưới khoét một lỗ đen. Chúng tôi biết là Tùng nó muốn nghịch chơi thôi

nhưng rõ ràng là thầy Hương bộ lo lắng:

– Có lẽ thiệt. Có lẽ thiệt. Giọng nó nói trọ trẹ, mà lại cứ ăn ở không chẳng thấy đi làm sở nào hết. Nghe thầy sắp ga xe lửa nói châu rày “ở ngoài” lộn xộn lắm. Bắt bớ tứ tung.

Sự lo lắng nghi kỵ làm những ngày sau đó thầy Hương bộ tỏ thái độ nghiêm khắc với ông Thiện Tài. Thầy hay cật vấn anh ta về gia đình, học hành, làm ăn. Dường như những câu trả lời không làm cho thầy an tâm và thằng Tùng lại có dịp phá phách:

– Họ gì lại họ “Ông”? Xắc. Ban đầu mình tưởng Thiện Tài là biệt hiệu, còn Ông là “Mông xừ”. Đến chừng thấy đề Monsieur Ông Thiện Tài mình mới ...

– Ủ, coi vậy mà xắc, — lời thầy

Hương bộ. Lớn nhỏ già trẻ gì cũng phải kêu nó bằng Ông.

Chúng tôi cười rộ lên, kể cả thằng Tùng.

Một hôm thừa lúc Ông Thiện Tài đi vắng và lơ đễnh quên khóa va-li, thầy Hương bộ lại bật nắp va-li ra rồi kêu bọn tôi tới, làm như thầy đã bắt phạm pháp quả tang. Dưới vài lớp quần áo nhàu nhè không ủi, quả đúng là có những lá cờ hoặc vuông hoặc đuôi nheo to bằng hai bàn tay, có lá màu đỏ, có lá nửa trắng nửa đỏ, có lá rời có lá dính cả xâu vào một sợi dây dài.

– Mấy cái trứng gà! – Ngô Khán la lên vừa chồm xuống lượm như mừng gặp lại người quen. Chợt hắn la to:

– Không phải! Uở, mà sao không có

ruột? Trứng gà ai hút hết. A! Hút bằng cái lỗ nhỏ xíu đây.

Tôi hiểu rồi. Đây là đồ nghề làm ảo thuật của Ông Thiện Tài. Bữa trước anh ta có dò hỏi tôi về những trường Trung-học và Tiểu-học ở đây, hỏi tôi có quen với Hiệu trưởng trường nào không. Tiếp theo anh nói rằng nhà trường cần tổ chức giải trí cho học sinh và trong những trò giải trí, môn ảo thuật là môn trẻ con rất thích. Câu chuyện đến đó rồi thôi bởi đầu đề của nó giống đầu đề một bài nghị luận phổ thông, khô khan hình thức. Bây giờ thì tôi hiểu là ông Thiện Tài muốn đến mấy trường xin trình diễn một buổi ảo thuật và học trò sẽ ủng hộ bằng cách mỗi đứa góp cho năm xu, một cắc. Nhưng chiều hướng của cuộc thảo luận nơi nhà thầy Hương bộ thì khác. Thầy ngờ ngặc đa nghi còn thẳng Ngô

Khán thẳng Tùng thì tinh nghịch nên câu chuyện đi theo những đường ngoắc ngoéo: nhất định là làm quốc sự... có thể bị vạ lây... coi chừng ma cà rồng: lén hốt trứng gà giấu trong va-li rồi khuya dậy ngồi hút... Phải, con mắt nhỏ ti hí...

Một buổi chiều chúng tôi đi học về thì ngạc nhiên thấy thiếu cái mền đỏ và cái va-li của Ông Thiện Tài. Vừa nghe tiếng guốc và tiếng nói ồn ào của chúng tôi, thầy Hương bộ lật đặt từ nhà dưới đi lên, vẻ mặt nghiêm trang như chúng tôi là nhà chức trách:

– Đi rồi! Đi hồi xế! Tao mời cậu ta đi trọ nhà khác. Ban đầu cậu ta cự nự, tao phải dọa kêu Cảnh-sát.

– Người ta có tội gì mà kêu cảnh sát? – anh Phò hỏi.

– Làm quốc sự mà câu nói không có tội?

Tôi không muốn giải thích dài dòng, ở đây hay ở nhà khác Ông Thiện Tài cũng phải trả tiền trọ. Chỉ tội nghiệp cho chị Dần từ ngày Ông Thiện Tài mang va-li đi rồi thì chị lười biếng chải đầu và nấu ăn hay khô khét. Bà Hương bộ rầy la inh ỏi trong bếp và chúng tôi nhẩn mặt trên bàn ăn. Muôn sự đều do thằng Ngô Khán và thằng Tùng mà ra hết.

Như những cầu thủ đầu quân cho các đội banh tùy theo từng mùa, chúng tôi thường gặp trường hợp rã nhóm này để tụ với nhóm khác, và mỗi lần như vậy là phải thay đổi nhà trọ. Lăn tách khỏi nhóm thằng Khán, tôi lên ở chung với thằng Cu, thằng Yêm, thằng Lắm. Chủ trọ là một người buôn nước mắm ở Gò Bồi mới tới đây cất nhà. Tuổi anh chừng

ba mươi. Mỗi lần mời chúng tôi ăn cơm hay nhậu chung một điều gì, anh lúng túng không biết nên xưng hô ra sao. “Mời mấy trò” thì thất lễ, “mời mấy anh” thì chúng tôi lại nhỏ vào hàng em. Anh đặt ra một danh từ mới: Quý sĩ.

– Xin mời quý sĩ! Xin mời quý sĩ! Bỏ sách bỏ vở xuống mau chớ để nguội.

– Quý sĩ có đi tiểu thì xin đi xa xa ra bờ rào. Quý sĩ làm chết cây lựu của tôi mới trồng rồi. Nó mới bén rễ, nứt được hai tước. Nước tiểu nóng lắm, cây nào chịu nổi.

Ở đây có một món quà phổ thông là bánh tráng nướng. Mỗi lần rỗi việc, chiều thứ bảy hay trưa chủ nhật, thằng Cư hay xướng lên:

– Bánh tráng nghe bay! Mấy cái?

– Ba.

– Năm.

Cứ lấy miếng giấy vẽ năm cái vòng tròn to bằng đồng xu rồi giao cho thằng Đình con người chủ trọ:

– Xuống quán má anh Bá lấy năm cái bánh tráng. Giấy đây.

Bà quán cứ y theo số vòng tròn đếm bánh đưa, cắt tấm giấy rồi mười ngày nửa tháng tính tiền một lần.

Ở đây dễ nhớ nhà hơn ở dưới phố vì có những bụi tre, có tiếng ếch kêu và sau lưng nhà có núi. Nếp sống gần gũi quen thuộc: cũng những cây bông trang hoa đỏ nở đầy đặn đứng ở trước sân, cũng một cụ già quần khăn đi guốc lộc cộc chần sóc chậu kiểng, cũng những tiếng kiêng cũ làm người nói có chút hãnh

diện: núi Xuân-quương, ấp Trung-thiêng, càn vàng lá ngộc.

Khi tôi lên Trung-học thì con đường xe lửa xuyên Việt hoàn thành và mỗi lần đi về đều dùng xe lửa. Những kỳ nghỉ lễ về nhà bao giờ chúng tôi cũng đi chuyển xe lửa sớm nhất, cả đêm háo hức không ngủ được, khuya đã lò mò dậy ôm cặp ra ga. Nghỉ lễ xong phải tựu trường thì chọn chuyển xe trễ nhất. Từ nhà ra ga Đường đất dài ba cây số, chú Ba xách va-li và Bác cầm ba-toong đi theo. Xe lửa thường trễ, cứ nghe leng keng chuông điện tín báo hiệu là thế nào cũng biết xe trễ thêm nửa giờ nữa, một giờ nữa. Tôi ngồi trên chiếc băng gỗ cạnh cái va-li, chú Ba đứng nhìn những tấm hình quảng cáo phong cảnh Huế, phong cảnh Đế-thiên Đế-thích treo trên tường nhà ga, còn Bác thì vung vẩy ba-toong đi đi lại lại. Tôi trông

cho xe lửa cứ chậm nữa dù rằng nơi đây phong cảnh chẳng có gì êm đềm. Nhưng rồi cuối cùng xe lửa cũng tới và chú Ba hối hả xách va- li bỏ lên tàu cho tôi. Tôi không biết nói “Thưa Bác cháu đi” và bác cũng không hề nói “Thôi cháu đi mạnh khỏe. Rán mà học hành”. Không có một sự trao đổi tình cảm nào được nói nên lời, được biểu hiện ra bằng cử chỉ. Chúng tôi ngoài mặt như là những kẻ xa lạ với nhau.

Đang giữa ngày học chợt có hôm thấy Bác lò dò ở nhà quê đi xe lửa ra. Không có gì lạ để báo tin hết. Bác mở một gói đầy bánh ít, bánh men, bánh thuẫn, bánh tét và có mấy cái đùi gà chiên nữa. Bác nói:

– Hôm qua đám giỗ ông Nội. Bác gái mày nói đem ra cho mày.

Tôi không cảm động bao nhiêu, lúc đó. Nhưng vài mươi năm sau, mỗi lần nhớ đến, lòng tôi không khỏi dạt dào xúc cảm, nghĩ rằng có bao nhiêu tình thương yêu gói ghém trong những cử chỉ nhỏ nhất đơn sơ đó.

6

Cứ như vậy lần dò từng bước mà mỗi năm mỗi trôi qua, tôi lớn dần lên, mua cây bút máy đầu tiên, mặc cái áo len đầu tiên, mang đôi giày đầu tiên, viết bức thư tình đầu tiên, tôi học hết ban Trung-học, tôi học thêm học lên, như con diều nương theo làn gió tôi cứ đi thêm, vượt nữa. Có Bác tôi đó chong mắt theo dõi từng bước đi tới của tôi, tốn hao bao nhiêu cũng vui lòng chịu như người làm vườn cứ ra công tưới nước

cho thân cây mọc lên lên mãi, đâm lá nảy chồi.

Qua lớp Trung-học, tôi đi trọ học ở xa quanh năm chỉ tới dịp Hè mới trở về nhà ba tháng. Bác dự vào cuộc sống của tôi ít mật thiết hơn những ngày thơ ấu bởi tôi đã lớn và bởi ba tháng Hè thoản thoắt qua mau. Tôi trọ học ở đâu, Bác cũng lần mò đi thăm, có khi thì giao nhiệm vụ đó cho Bác gái, thành ra vì tôi mà hai Bác đi khắp đó đây: Qui Nhơn, Huế, Hà Nội... Rồi khi tôi trưởng thành thì hai bác lại lò dò đi thăm ở Nha Trang, Sài Gòn, Đà Lạt... Những lời khuyên dạy của Bác không còn thường xuyên như hồi trẻ thơ nữa. Hồi đó, gặp dịp nào Bác cũng không quên kèm theo một bài học:

– Hồi nãy ông Chúc Đầm cầm cái tách trà kể lên miệng uống và cái đĩa tách dính theo. Nửa chừng cái đĩa rớt

ra, may tao lẹ tay hứng được. Đó, tự hậu phải nhớ, trước khi cầm tách lên thì phải nắm xoay cho nó rời khỏi đĩa đã. Bởi vì nước trà có chất nhựa làm dính.

– Ông Phó Năm mới bị ăn cắp lừa lấy cái áo dài cầm châu. Tao dặn chừng, bây giờ ăn cắp nó mưu mô lắm. Chẳng hạn nó thấy tao đi một chân với ông Cửu Hai ở đầu lối Bàu ông Chì. Thấy tao không cầm dù, nó đi thẳng lên nhà nói: “Thầy đi chơi với ông Cửu Hai, quên cầm dù theo. Thầy sai tôi chạy lên lấy cái dù đem xuống cho Thầy. Thầy ngồi đợi ở ngang Bàu ông Chì”. Mấy tin thiệt, chạy lấy dù đưa cho nó, thế là nó cầm đi trót. Vợ ông Phó An Hải cũng bị lừa kiểu đó, mở tủ lấy áo dài gói đưa cho thằng ăn cắp.

– Coi chừng! Cái chai dầu để lỏng chỏng giữa ghế kiểu mày thì trước sau gì cũng bị mèo làm ngã bể. Phàm đồ vật

gì cũng phải ngó trước ngó sau, ngó trên ngó dưới.

– Cái bào mượn của người ta, làm xong phải trả liền. Bữa sau cần nữa thì mượn lại. Đừng làm như ông xã Xu. Mượn của tao cái áo xa-tanh bông để đi họ đám cưới rồi về không chịu trả. Khi tao cần, đòi về, mở ra thì thấy gián chuột cắn lũng từng lỗ lũng lỗ bằng khu chén khu tô.

Người mẫu mực của sự chu đáo cần thận đó đã một lần làm trò cười cho chúng tôi. Độ ấy chúng tôi đã về thành phố và Bác từ nhà quê ra thăm như thường lệ. Buổi tối Bác sai người làm kê giường ra hiên sau để nằm cho mát và thằng con tôi quần quít chạy theo ngủ với ông. Bữa đó nhằm kỳ khu vực của tôi tắt điện.

Đang khuya tôi chợt nghe tiếng ào ào và tiếp theo là tiếng gõ cửa. Thắp đèn mở cửa ra coi chuyện gì thì thấy Bác đứng ngơ ngác:

– Ăn trộm bay ơi! Ăn trộm lấy mất cái mền rồi! Nó còn cắt cái túi áo tao.

Tôi nhìn xuống vạt áo của Bác và thấy một bên túi đã bị kẻ trộm cắt cụt mất.

– Tao bỏ bảy ngàn trong túi áo, gài kim băng cẩn thận. Thằng ăn trộm này khôn. Tao biết cái mẹo của nó. Nó kéo cái mền phía tao, tao lại tưởng là thằng Em kéo. (“Em” là tên thằng con tôi, gọi ở nhà). Nghe có bàn tay rọ rạy nơi bụng tao, tao lại tưởng là tay thằng Em ngủ say rờ bụng ôm tao. Lần này tao thua trí thằng ăn trộm.

Tôi nhìn cái vạt áo cụt hết một bên
lòi bụng mà không thể nhin cười được.
Tôi nói:

– Đêm sau, nhớ lấy cái bẫy chuột,
loại bẫy kẹp đó, đặt ở chỗ túi áo. Thằng
ăn trộm quen tay thò vào và cái bẫy kẹp
một cái cho thấy tổ nó.

Những khôn ngoan thực tế ở đời,
mỗi mỗi Bác đều dạy bảo căn dặn. Bác
không đề cập đến một triết lý cao siêu
nào, không thích nói về giáo lý đạo Phật
đạo Lão. Trái lại trong câu chuyện thường
dùng những câu trích trong Minh-tâm
bửu giám.

Cha tôi tính mơ mộng lý tưởng hơn.
Hễ rảnh công việc là đọc sách đọc báo, gởi
mua năm Tiếng Dân, Phụ-nữ tân-văn,
Khoa-học và hễ có ai đi Sài-gòn là nhờ

mua những sách của Hồ biểu Chánh, của nhà in Tín-đức thư-xã. Ông thích thảo luận về những mục “Tiếng dân kêu”, về những bài xã luận của ông Huỳnh Thúc Kháng. Có lần tôi thấy ông xuýt xoa cầm tờ Phụ Nữ tân văn thuật vụ mười ba liệt sĩ Việt Nam Quốc-dân-đảng lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, có in ảnh đủ mười ba vị, vụ ông Bửu Đình bị đổi sang họ mẹ là họ Tạ. Ông đọc truyện Kiều, tra Hán Việt từ điển và thưởng thức cuốn Đường-thi cổ xúy. Bên cạnh sự mơ mộng sách vở đó, bên cạnh sự đam mê đàn hát, ông còn thích câu cá và bắn chim. Nhất là bắn chim. Tôi ít thấy một người nào vào cỡ tuổi ông lại có niềm đam mê mãnh liệt như vậy. Ấy thế mà có một hôm tôi bắn nhầm một con chim đang tha mồi, tôi đang bâng khuâng hồi hận thì ông nói:

– Tao có đọc trong một cuốn sách nào lâu ngày quên mất tên, có câu thơ này

Khuyến quân mạc xạ tam xuân điều

Tử tại sào trung vọng mẫu qui

nghĩa là:

Khuyên anh đừng có bắn những con chim về mùa xuân, bởi vì chim con nằm trong ổ đợi mẹ về.

Câu thơ đó càng làm tôi bâng khuâng hối hận thêm nên tôi quên không kiểm soát lại xem cha tôi có kiêng kỵ bắn chim trong ba tháng mùa xuân không. Bác tôi thì coi những trò câu cá bắn chim là chuyện trẻ con, những lý luận dài dòng xoay quanh các vấn đề nêu trên sách bảo là chuyện không thực tế. Tính Bác tích cực và thực tế, thích làm việc, thấy việc

là làm, làm tức khắc không chịu để dây dưa, làm cả việc của người khác coi như việc của mình vậy. Ngày tôi học ở ngoài Tỉnh, có mấy tháng tôi ở trọ nhà bà Ân Vĩnh. Bà là chỗ quen biết cũ của Bác nhưng tính tình khắc bạc, miệng rầy la chèn chẹt cả ngày nên tôi không ưa. Một hôm bà kiểm lại sổ bánh ngọt để trong thau thấy có dấu tích của sự ăn vụng. Tra hỏi lũ đầy tớ trai gái không người nào nhận, bà lừa tất cả xuống đứng ở xa-lông, lên lầu kêu tôi xuống bắt nhập bọn luôn. Bà tra hỏi lại một lần nữa. Vẫn không ai chịu. Bà nói:

– Được rồi. Nhà tao có thờ ma xó. Tao phát cho mỗi đứa một cây tăm dài đều nhau. Hễ đứa nào ăn vụng thì cây tăm của nó tự nhiên dài thêm ra.

Bà phát cho mỗi người một cây tăm, kể cả tôi. Kể đó, bà đứng dậy chấp tay

lâm râm khăn vải.

Tôi nhìn cây tắm mình cầm, nhìn lũ dây tơ đứng thành vòng. Con Xinh bế em, chị Sao nấu bếp, thằng Kinh sai vặt, anh Ngò, – đứng cao gần tới cây đèn huyền đăng treo ở trần nhà, – dọn vườn và lau xe. Tôi tự nhiên thấy phần nộ. Tôi ở trọ trả tiền sòng phẳng, thỉnh thoảng Bác còn đem biếu gà thiến, nếp tượng... Tôi không phải... Tôi liền ném chiếc tắm xuống đất, bỏ đi ra cửa, đi thật nhanh như chạy, đi thẳng xuống nhà trọ thằng Phước. Phản ứng của tôi bất ngờ quá, bà Án không kịp đối phó. Sau đó tôi được biết là cuộc điều tra vẫn tiến hành và kết quả là cái tắm của anh Ngò bị cụt mất một đoạn. Đích thị là anh ăn vụng nên anh sợ nó dài ra, vội bẻ bớt. Anh la oan, khóc ồ ồ. Đối với tôi là đứa phản loạn, bà tuyên bố sẽ mét với Bác tôi. Điều này

tôi không sợ vì lần nào Bác ra thăm, tôi cũng bị bà mệt đủ điều, nào là buổi chiều không lau bóng đèn, nào là bàn học để lộn xộn, nào là đi tắm bỏ quên xà-bông... vân vân..., có cả những điều bà tạo ra.

Tôi không hiểu sao người lớn có thể nói láo một cách ngon lành như vậy, nói láo không vì lợi, không vì sợ mà cũng không vì ghét nữa. Bởi lẽ tôi bằng tuổi cháu nội bà, mặt mũi không bẩn thỉu mà tính tình thì hiền lành nhút nhát. Phản ứng ném cây tăm là phản ứng đầu tiên và chót hết của tôi. Tôi có ấn tượng không tốt về những bà vợ ông quan già và xấu xí từ đó. Vậy thì việc Bác tôi coi chuyện nhà của bà Ấn như chuyện nhà của mình hễ gặp là làm, điều đó tôi không bằng lòng. Gặp ngày giỗ ông Ấn, Bác tôi đứng ở bàn thờ sửa lại cái cổ bông, cắt cái tim nến, gọi người mang bình trà. Dù

rằng bà Ân cũng có đứng cạnh đó, cũng sửa sang sắp xếp những đĩa đồ cúng bày trên ghế, miệng nói xoen xoét như đang đứng mua bán ngoài chợ, tôi vẫn thấy rằng công việc không đáng cho Bác tôi làm.

Bác khuyên tôi “đừng đứng lỗ con mắt ra ngó” hoặc “phải tay liền miệng, miệng liền tay”, tôi đồng ý, nhưng còn tùy trường hợp. Sau này tôi đọc trong một cuốn Ấu-học do ai biếu Bác và Bác rất quý, có truyện thằng nhỏ táy máy bạ cái gì cũng mó tay vào, mó vào máy móc khiến máy hư, mó vào súng khiến súng nổ suýt gây tai nạn. Bài văn kết luận: Thấy thì hay, chớ lấy tay mà sờ. Tôi khoái chí đọc câu ấy thật to thật nhiều lần, thâm tâm cảm thấy hả dạ vì đã trả thù được Bác. Xét cho cùng, trường hợp nào cũng có hai lối giải quyết tương phản nhau.

Khen hay chê, tán thành hay phản đối nhiều khi không có biên giới phân biệt. Riêng Bác thì thường bị ảnh hưởng của người khác.

Tôi nhớ hồi bảy tám tuổi có lần tôi đi theo Bác ghé tạt vào một xưởng lò rèn. Bà chủ chạy ra coi chó, niềm nở mời vào nhà. Bác ngồi ở bàn và tôi ngó quanh quất những câu liễn, những bộ bàn thờ. Bà chủ sắp đĩa tách để rót trà trong khi Bác hỏi thăm sức khỏe. Chợt tôi thấy một đứa con gái chừng trạc tuổi tôi ở từ nhà sau nhẹ nhàng đi lên. Nó bước chậm rãi, mặt cúi nhìn xuống đất, hướng về phía Bác. Khi lại gần còn cách một thước, nó chắp hai tay trước trán rồi quỳ xuống lạy hai lạy. Sau đó nó vái hai vái rồi lặng lẽ bước vào nhà trong. Bác bỡ ngỡ nhìn theo rồi hỏi bà chủ:

– Con nhỏ của chị phải không?

– Dạ. Con út đó.

– Sao chị khéo tập quá vậy? Con nhỏ lễ phép...

– Dạ...

Người đàn bà sung sướng, không biết nên nói gì cho thành câu.

Khi cáo từ ra về, tôi biết là sắp có sự phiền cho mình. Quả không sai. Bác khen con nhỏ chào hỏi phải phép quá, hồi giờ chưa thấy ai khéo dạy con như bà chủ lò rèn. Rồi Bác quay lại tôi:

– Đó, mày phải bắt chước.

Tôi bậm miệng tự nhủ thầm: Không đời nào. Tôi không ưa một sự lay lục khúm núm như vậy. Nó có một vẻ gì dối trá nguy tạo và tôi nghĩ rằng bà chủ đã học cách chấp tay cung kính đó ở nơi

chùa làng và ý hẩn bà hãnh diện đã dạy con lập lại được một sự khúm núm tuyệt đối như vậy.

Tôi ghét con nhỏ ngay từ khi nhìn nó nghiêm trang cung kính như một bà cụ. Giá nó không nhẹ nhàng rút lui ra nhà sau mà lại đứng cạnh tôi thì tôi sẵn sàng lén véo cho nó một cái thật đau xem nó có biết la lên không.

7

Ngày kháng chiến, bác bị xếp vào thành phần địa chủ, lúa má thu về không được bao nhiêu mà còn bị lắm nỗi khó khăn. Luôn luôn có việc thừa báo với Nông-hội, đám ruộng này giảm tô 25 phần trăm, đám ruộng kia giảm 22, đám ruộng nọ phải đóng lúa giống. Bác không còn nhanh nhẹn trong lễ lối giải quyết nữa. Bác không còn cái thú nằm dài trên bộ ván gỗ, bỏ bàn toán lách cách tính số lúa bán đi số lúa còn lại. Không

còn ngồi cắt từng rẻo giấy thật thẳng để dán những tờ bạc rách. Tôi và vợ tôi chia nhau cáng đáng những công việc giúp Bác: tính thuế, cân lúa nộp thuế, giải quyết với tá điền, khai báo hoa lợi. Tôi nhớ có hôm Bác đặt lên ghế một mâm cúng rất đồ sộ sài. Bác không mặc áo dài đội khăn mà cứ để nguyên bộ bà ba vải trang đầm đen. Bác thắp hương khấn nho nhỏ. Một lát tôi nghe tiếng xì mũi rồi tiếng Bác bệu bạo to hơn:

– Ngày nào cháu còn đủ khả năng thì còn nhớ ngày quải của Chú. Chú không có con cái... Chừng nào hết khả năng thì...

Bác im bật. Tôi quay nhìn thì thấy mặt Bác lã chã nước mắt.

Lần đầu tiên tôi thấy Bác tôi khóc! Từ trước tới nay luôn luôn Bác là sức

mạnh, là sự làm việc không biết mỏi, là sự tin tưởng không biết nản. Bác đầm thấp người, mập mạp và mặt mũi phương phi. Tinh thần cũng khỏe mạnh như thể xác, tôi chưa thấy mấy khi Bác buồn, không hề nghe Bác than chán đời, nhất thiết không nghe Bác nói đến chữ tuyệt vọng. Bác vui sống một cách đơn giản, như con chim vừa hát vừa tìm mồi, như cây mít cây bàng vừa hút nhựa sống trong đất vừa ra lá đơm hoa. Xung quanh Bác cái gì cũng sạch sẽ, cũ tươm tất, cũng ngăn nắp. Bác khai chiến thường xuyên với con nhện, với con gián, với bụi, với rác, bất kể là giữa trưa hay nửa khuya chợt dậy. Không có một sự đam mê lệch lạc nào, không nghiện thuốc, không nghiện trà, không nghiện rượu. Sự tiết dục đó, Bác đòi hỏi cả nơi những người xung quanh.

Nạn nhân trực tiếp là chú tôi. Ngày chú còn ở với Bác, Bác cấm chú hút thuốc lá nhưng càng cấm chú càng hút nhiều hơn và, – điều này thật quá sức tưởng tượng, chú còn tập cho tôi hút nữa. Có lẽ để tôi khỏi về mệt với Bác là chú chuyên môn hút lén. Hể đang hút mà nghe tiếng guốc của Bác là chú nhanh tắt điếu thuốc liền. Nhiều khi điếu thuốc đã tắt nhưng bùm khói thuốc vẫn còn đầy nghẹt trong miệng chưa kịp nhả ra, chú cứ lúng ta lúng túng, Bác hỏi gì cũng cứ ngậm miệng, rờ cái này kiểm cái kia như người mất trí.

Thuốc lá thì hầu hết người lao động ai cũng nghiện, nghiện từ hồi mười ba, mười bốn tuổi. Bắt đầu là những điếu thuốc cha sai đi mò trong bếp lửa. Phải bập luôn miệng cho điếu thuốc khỏi tắt và người ta quen dần như thế với khói

thuốc. Song song với thuốc lá, chú còn ghiền đánh bạc nữa. Đêm đêm đợi cho Bác đóng cửa ngủ, chú lén mở cửa ngõ đi đánh xì-dắc, xì-tố, các-tê. Lên mười tuổi tôi hay theo ngủ chung với chú nên nhiều hôm chú dắt tôi theo luôn, có bữa ván bài đang hồi sát phạt, bỗng cửa xích mở, Bác hiện ra giữa khung cửa. Chú sửng sốt mở to mắt nhìn lên như con khỉ bị răn thôi miên rồi lú lú đứng dậy. Tôi bước theo sau như một cái đuôi.

Bác không chấp nhận sự ăn chơi đam mê, đồng thời cũng không đòi hỏi được chịu đựng. Tôi nhớ Bác có tật hay ở trần, nhiều khi ngủ quên bị lạnh sinh ho. Đáng lẽ phải mặc áo cho ấm rồi uống một viên thuốc ho như mọi người vào trường hợp đó, nhưng đằng này không, tôi thấy Bác cứ ở trần và cứ ho. Ho một lát thì nổi giận chửi lên:

– Uở! Tổ cha mày! Sao cứ ho hoài vậy?

Tôi không nín cười được vì lỗi chữa ho kỳ quặc đó, Nhưng rồi vài ngày cũng hết bệnh.

Con người có tâm hồn lành mạnh đó, hôm nay bị xuống tinh thần. Tôi an ủi Bác:

– Cuộc Cách-mạng vô-sản nhằm giải phóng người bần cố nông, triệt hạ giai cấp địa chủ. Nhưng Chính-phủ đâu để cho Bác chết đói. Mọi người sẽ phải làm việc theo khả năng của mình, Bác già thì Bác sẽ lãnh một công tác nhẹ, chẳng hạn cho gà ăn ở một nông trại. Nhưng đó là nói chí cùng, chứ còn có bọn cháu đây, cháu làm nuôi Bác được mà.

Hai Bác tìm an ủi nơi lũ con của tôi.

Đứa nào cũng thương ông thương bà, mỗi một lời là thưa ông thưa bà, xưng con lễ phép. Bác chơi với lũ nhỏ, lại dắt chúng đi thăm thơ trong vườn, dắt ra cái bến để nhìn xuống dòng sông. Y như là dắt tôi hai mươi năm trước.

Ngày tổng động viên nhân tài vật lực, Bác bị đặt mức hai triệu hai trăm ngàn đồng. Dem nạp ruộng, Ủy-ban không nhận, bắt nạp tiền mặt và vàng. Bác về bỏ ăn, chỉ uống nước cháo cầm hơi. Tôi lại phủ dụ vừa lo vận động với Ủy-ban xét lại. Một buổi tối Bác khóc với tôi:

– Thôi, Bác giao cả gia sản cho cháu, tính liệu thế nào miễn Bác được yên thân, đừng ai kêu lên kêu xuống. Công Bác nuôi dưỡng gây dựng cho cháu, ngày nay nhờ cháu...

Nước mắt lã chã rơi trên mặt bàn,
Bác lấy ngón tay lau rồi bôi lên vai áo.

Vụ tổng động viên vừa tạm yên thì tiếp đến vụ thuế nông nghiệp. Lúa trong lã mỗi mùa lên không còn đầy ắp như xưa trong khi mức thuế từ ba tấn nhảy lên mười một tấn. Tôi đã phòng xa hạn chế sự chi tiêu, độn bắp và khoai thay một phần gạo, khóa chặt lã lúa không cho bán ra thế mà hôm chở đi nạp thiếu hơn bốn tấn. Lại phải xoay sở chạy Đông chạy Tây, bao nhiêu tư trang của vợ tôi, bao nhiêu cái gì bán được chúng tôi đều không tiếc. Mùa thuế đó nhiều nhà địa chủ bị bắt, đưa đi trại tập trung vì thiếu thuế. Tôi cảm thấy sung sướng được trả đôi phần món nợ hiếu thảo cho hai Bác khi nhìn hai Bác nợ nần không vướng, lao lý không mắc. Lời tục nói rằng “Nhà nghèo mới biết con hiếu”. Tôi đã lo rằng

nhà Bác giàu, mình làm con cháu biết, biểu lộ lòng Hiếu ra sao thì may thay thời cuộc đã khéo xếp đặt để cho tôi có dịp trả Hiếu phần nào.

Sau ngày đình chiến cuộc sống địa chủ có phần dễ dãi. Lúc bấy giờ chúng tôi trở về thành phố và Bác cùng Bác gái lại chia nhau cứ vài tháng từ nhà quê ra thăm lũ nhỏ. Bây giờ Bác đã già sinh ra tật nặng tai nên lũ nhỏ muốn nói chuyện hay kê miệng bên tai mà hét. Do tật nặng tai mà nhiều khi hỏi chuyện một đằng Bác trả lời một nẻo. Tôi hỏi:

– Mùa này lúa má có tốt không Bác?

Bác chậm rãi trả lời:

– Má con Bốn là bà Thí ở An Thổ đó.

Lũ nhỏ khoái chí cười rộ lên rồi đùa thì nhảy lại leo ngổi lên đùi vạch áo rờ

bụng, đứa thì đếm xem ông có mấy chục sợi râu. Thăng Đức hỏi:

– Sao cái bụng của ông to vậy ông?

Bác chưa trả lời thì con Ngân rờ đầu hỏi:

– Sao ông cạo cái đầu vậy ông? Không sợ lạnh sao?

Bác trả lời:

– Có bận áo thì mặc mớ gì lạnh bụng?

Đại khái cứ những chuyện vu vơ như vậy mà ông cháu cười cả ngày.

Quen tạt từ những ngày kháng chiến, đi đâu Bác cũng mặc áo bà ba. Tôi nói:

– Ở thành phố Bác nên mặc cái áo dài cho nó dễ coi. Áo dài Bác còn nhiều mà.

- Thiếu gì. Năm sáu cái.
- Vậy mà sao Bác không mặc?
- Nực nội. Bận áo cụt cho gọn.
- Tại mình nghĩ vậy chớ có gì mà nực? Áo dài chỉ hơn áo cụt có hai miếng vải trên đầu gối. Còn mặc áo dài có gì mà không gọn? Đi dạo phố, đi coi hát chớ đâu phải đi múa võ?

Bác nể tôi, nghe lời vài lần rồi sau đó vẫn chúng nào tạt ấy, đi đâu cũng một bộ bà ba.

Mùa Đông năm đó, Bác gái đau bệnh bị bại một bên mình, tôi đưa đi bác sĩ chữa hơn sáu tháng không thuyên giảm. Bác đành về quê theo một ông thầy thuốc Bắc chuyên môn. Cứ ba bốn tháng Bác trai lại ra thăm chúng tôi rồi dắt lũ nhỏ về thăm Bà. Ông thầy thuốc Bắc chữa

hết cách mà không bớt phải mở sách thuốc ra kê cứu những phương thang lạ. Chẳng biết ông rơi vào phương thang nào đó đòi hỏi một con xuyên sơn giáp, một cân xuyên đại ô đầu và năm lượng hồng hải cáp. Bác nói:

– Xuyên sơn giáp là con trút. Có muốn người đi bắt được một con trút rồi. Còn hai vị thuốc kia, đi hỏi tiệm thuốc Bắc nào cũng không có. Trong này tỉnh lớn để đi hỏi coi có tiệm nào có không.

Bác đi hỏi cùng khắp các tiệm, có mua được xuyên đại ô đầu, còn hồng hải cáp thì tuyệt nhiên không ai biết là món gì. Ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại xuyên đại ô đầu và hồng hải cáp khiến lũ trẻ nhỏ thuộc lòng, cứ lâu lâu lại hỏi.

– Ông ơi! Ông kiếm được xuyên đại ô đầu chưa?

– Ông ơi! Hồng hải cáp là cái gì vậy ông?

Bác nghiêm trang trả lời:

– Tao cũng không biết. Chắc là cái vỏ sò vỏ mực gì đó. Hỏi tiệm nào cũng không có.

Thằng Đức nói:

– Xuyên đại ô đầu là con vịt ô đầu đó chứ gì.

– Đầu phải. Con vịt ô đầu là con vịt ô đầu.

Lũ nhỏ sung sướng cười lên. Mỗi lần kể tên các món ăn ngon, Bác hay nói đến thứ vịt đực béo, đầu có đoạn lông đen nháy mà Bác gọi là con vịt ô đầu. Lũ nhỏ nói đùa chơi mà Bác tưởng thiệt cứ lo dài dòng giải thích. Xuyên đại ô đầu và

hồng hải cáp cuối cùng biến thành cái đầu đề cho lũ nhỏ đùa ông. Hết chuyện nói chơi thì lôi xuyên đại ô đầu và hồng hải cáp ra.

Sau ba năm chạy chữa thường xuyên vẫn không khỏi, Bác không còn tin ở ông thầy thuốc Bắc nào nữa. Bây giờ thì chỉ còn uống thuốc bổ để giữ sức. Bác ngồi khóc với tôi:

– Tao sợ bác gái mấy chết trước tao.

Rồi bỗng một buổi sáng Bác cầm cái bình trà rót vào tách cho Bác gái uống, cái bình trà rơi xuống đất bể tan. Tay trái Bác bị tê cứng. Rồi chân trái cũng tê theo. Lật đật chở đi bác sĩ ngay. Bác sĩ giải thích bệnh chứng cho tôi nghe và tôi biết là không có phương gì cứu chữa lại được. Tuy vậy tôi cũng lo đưa đi chạy điện, tôi nhờ ông thầy châm cứu, tôi tìm mua cho

được cao hổ cốt. Thuốc men liên miên, tay có thể giở lên bỏ xuống được nhưng chân thì bước thấp bước cao. Tôi nài hai Bác vào ở chung với chúng tôi nhưng hai Bác không chịu.

– Còn nhà cửa vườn ruộng, bỏ đi sao được. Thôi, cứ vài tháng thì vô ở chơi mười ngày. Ở ngoài đó cũng có thầy có thuốc.

Tôi biết cố nài cũng vô ích. Làm sao mà bỏ cho được ngôi nhà tự mình ra công xây cất, khu vườn tự mình trông coi trồng trọt, những miếng ruộng tự mình mua mãi lần hồi. Tâm hồn của mình, quá khứ của mình in vết trên từng viên đá viên gạch; trên từng bụi chuối bờ tre. Con chim áp muỗi màu lông xanh xám đỏ, mỗi buổi chạng vạng tới đứng trên đầu nhà thả từng tràng tiếng hát, mình nghe từ hồi năm mười tuổi cho đến nay

hơn bảy mươi tuổi trên đầu, quen thuộc với mình quá nỗi nào sống xa nó được?

Tháng Ba nông nức buổi sáng màu vàng, tiếng con chim tu hú từ chòm cây rậm bên doi cát Phú-mỹ vượt sông vượt bãi lạnh lớt đưa sang. Những con bò mặt dài ngầy ngồ đi hết bấy này tiếp theo bấy khác trên con đường xóm trước nhà, tiếng móng va chạm lộp độp xuống mặt đường sỏi đá, mùi khai nồng của phân và nước tiểu và rơm rạ còn vương vãi trong không khí. Có thể nào sống xa những tiếng động quen thuộc, những mùi thơm mùi hôi quen thuộc đó chẳng? Cuộc sống thân ái êm đềm đến nỗi người ta biết tiếng ho dữ dội giữa khuya đó là của ai, tiếng guốc gõ lộp cộp chậm rãi trên mặt đường vào mờ đất là của ai, tiếng gàu thiếc va chạm vào bờ giếng công cộng vào chạng bốn giờ chiều là của ai.

Sự lặp lại đều đặn đến nỗi người ta có tâm trạng mong nhớ đợi chờ khi nó chưa kịp xảy ra. Làm sao sống xa được những người láng giềng? Ông hương Sáu dáng cao cao hay quấn cái khăn lông trùm kín đầu những buổi chiều tháng Giêng trời động gió lạnh thổi ngăn ngắt, ngồi chồm hồm ở đầu hố, tay cầm một hòn đá gõ vào một hòn đá khác vừa nói chuyện làng chuyện nước. Ông câu Yên chuyên môn lặp lại điều người khác vừa nói, bàn tay mặt luôn luôn đặt sau lưng, thọc vào lưng quần. Bà Xứng răng rụng hết khiến cái hàm dô ra, chuyện nhà ai cũng biết, nói hoài không biết mệt, con kêu về ăn cơm, ăn xong lại te tái chạy sang nói tiếp. Không, tôi biết Bác không thể nào sống xa cái không khí sinh hoạt quen thuộc êm đềm đó. Nó xoa dịu thần kinh của con người, nó buông thả cho bắp thịt

ngủ ngơi, nó vỗ về an ủi như người mẹ ôm con vào lòng.

Đầu mùa Thu năm Tỵ, một buổi tối Bác đi tiểu chợt ngã xuống. Vực vào nhà. Thấy thuốc cấp cứu, đổ thuốc liên miên nhưng Bác cứ kêu mệt. Đến mờ sáng Bác tắt thở. Một người em ở nhà quê vội đạp ô-tô ra kể lại như vậy. Tôi thu dọn về gấp nhưng vừa có tin bộ đội hành quân, hai bên dàn trận giữa chặng đường đi. Hai ngày cuộc hành quân chấm dứt tôi lên xe với đứa con nhỏ và người em rể.

8

Xe chúng tôi ra khỏi thành phố hồi bốn giờ rưỡi sáng, giờ mở ấp chiến lược. Trời hãy còn tối đen. Những chiếc xe hàng nối đuôi nhau cứ cách vài trăm thước một chiếc, ánh đèn quét từng luồng ánh sáng. Mặt đường nhựa đen buồn bã kéo dài. Con tôi gục trên nệm xe ngủ tiếp giấc ngủ dở dang. Người em rể chong mắt nhìn ra hông xe. Tâm hồn tôi thấy trống vắng mỗi mạt, tôi nhắm mắt lại để nhìn về con đường

quá khứ của mình, có thể tin rằng Bác tôi đã mất rồi không? Đã già từ tôi vĩnh viễn, bây giờ đã nằm dưới lòng đất, suốt đời tôi không còn gặp mặt? Bác tôi mới đó mà! Khuôn mặt phương phi phúc hậu, ở trần cùi cũi giữa mùa Đông giá rét tạt từng gàu nước lên mình, đội gió lướt mưa trong đêm để kiểm soát một cái chuồng gà sợ quên chưa gài cửa. Bác tôi mới hiện diện khắp đó, trên cánh đồng nắng dãi chang chang che cái dù đen coi chừng thợ gặt, mặc quần đùi đội nón nỉ đứng dưới tàng cây chỉ cho thợ rong tre, đội khăn xếp mặc áo xa-tanh để đi họ đám cưới. Mới thoáng đó mà, như mới chừng mười, mười lăm năm trở lại,

Bác vạm vỡ bụng chưa mập ra, Bác xây xong nhà, đi ra Huế mua về tám câu liên xa cừ, một bức hoành phi to cần ba chữ Hòa Vi Quý, một bức trướng

lớn thêu con công treo đối diện với bức trướng cảnh mai bụi cúc. Bác lục đục quanh năm tu bổ trang hoàng nhà cửa, đặt bộ tam sơn, ngũ sự lư nến thật to thay vào bộ lư đồng nhỏ, tìm mua đôi lọ độc bình cao to bằng cái chổi, đặt ba bộ bàn thờ toàn bằng gỗ trắc chạm trổ con sóc đậu cảnh nho có chân nai quì bóng lộn. Bác mới đó mà, tươi tỉnh xinh trai, ba mươi tám tuổi, chẳng pháo đốt mừng Giao-thừa rồi cắt hồng Tàu, táo Tàu, xá lị phân phát cho tôi. Bác mới cầm tay tôi dắt đi thơ thẩn...

– Bác ơi, cái xe gì sơn màu xanh?

– Xe cam-nhông...

– Chắc tại da nó màu xanh như da trái cam...

Nước mắt chầm chậm ướt đầm khoe

mắt chảy dài xuống má, tôi lấy tay áo chặm lên không buồn nhích mình rút mùi-xoa lau. Bao nhiêu quá khứ vừa dựng lên đó bây giờ chỉ là ảo ảnh, có còn ai biết, có còn ai nhớ? Ngày nào còn Bác, có hai người nhớ, bây giờ Bác mất còn lại mình tôi, tôi giữ cho đến bao giờ, bao giờ?

Buổi sáng trắng phờ phạc.

Thôn xóm ở hai bên đường không có màu sắc thanh bình. Có lẽ tại những bóng nghĩa quân mặc đồng phục đen đi canh về, rải rác bước từng đoàn vài ba người trên những con đường ruộng. Những ngôi nhà mái xám đang ngủ sau một cái sân trống, cạnh những bụi chuối cây cau gây nơi tôi một cảm giác buồn vắng cam phận hơn là êm đềm như tôi vẫn thường nghĩ, ngày trước. Mũi kim tóc độ cứ quanh quẩn lên xuống 40 - 45

cây số, tôi bảo bác tài:

– Mình dứt ra khỏi đoàn ô-tô hàng này đi. Trời sáng rồi, đâu có sợ đường xấu. Máy cái xe Jeep nhà binh đều vọt lên hết.

Bác tài chậm rãi lắc đầu:

– Dạ, không nên. Đi theo mấy “cha nội” đó nguy hiểm. Thầy không để ý thấy em cứ bám theo sau mấy cái xe hàng sao? Hễ tụi nó bò thì em bò, tụi nó nghỉ thì em nghỉ. Gặp công-voa thì để cho mấy chả chạy thật xa.

Luật đi đường thời chiến! Phải lắng tai nghe từng thứ luật lệ lưu hành.

– Báo chí có đăng tin xe đồ bị giật mìn.

– Máy khi ! Có thỏa ước ngầm sao

đó, có nộp thuế nộp má đàn ông.

Câu chuyện không thoát khỏi đầu đề chiến tranh. Chiến tranh dằng dai đến nỗi tôi biết rằng người đối thoại với tôi thế nào cũng sẽ thốt lên một câu đại ý bảo chiến tranh kéo dài thái quá. Chiến tranh bao trùm lên mọi sinh hoạt nên dù câu chuyện bắt đầu như thế nào, cuối cùng nó cũng sẽ dẫn đến ngõ cụt đó. Người dân thế giới dù thờ ơ với thời cuộc đến mức nào, dù cho lạc hậu chậm tiến đến mức nào, đến hôm nay cũng bắt buộc phải biết đến hai chữ Việt-Nam và súng đạn, máu, lửa thăng hoa xung quanh hai chữ đó.

– Thầy tính, trong hai mươi năm chiến tranh từ hồi Nhật thả bom Đông-dương đến nay, em cất nhà năm lần, dọn nhà trên dưới hai mươi lần.....

(kiểm duyệt bỏ 20 dòng)

Bác tài thích nói chuyện là một triệu chứng tốt. Bảo đảm rằng bác sẽ không ngủ gục trên tay lái. Cho nên dù tâm hồn rời rã trôi bời, tôi vẫn chốc chốc nói vài ba câu để canh chừng bác.

– Đố thầy biết cô Phùng Há đi Pháp để làm gì không?... Người ta đồn cô mang mấy va-li kim cương hột xoàn. Chuyện mang hột xoàn kim cương là chuyện nhỏ, kể chi?

Anh quay lại tôi để tặng thêm vẻ long trọng cho điều anh sắp nói:

–... Mang giấy khai tử của ông Ngô Đình Nhu. Mang qua đưa cho bà Nhu.

– Chi vậy?

– Để bà Nhu hưởng gia tài. Gia tài

biết mấy chục mấy trăm tỉ gỏi bên nhà
băng Thụy Sĩ.

Xe chạy đến Tuy Hòa. Những kỷ
niệm với bạn bè gây niềm vui ngùi. Xe
rẽ vào đường Trần hưng Đạo đổ xăng.
Những hiệu buôn tạp hóa mang nét vắng
vẻ nhẵn nại của loại tỉnh vật. Hiệu dự trữ
thuốc Tây lờ lợc như một cô gái quê
làm đóm, cố gắng tận lực để hợp thời.
Con gái đi học có con trai chỗ miệng đi
cạnh tán tỉnh như ở mọi thành phố tôi
đã đi qua. Xe Jeep nhà binh vụt tới bỏ rơi
một tràng tiếng cười hắc hắc của người
đàn bà mặc áo thun đỏ.

Trên chặng đường Hòa Đa – Mỹ
Phú, tôi mừng tượng thấy dáng tôi đi
trong những ngày kháng chiến. Những
con đường làng hun hút bờ tre đổ ra con
đường quốc lộ, những lạch nước im mát
bóng cây dừa chạy luồn dưới một khoảng

cầu hẹp, cảnh đó không hề thay đổi. Con đường lượn quanh đồi núi. Nhiều mảng đồi bị xe ủi tan một phía, đất đỏ trơ trọi rục lên dưới ánh mặt trời. Những bụi găng bụi quít, móc ó, hồng quân mọc lúp xúp. Sao lắm cây có gai nhọn thế này? Đất không đủ màu mỡ cho cây nên lá phải giản lược đến cùng, mang hình gai để đỡ tốn nhựa nuôi. Hình ảnh của miền Trung khô cằn đó.

Xe vượt qua đèo Tam Giang. Dưới mắt là cánh đồng Chí-đức, là đập Chợ Hòm, là thôn Hà Yến, là ga Chí Thạnh, Tôi thấy lại hình ảnh Bác tôi rõ ràng như thật bởi ở mỗi không gian mắt tôi đậu lại, như mới ngày nào tôi với Bác cùng đi. Ở khắp cánh đồng rộng màu mạ xanh này, rải rác chỗ nào cũng có ruộng của Bác. Miếng năm gạ, miếng bảy gạ, miếng ruộng gò, miếng úng thủy, nhà ông Cửu

Tiến, trại anh Bí anh Nhứt, nhà ông chức Đầm... nơi những nhà tá điền thâm giao, trong suốt hai ba mươi năm trời Bác đã ngồi uống trà, cầm cái quạt phe phẩy hay ngồi nghe tiếng hạo lúa trong làn gió lồng lộng buổi chiều.

Tôi lại thấy nóng nơi khoe mắt. Còn bốn cây số nữa. Còn ba cây số nữa. Rồi xe rẽ vào con đường thôn, xe qua cái cầu ván. Xe dừng lại trước cổng.

Tôi cơ hồ không đi nổi một bước. Quang cảnh buồn như vậy sao? Cái nhà thấp như vậy? Cái sân hẹp như vậy? Cây cối không xanh nổi như tôi đã thấy? Thì ra cũng ngôi nhà đó, cũng cái sân kia nhưng tôi đã luôn luôn nhìn nó với đôi mắt triu mến thương yêu của ngày thơ ấu.

Bà con lối xóm chạy đến đã choán

hết một phần tâm trí tôi. Tôi bước lên nhà trên. Bàn thờ của Bác kia. Chỉ còn vón vện có bấy nhiêu đó là sở hữu của Bác. Vải sô trắng viết những chữ Nho đại tự. Cái nghi và cái khậu đều may bằng vải sô trên vẽ mấy cành hoa và những hàng chữ bằng mực Tàu. Bốn dải của cái nghi cũng bằng vải trên viết bốn chữ Xuân Hạ Thu Đông. Y như bao nhiêu năm trước người ta đã viết. Sự thô sơ làm xúc động tôi. Ông khuôn trưởng nói:

– Cụ mất vào lúc chiến dịch mở, đường xe kệt không vô Tuy Hòa mua sắm được. Hôm hạ huyết tình hình lại căng, thanh niên dân vệ tập trung về trụ sở Xã hết. Đi đưa đám mà sợ máy bay họ bắn lắm...

Không, tôi không đòi hỏi một đám tang linh đình với nhiều nghi biểu. Bát âm nhã nhạc, kèn trống dãi dằng làm lạc

hương niềm đau của con cháu người ra đi. Tất cả phải đổ dồn trí não vào phân hình thức, giận dữ mè nheo, lo âu bận rộn mà không để trọn tâm hồn nghĩ về nỗi mất mát của mình. Tôi không đòi hỏi những tấm nghi tấm trướng bọc nhung và thêu chỉ màu. Những tấm sô gai kia châm nhúc vào tim tôi. Nó là tượng trưng cho sự thương khó, nhắc nhở đến sự thương khó. Những tấm trướng đẹp và sang sẽ làm tôi bằng lòng dễ dàng. Tôi sẽ được an ổn và điều đó sẽ không nhắc tôi nhớ đến Bác xót xa bằng. Đằng này không, vải sô kia không ngót vò xé tâm hồn tôi. Sự đậm bạc của một đời người hiện rõ trên màu vải, trên mặt vải, trên những nét chữ, nét vẽ thô thiển vội vàng. Tôi điểm để làm gì? Phải nhìn vào sự thật của cuộc sống và cõi chết.

Cái khăn bàn trải không ngay. Đã

tách có bọt nước trà vàng. Đúng là thiếu đôi mắt và bàn tay của Bác. Có Bác thì không có hạt bụi, không có sự xô lệch, không có vật nào nằm một chỗ bất thường.

Tôi đưa mắt nhìn quanh một vòng. Cái bàn toán vẫn treo ở khung cửa sổ cạnh cuốn lịch Tàu. Cái đĩa nghiên, viên mực xạ, cầm bút, những cuốn sổ ghi chép. Không thể lầm lẫn với cuốn sổ ghi chép của ai hết, bởi lẽ đó là những cuốn vở cũ, ngày xưa là của tôi ngày nay là của con tôi, Bác đem ra viết chữ Nho đề lên trên chữ bút thép. Lâu lâu có dịp tôi gởi những tập vở một trăm trang về nhưng Bác đều cất giữ xếp thành chồng để đó. Cái kính lúp đặt đề lên quyển lịch.

Quê hương của tôi đây, tuổi nhỏ của tôi đây ! Nhưng sao mà xa cách hững hờ như tôi là người khách lạ? Lỗi của tôi

hết. Tôi ra đi mười năm không hề dừng bước ghé thăm một ngày. Con chim bay về tổ cũ và đang đứng ngẩn ngơ nhìn cái tổ ngày nhỏ của nó. Bộ ván không thay đổi vị trí. Từ ngày tôi lên năm, đêm đêm nằm ngủ trên bộ ván gỗ này. Ngày đó nó rộng mông mênh tha hồ mà lăn, lăn không tới góc. Gỗ lên nước láng đen như mun soi thấy bóng mình. Bây giờ thì trông nó nhỏ lại, thấp xuống và nước láng không có vẻ huy hoàng như xưa.

Ba bộ bàn thờ uy nghiêm rực rỡ trong ngày Tết của mới năm nào, Bác đội khăn mặc áo dài lẫm rẫm khấn khứa mời ông bà về hưởng Xuân, sáng chiều thay nước pha trà như có thật ông bà ngồi đó. Bác dặn:

– Ba ngày Tết phải chong đèn luôn và không được để cho hương lụn.

Tôi và chú Ba dẫu chạy chơi đầu cũng nhớ chốc chốc chạy về đốt cảm hương mới. Đêm lại Bác thắp đèn một khoanh hương vòng và khi nửa khuya thức giấc tôi nhìn lên bàn thờ, nhìn ngọn đèn sáng và chấm đỏ ở đầu ngọn hương, thấy cuộc đời ấm cúng êm đềm. Bây giờ thì chắc không còn ai để lo tạo một không khí êm đềm như xưa nữa. Bác gái khóc:

– Sắp đặt va-li rồi. Đợi hôm sau đi vô thăm tụi bay. Ông nói nhớ lũ nhỏ. Đã mua bánh mè xừng, bánh tráng để đem theo, có mười ký đường cát trắng. Thế rồi tối đó xảy ra cố sự như vậy. Ông nói: Bà mà nằm xuống rồi thì tôi bỏ nhà vô ở trong đó với lũ nó. Tôi không còn màng dinh cơ sự sản nữa.

Tôi nuốt nước mắt cảm thấm nỗi triu mến cuối cùng mà Bác đã dành cho chúng tôi. Tôi sung sướng được coi là

nơi nương tựa, là nơi tin cậy. Dẫu sao Bác cũng không có cảm tưởng là mình bị cô đơn và điều đó an ủi tâm hồn tôi, làm nóng một nơi nào đó trong mắt tôi, làm thất lại trái tim tôi. Có vô được với chúng tôi hay chưa, hay mới chỉ sắp đặt dự tính mà cơ thể đã vội băng hoại rồi, điều đó không quan hệ. Quan hệ là khi linh hồn phải rời bỏ xác thân lơ lửng đi về một cõi nào khác Bác còn giữ trọn niềm yêu mến tràn trề đối với “lũ nhỏ”, niềm an thỏa biết mình sẽ được đón tiếp vui mừng bởi “lũ nhỏ”. Như con suốt kia xăm xăm mang khối nước của mình cho chảy tràn lan xuống khắp ruộng đồng, tin chắc là lá cỏ rễ cây sẽ vui mừng đón làn nước mát.

Lạ bàn thờ Bác. Biết nói gì đây? Lạnh lẽo, hắt hiu, trống vắng. Linh hồn của Bác có còn vất vưởng trong ngôi nhà mà Bác

đã thương yêu tận tình? Chữ Trung Tín viết trên mảnh vải đỏ. Hoa lai-ơn, hoa huệ không có trong lọ mà chỉ có bông điệp, bông trang. Trọn vẹn là nếp sống quê mùa. Chiến tranh kéo lùi cuộc sống chậm lại ba mươi năm. Những tấm liễn sô gai, cái cổ bông chuối, những cành hoa không-phải-mua làm tôi rưng rưng nhớ đến những hình ảnh thuộc ba mươi năm trước.

Chúng tôi đi xuống mộ Bác. Đi, về, làm việc, hy vọng và chết, những người trong xóm đều dùng con đường này. Cuộc đời thật hẹp. Mười năm rồi từ ngày đình chiến tôi mới trở về. Con đường mòn mới. Nhiều khuôn mặt lạ. Những đứa con nít ngày ra đi bây giờ lưng gài lựu đạn. Những đứa con nít bây giờ đã nghiêm trang bế con, vuốt ve con. Sự sống luân lưu kế tục trong một yên ổn

rung rinh. Những ngôi nhà mới cất làm tôi ngỡ ngàng nhưng các khuôn mặt hiện ra nơi cửa không làm tôi lầm. Chỉ có già đi, đen đui thêm, nhăn nheo thêm và dáng người thấp lại. Có lẽ một phần tại những căn nhà đều thấp.

Mộ Bác đắp đất vun lên. Giá tôi về kịp tôi sẽ chọn đỉnh núi cao hơn là để Bác nằm nơi đây. Ngày nhỏ, cứ vào hăm sáu tháng Chạp theo Bác đi tảo mộ, tôi cứ đi lượn trên đầu núi nơi đó trống gió có hương thơm mát của lá, có những bụi cây vô danh nở hoa tím hoa vàng, có rải rác những con chim màu lông lẫn với màu đất sỏi. Hăm sáu tháng Chạp, chợ phiên Hòm đã nồng nàn hương vị của ngày Tết. Tiếng pháo tre nổ đi dùng làm mạch máu tôi như nháy tung lên. Những đứa trẻ con theo mẹ đi chợ về tay cầm bó pháo thăng thiên và đồ chơi. Đó là

con chút chút gồm hai khuôn đất sét sơn đỏ dính vào nhau bởi một lớp giấy xếp khiến khi kéo ra đẩy vào thì phát ra âm thanh chút chút. Đó là con gà cổ bằng đất sơn đỏ, thổi vào bụng thì kêu ò ó o. Mứt gừng, mứt bí, mứt chanh, nho táo chà là, cốm bột bánh in... cái Tết không mê hoặc bằng món ăn mà bằng niềm rộn ràng của sự vui chơi sung túc.

Đứng ở đầu núi tôi thấy mình nhỏ lại và mọi vật cũng nhỏ lại. Con đường ô-tô lượn vòng rất xa và những chiếc ô-tô chạy chậm chạp khiêm tốn như những con bọ rùa. Bác thấp bó nhang cắm ở đầu ngôi mộ, lâm râm khấn vái. Cha tôi cầm rựa phát những bụi rậm. Chú Ba là một người tá điền cầm cuốc rẫy. Tôi sục sạo vào các bụi cây tìm hái trái ổi trái găng. Hết mộ này đến mộ khác, đi từ triền núi này sang triền núi khác. Đi

lại trên sống lưng hòn núi, nhìn gió thổi làm ngã rạp những bụi cỏ, ở dưới tầm mắt mình là thôn xóm nhà cửa ruộng lúa soi mía nằm khép nép..., tâm hồn mình thấy nhẹ nhàng thoải mái. Tôi chắc Bác thích khung cảnh khoáng đãng của đầu núi này hơn là phải nằm dưới chân núi thấp kia. Dưới kia quá gần với cuộc sống nhân gian mà khi không cần đến nó thì tôi tưởng chẳng còn ai trù mến làm gì.

Lạy vong linh Bác. Những bụi cây, mô đất, con đẽ con trùn sẽ là bạn láng giềng của Bác thay thế con cháu họ hàng. Cháu bất hiếu không hầu hạ được bên giường, không tự mắt nhìn khuôn mặt Bác lần chót.

Tôi phát phó công việc, đặt kiểu xây mộ, nhờ người gọi thợ vừa tiếp đãi bà con. Ba giờ chiều phải lên xe, phải dự trù xe chạy trong bốn giờ để về tới thành

phố trước khi cổng ấp chiến lược đóng. Giã từ Bác gái, giã từ họ hàng, giã từ ngôi nhà mến thương, giã từ những ngày thơ ấu ! Xe chậm chậm lăn đi.

“Bác ơi!” tôi muốn kêu to lên. Trên đoạn đường này Bác đi đi lại lại bao lần? Mới ngày nào Bác cầm cái roi nhỏ bằng hai cọng tranh đi tìm tôi đang bắt chuồn chuồn ở dây dây bìm trước nhà ông Chánh. Rồi cũng mới gần đây Bác cầm cái roi nhỏ hơn thế đi tìm thằng con tôi. cũng mê đi bắt chuồn chuồn ở dây cây táo cạnh chợ chiều. Bác ơi! Bác ơi ! Tôi kêu lên những tiếng thiết tha tuyệt vọng trong tâm hồn tôi và tôi để cho nước mắt tha hồ chảy lăn trên má.

Những ngày tiếp theo, hình ảnh của Bác lảng vảng không thôi nơi tâm hồn tôi. Bác ra đi đã tạo một khoảng trống lớn. Tôi cảm thấy cô đơn bơ vơ như

một thân cây đứng giữa đầu non, chịu sức thổi tàn bạo phũ phàng của gió từ mọi phương ủa tới. Bởi vì dù đã già yếu Bác vẫn còn là chỗ tựa an ổn cho chúng tôi. Ruộng nương nhà của đó Bác còn dư sáng suốt để sắp đặt cai quản. Mái nhà không thể dột, hàng rào không thể ngã, ruộng nương không thể bỏ hoang. Không thể có việc gì mà Bác không lo chu đáo, lo hết sức mình, xây đắp bảo vệ đến cùng bằng mọi cách. Bây giờ Bác ngã xuống như thân cây cổ thụ đã ngã xuống rồi và những thân cây nhỏ khác bấy lâu vẫn nép dưới tàng che chở của nó phải ráng mà chịu sức thổi của gió, sức nóng của mặt trời, sức xối xả của mưa. Tôi có nhiệm vụ phải thay Bác và đó không phải là một bổn phận nhẹ. Niềm cô đơn còn rộng lớn khi tôi bị bắt buộc phải nhận thấy cái chóng vánh của cuộc sống, cái vô nghĩa của đời người. Bao nhiêu triết

lý đã đề cập đến sự thực này, cố gắng xoa dịu niềm đau như miếng thuốc dán làm êm những vết thương nhức nhối. Riêng tôi thì vì ngẫu nhiên mà những dòng chữ của Lobsang Rampa đã an ủi tôi đôi chút, những dòng chữ khi ông đề cập đến cái chết của anh ông:

“Anh Paljor ở nơi cái xác thân của anh không được lâu. Cái xác thân đó³

3 Nguyên tác cuốn sách của Lobsang Rampa viết bằng tiếng Anh nhan đề là The third Eye. Rampa là nhà giải phẫu, bác sĩ y khoa, cử-nhân văn chương và phi hành gia. Ông thuộc dòng quý phái Tây Tạng, tu chứng ---> đến bậc Lama hồi mới mười sáu tuổi, được khai huệ nhãn hồi tám tuổi.

Đoạn văn này Jacques Legris dịch: Paljor n’habita pas son corps longtemps. Il était trop faible pour s’adapter à la vie difficile qui nous était imposée. “Il”, theo đúng cú pháp, là Paljor. Nhưng tôi cố ý dịch là “cái xác thân của Pajior” Rampa là Bậc Thầy, có thể có nhiều ngăn ngại không cho tôi hiểu một tư tưởng đích thực của Rampa gửi trong chữ “Il” đó bởi vì tôi không có dịp đọc được chính bản viết bằng tiếng Anh. Mà cho dù có đọc được thì sự ngăn ngại cũng không nhờ đó mà dễ vượt qua vì Rampa có thú thật là ông không hề được học “những bài học tiếng Anh chân chính” mà chỉ được học ở trại tù binh Nhật Bản, nhờ những bệnh nhân Anh Mỹ cũng bị cầm tù như ông dạy giùm. Còn việc viết ra tiếng Anh thì ông đã phải “mò mẫm”.

yếu quá để thích ứng nổi với đời sống khó khăn mà chúng tôi phải nhận chịu. Trước khi lên bảy tuổi, anh già từ chúng tôi để về nước Nghìn Ngôi Đền. Tôi cũng nhớ rõ cách người ta mang thân xác anh đi để đập nát nó và hiến cho kên kên theo tập tục xứ tôi.”

Rampa giảng rằng ở Tây Tạng không có tục chôn xác chết bởi lẽ đá cứng không đào huyệt được và nơi nào có đất thì lớp đất đó quá mỏng. Cũng không có tục hỏa thiêu bởi vì không có đủ củi để đốt. Gỗ củi phải mua từ Ấn Độ. Khi có người chết, người la mang xác đến một mô đất hoang vu đã định sẵn, xung quanh có những tảng đá lớn đứng bao vây. Xác được đặt trên một phiến đá rộng. Người ta cột tay chân xác chết vào bốn cây cọc. Người chủ lễ lấy dao mổ bụng. Tay chân và đầu được chặt lìa ra khỏi thân, kên kên

từng bày tụ họp lại đứng vây quanh trên các tảng đá. Mổ bụng xong, người chủ lễ thò tay moi lấy quả tim ra, trao cho con kên kên đầu đàn. Nó loạng choạng bước tới nhận. Một con khác tiến tới nhận buồng gan. Rồi tới quả thận và đùm ruột được trao cho các kên kên thủ lãnh khác. Thịt và da được cắt ra thành từng mảnh dài và chia cho cả đoàn kên kên còn lại. Trong một thời gian kỷ lục, cả thân xác chỉ còn lại đồng xương. Người ta dùng búa đập cho nát đồng xương đó và bày chim lại thu dọn tiếp.

Người Tây Tạng không coi thân xác là thiêng liêng. Nó không có giá trị hơn một bộ quần áo cũ. Với họ, không có sự Chết. Cũng như buổi chiều về chúng ta trút bỏ bộ áo quần đi làm, trong giấc ngủ linh hồn trút bỏ thân xác. Khi thân xác hư hao mòn mỏi thì linh hồn trút bỏ

luôn. Chết là Tái Sinh. Chết là sống một cuộc đời khác. Con người, – hay là linh hồn con người, – thì vĩnh cửu. Thân xác chỉ là một thứ quần áo tạm thời.

Ở một đoạn sau, Lobsang Rampa viết về tục lệ tắm trẻ ở Tây-tạng. Đại khái ông kể rằng người ta bế đứa trẻ sơ sinh đến một dòng suối. Bà nội cởi áo đứa nhỏ, dìm nó xuống nước, chỉ để hở đầu. Bố, mẹ và họ hàng nó đứng vây quanh. Trên cao độ hơn sáu ngàn thước, nước lạnh như cắt, thân đứa nhỏ đỏ thắm lại rồi đổi sang màu xanh.

Nó hết khóc nổi, hết phản kháng nổi. Nó im như chết. Bà nội kéo nó ra khỏi nước, lau khô, mặc áo. Nếu nó còn sống là Trời Phật muốn cho nó sống. Nếu nó chết tức là nó đã tránh được bao nhiêu đau khổ của cuộc đời, sau này.

Quan niệm sống chết thật đơn giản như đi vào và đi ra. Tôi có được đọc qua Trang-tử Huệ-tử, tôi có đọc một ít kinh Phật nhưng khi Bác giả từ chúng tôi thì chính những dòng những trầm tĩnh của Lobsang Rampa đến đúng lúc để khuyên giải tôi đôi phần.

9

Chiến tranh tràn lan mỗi ngày một rộng, làng tôi thành bãi chiến trường. Đồng bào tản cư, bỏ nhà bỏ cửa, ruộng vườn để cỏ mọc hoang. Bác gái lần mò vào được với chúng tôi, mừng gặp con cháu nhưng mắt vẫn hướng về ngôi nhà cũ và về ngôi mộ bố vợ ở lại một mình. Hễ nghe tình hình hơi yên là Bác nằng nặc đòi về. Nài không được, sắp đặt va-li định ngày lên xe

thì lại có tin đánh to trở lại. Cứ như thế tháng này qua tháng khác...

(kiểm duyệt bỏ 2 dòng)

Cái thợ đường phần của Bác gái, – ngày Bác gái đau biết không chữa được, Bác trai đặt thợ đóng hai cỗ thợ đường dành cho hai người, gỗ sao chắc chắn sơn son đặt ở nhà trên, —nghe nói trong hồi bom đạn dân vệ xã đã dùng để chôn cất ông cậu Nghi, một người ở cuối xóm bị tử thương. Về ông cậu Nghi, trước đó có tin là ông đang bệnh nặng không tản cư được, vợ phải ở lại săn sóc. Ông chết một ngày sau và làng xóm không còn ai....

(kiểm duyệt bỏ 2 dòng)

Sau đó bà vợ mới lần mò đi vô quận một mình.

Trong những ngày chiến tranh, phải nghe những tin đồn và những tin cải chính trái ngược nhau và cùng có lý như nhau. Nhưng có điều chắc chắn là kẻ gian đã cạy cửa khuôn đồ, nạy ván tháo đà, tháo luôn khuôn ngoại. Rồi nghe cỏ mọc đầy sân cỏ cao hơn thước, bờ tre bụi chuối xác xơ.

Trong cảnh điêu tàn hiu quạnh, tôi nghĩ đến Bác. Bác giữ bỏ cuộc đời trong những ngày thanh bình còn sót lại, còn được nằm êm ấm ở mảnh đất quê hương, khỏi thấy khỏi nghe sự tàn rụi của cơ nghiệp mình, kết quả bao nhiêu công lao mồ hôi xây dựng, có buồn chẳng chỉ còn Bác gái, lũ con tôi và tôi.

Có nhiều buổi chiều cô đơn vắng lặng, tôi thả hồn về từng chặng dĩ vãng, thấy lại Bác trong những khung cảnh sinh hoạt quen thuộc, từ gần gũi đến

xa xôi, từ lần gặp Bác cuối cùng trí nhớ đi ngược thời gian về đến hình ảnh Bác cầm tay tôi dắt đi trên những con đường âm u cây lá trong vườn, ra cái bến nhỏ để cùng nhìn xuống dòng sông.

